

SỐ 23 NGÀY 15-12-1965

BACH KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm thứ chín

VŨ BẢO *Phi-Luật-Tôn bầu Đổng Thống mới* * ĐÀO
ĐĂNG VỸ *đã chú trọng tới vấn đề văn hóa chưa* *
ĐOÀN THÈM *đẹp trong kiến trúc hiện đại* * NGUYỄN
PHƯƠNG *vài điều lưu ý về thời-biểu* * BỬU CHÁNH
máy tính điện-tử đời trong sống ngày nay * NGUYỄN
NGU-Í *sống và viết với Nguyễn Hiến Lê* * DUY kinh tế
du kích chiến * NGUYỄN THANH *điện và nước* *
MỘNG TRUNG *hôn nhân dị chủng* * VŨ DZÔNG
những khung trời ngổ * Y UYÊN *chiều trong làng* *
MINH QUÂN *lá thư Ba Lê* * THANH TÂM TUYÊN *cát
lầy* * **SINH HOẠT** *Hai giải văn-chương tại Pháp* *
Tờ báo đầu tiên của V.N. *
*Sáng tác văn nghệ phục
vụ thanh thiếu nhi* *

215



Thanh thoát
 Fine
 Dịu dàng
 Racée
 Tonique

NUỐC HOA
 NGÔI SAO
 EAU
 DE
 COLOGNE
 L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUEE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S.I.T. DES DISTILLERIES DE L.E.C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
 EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
 en vérifiant que la capsule inviolable
 que comportent les bouteilles
 d'origine sous leur bouchon à
 vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
 RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thật, khi
 mua quý ngài nên để đặt kiểm
 soát lại nắp chì giữa gian
 bọc ở miệng chai chính gỗ
 nằm phía trong nắp vụn
 dính ốc còn nguyên vẹn.

DiC



DiC

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 215 ngày 15-12-1965

VŨ-BẢO <i>Phi-Luật-Tân</i> bầu Tổng-Thống mới : ông Ferdinand Marcos	3
ĐÀO-VĂN-VỸ đã đến thời kỳ chú trọng đến vấn đề văn hóa chưa ?	9
ĐOÀN-THÊM đẹp trong kiến trúc hiện đại	13
NGUYỄN-PHƯƠNG vài điều nên lưu ý về thời biểu	21
BỬU-CHÁNH máy tính điện tử trong đời sống ngày nay	25
NGUYỄN-NGU-Í sống và viết với Nguyễn-hiến-Lê	33
DUY kinh tế du kích chiến	43
NGUYỄN-THANH điện và nước	51
MỘNG-TRUNG hôn nhân dị chủng	55
VŨ-DZŨNG những khung trời ngỏ II (Hồi-ký)	59
THANH TÂM TUYẾN cát lầy (truyện dài)	68
MINH-QUÂN lá thư Ba Lê	75
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN giải thưởng văn-chương tại Pháp :	
<i>giải Goncourt và Renaudot</i>	81
NGUYỄN-NGU-Í <i>Gia-Định báo, tờ báo đầu tiên tại Việt-Nam</i>	
★ <i>Một đường hướng sáng tác văn nghệ phục vụ thanh thiếu nhi</i>	83

Vì lý do kỹ thuật chúng tôi phải gác truyện ngắn của Y UYÊN tới kỳ sau. Xin cáo lỗi cùng bạn đọc.

BÁCH-KHOA THỜI - ĐẠI

trong những số tới

<i>Văn-dề Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc</i>	VŨ-BẢO
<i>Tô điềm hay không tô điềm trong kiến-trúc hiện-đại</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Tính cách dân-tộc trong nền kinh-tế chống du-kích</i>	DUY
<i>Phi-thuyền Gémini 6 và 7</i>	NGỌC-VÂN
<i>Tặng-thức trong việc giáo-dục</i>	NGUYỄN-G.-TƯỜNG
<i>Làm sao cho học sinh bớt dốt Việt-văn</i>	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
<i>Nỗi hoài-nghi của Cézanne (dịch Merleau-Ponty)</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN-VĂN-KHÊ
<i>Hôn nhân dị chủng (lá thư Ba Lê)</i>	MỘNG-TRUNG
<i>Khoảng trống sau lưng (truyện ngắn)</i>	VÕ HỒNG
<i>Hoạt cảnh II (truyện ngắn)</i>	VÕ-PHIẾN

Mọi sự thanh-toán tiền nong xin gửi cho: Ông Lê-Ngô-Châu,
160 Phan-Đình-Phùng Saigon; nếu ở xa, có thể trả bằng bưu-chi-
phiếu gửi cho « Tạp-chí Bách-Khoa Thời-Đại, Trương-mục
27-46 Trung khu Saigon »

NHÂN ĐIỂM QUA NHỮNG CUỘC BẦU CỬ
CUỐI NĂM 1965 :

Phi-Luật-Tân bầu Tổng-Thống mới Ông Ferdinand Marcos

● VŨ-BẢO

Tiếng súng Plei Me và Chu Prong gần đây đã lấn át các tin tức khác và khiến chúng ta bớt chú ý đến tình hình ở các nước ngoài. Chẳng hạn như chúng ta không dè là chỉ trong thời gian trận đánh diễn tiến ở Cao nguyên đã có lối 7 nước tổ chức tổng tuyển cử. Đó là Thổ Nhĩ Kỳ, Gia Nã Đại, Israel, Côte d'Ivoire, Bồ Đào Nha, Phi Luật Tân và Pháp.

Mỗi một cuộc bầu cử đó đã có một sắc thái riêng biệt :

Èm dềm đến mức khiến cho người ta phải thêm thường là bầu cử tại Côte d'Ivoire, 99 phần trăm cử tri đã chọn cử Tổng Thống Houphouet Boigny thêm một nhiệm kỳ 5 năm nữa, và nước này từ khi độc lập năm 1960 tới nay cũng vẫn một người lãnh đạo.

Bồ Đào Nha cũng ở cùng một trường hợp. Vẫn một người, thủ tướng Salazar được bầu lại nhưng dai dẳng đến chỗ khó chịu vì ông ta làm Thủ Tướng suốt từ 1932 đến nay, — từ ngày Phồ Nghi còn làm Hoàng đế Mãn Châu, 33 năm có lẽ rồi mà chưa biết còn đến bao giờ nữa. Mặc cho thế giới bên ngoài thay đổi, Salazar cứ ngồi nguyên và cuộc bầu cử năm nay ông lại thắng phiếu, lý do là vì những ứng cử viên đối lập đã không được ông cấp cho "bông" mua thứ giấy riêng để in phiếu bầu.

Cùng một tính cách chuyên chế, nhưng lại khinh miệt hẳn đối thủ không nhận đối thoại, đó là tướng De Gaulle. Ra ứng cử nhưng nhất định không vận động tranh cử, De Gaulle đã đề cho dân chúng Pháp chọn lựa giữa ông ta và sự hỗn loạn của những năm trước 1958

Cuộc bầu cử ở Pháp đã biến tính và trở thành một cuộc trưng cầu dân ý chung quanh tên một người.

Buồn tẻ nhất là một cuộc tổng tuyển ở Gia Nã Đại. Thủ Tướng Pearson đã giải tán quốc hội cho bầu lại với hy vọng là đảng Tự Do của ông ta lần này có thể chiếm đa số trong quốc hội nhưng dân chúng đã phải đi bầu trong 5 lần liền trong 8 năm nên không còn tìm thấy hứng thú trong việc xử dụng lá phiếu. Rút cuộc Pearson đã thắng Diefenbaker đảng Bảo Thủ, nhưng Pearson vẫn không chiếm được đa số trong quốc hội vì đảng ông chỉ được có 129 ghế trong số 265 ghế. Nghĩa là bầu lại cũng như không.

Bề ngoài có vẻ mâu thuẫn nhất là cuộc tổng tuyển cử ở Thổ Nhĩ Kỳ. Đảng Công Bằng của ông Demirel đã thắng một cách rất vẻ vang đảng Cộng Hòa của ông Inonu. Đảng Lao Công Mác-xít đã thất bại nặng nề và chỉ được có 3 phần trăm số phiếu. Trong cuộc bầu cử này người ta đã thấy các người dân quê bỏ phiếu chống lại cuộc cải cách ruộng đất, các người thợ mỏ tẩy chay các đảng tả khuynh. Mặc dầu có những hứa hẹn của các chương trình cấp tiến xã hội, dân chúng đã chọn lựa đường lối dân chủ và tự do kinh doanh của Tây phương.

Trẻ trung nhất là cuộc bầu cử tại Israel. Dân chúng lúc nào cũng vẫn tôn sùng Ben Gourion mà họ coi như một vị quốc phụ có nhiều công lập quốc, nhưng dân chúng vẫn chọn bầu cho ông Eshkol tương đối trẻ hơn và tượng trưng cho sự ổn định kinh tế. Đại đa số dân Israel đều cho là sau bao nhiêu năm mồ hôi nước mắt xây dựng quốc gia mới, đã đến lúc họ có quyền hưởng thụ cuộc đời

chứ còn ngày nào cũng phải viết những trang sử hùng tráng như trong cuốn Exodus thì một lăm.

Đám máu nhất thì là cuộc bầu cử tại Phi-Luật-Tân. Gần 60 người chết trong cuộc vận động tranh cử vì hai bên nóng tiết đã lên cò súng nói chuyện với nhau thay vì thảo luận hòa nhã về chương trình ứng cử. Nhưng ông Juan Borra, chủ tịch Ủy Ban bầu cử vẫn cho đó là một tiến bộ lớn so với các lần trước: «Lần này dân chúng Phi đã tỏ ra trưởng thành về chính trị nên đã ít xảy ra bạo động, còn năm 1961 chúng tôi đã có lối 200 người chết trong cuộc tranh cử».

Phạm vi bài này không cho phép chúng ta dừng lại lâu hơn về mỗi cuộc tổng tuyển cử cùng rút ra những kết luận về ý nghĩa sự đắc thắng của mỗi ứng cử viên. Tuy nhiên chúng ta sẽ đề ý nhiều hơn tới cuộc bầu cử tại Phi-Luật Tân vì trong 7 nước kể trên, Phi gần ta nhất về địa dư cũng như về chính trị, và kết quả cuộc bỏ phiếu có thể có ít nhiều ảnh hưởng tới cuộc chiến đấu ở Việt Nam.

oOo

Kỳ này tại Phi hai ứng cử viên chính là Tổng Thống Diosdado Macapagal 55 tuổi thuộc đảng Tự Do, ra ứng cử nhiệm kỳ hai và chủ tịch Thượng nghị viện Ferdinand Marcos 48 tuổi lãnh tụ đảng Quốc gia Thường thường ở các nước khác, cuộc vận động tranh cử chỉ diễn ra một tháng trước ngày bỏ phiếu nhưng ở Phi-Luật-Tân năm nay hai bên đã vận động trong vòng suốt một năm trường. Truyền đơn, biểu ngữ, bích chương, phim ảnh, không một hình thức tuyên truyền nào là không được xử dụng và cả hai ứng cử viên đó tiêu khoảng 1 tỷ



Tân Tổng-Thống Phi và bà Marcos
hợp ca tranh cử

200 triệu bạc Việt Nam cho cuộc vận động, nghĩa là nếu đem chia cho 8 triệu cử tri thì thấy rằng với mỗi lá phiếu, dù có bỏ vào thùng phiếu hay không, đều phải chi 150 đồng.

Chương trình ứng cử của hai bên lại gần giống hệt nhau nên muốn gọi sự chú ý của cử tri cả hai đều thấy tiện hơn hết là đả kích cá nhân. Thế là hai ứng cử viên tặng nhau đủ mọi thứ danh từ, Marcos kết tội Macapagal là đã dung túng hối lộ, đã nuôi dưỡng gian thương cho vật giá lên cao, đã để cho nạn thất nghiệp hoành hành, đã làm ngơ cho việc buôn lậu trở thành kỹ nghệ phồn thịnh hàng đầu trong nước.

Macapagal cũng không phải tay vừa và đã ăn miếng trả miếng đầu ra đấy. Macapagal lên án Marcos là đã cướp đoạt ruộng đất của nông dân, đã giả mạo chứng thư và thứ nhất là đã dúng tay vào một vụ án mạng năm 1935 khi Marcos mới 18 tuổi.

Tất cả sức tấn công của Macapagal đã không làm cho Marcos nao núng. Vì Marcos đã có một khí giới mãnh liệt hơn để chinh phục quần chúng: đó là Marcos phu nhân, nữ danh Imelda đã từng được bầu làm hoa hậu Ma-ni-la năm 1954. Marcos biết rõ tâm lý người Phi ưa vũ nhạc nên đi vận động tranh cử ở nơi nào Marcos cũng mang theo bà vợ khá ái đi theo và sau khi diễn thuyết Marcos cho đốt pháo bông rồi cùng với Imelda ra trước máy vi âm hợp ca những bản mà dân Phi ưa thích nhất. Sau khi đã hâm nóng được nhiệt tình của đoàn người ủng hộ, Marcos hô những khẩu hiệu đòi Macapagal phải « Alis d' yan » nghĩa là phải « ra đi ». Thế là dân chúng hò reo « Alis d' yan, Alis d' yan » ! Và người ta không lấy làm lạ khi thấy Marcos đã hơn Macapagal trên 600.000 phiếu.

Thực ra Marcos thắng không phải chỉ vì đã khéo vận dụng tâm lý quần chúng hay đã được bà Imelda giúp đỡ một cách đắc lực. Marcos là một lãnh tụ chính trị có tài mà thân thế và sự nghiệp có nhiều nét khả kính.

Ngay từ khi còn là sinh viên trường Luật, Marcos đã là một nhà thể thao có hạng được tuyển lựa để đại diện phân khoa về các môn đánh vật, quyền Anh và bơi lội. Marcos còn là một tay thiện xạ đã chiếm giải quán quân bắn súng. Chính vì cái tài bách phát bách trúng này mà Marcos đã bị liên lụy khi ông thân của Marcos ra ứng cử Thượng nghị sĩ, đối thủ chính trị của cha mình bị bắn chết, thiên hạ đã sàm si tác giả của cuộc hạ sát gọn gàng đó chắc chắn không còn ai khác hơn là Marcos.

Marcos bị tổng giam và ở trong ngục

đã tiếp tục nghiên cứu luật. Được tự do tạm sau khi đóng tiền thế thân, Marcos thi đậu tốt nghiệp Luật khoa và đã chọn ngay chính mình làm khách hàng đầu tiên để tự bênh vực trong vụ án mưu sát mà Marcos bị tình nghi là thủ phạm. Trước pháp viện tối cao, với một lập luận chặt chẽ và một giọng nói hùng hồn Marcos đã bẻ gãy vụn các lời buộc tội và được xử trắng án.

Trong thế chiến thứ hai, khi quân đội Nhật Bản đổ bộ lên Phi-Luật-Tân thì Marcos đang đóng Trung Ủy.

Thị trấn Bataan thất thủ, Marcos bị bắt làm tù binh, nhưng trốn thoát vào rừng và cầm đầu một toán du kích, tuy chỉ có một dúm người mà đã nhiều phen làm cho quân đội Thiên hoàng phải điên đầu. Chiến tranh chấm dứt, Marcos được coi như là sĩ quan Phi Luật Tân được duyên tương công trạng nhiều nhất và được tặng nhiều huy chương nhất với 27 mề đay trên ngực áo.

Marcos bước vào chính trường với nhiều danh vọng, là cố vấn đặc biệt cho Tổng Thống Roxas, ứng cử vào Hạ nghị viện, rồi vào Thượng nghị viện, rồi giữ chức chủ tịch viện này. Trong bao nhiêu lần tranh cử Marcos chưa từng bao giờ nếm mùi thất bại và đầu tháng 11 vừa qua đã chiếm nốt ghế cao nhất của chính trường Phi Luật Tân để làm Tổng Thống trong 4 năm sắp tới.

Sự đắc thắng của ông Marcos sẽ không thay đổi gì nhiều chính sách đối

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Thiên Nga** truyện dài của Minh Đức Hoài Trinh, thuộc tủ sách «*Những tác phẩm hay*», do tác giả gửi tặng, Sách dày 232 trang, bản đặc biệt không đề giá.

— **Phật-giáo Việt-Nam xưa và nay** của Thích-Thiên-Ân, do Đông-Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 84 trang : Bài giảng trong chuyến công-du tại Hoa Kỳ và Nhật-Bản của T.T. Thích-Thiên-Ân. Bản đặc-biệt không đề giá.

— **Tiền lực** số 2, tháng 10 năm 1965, tạp chí xuất bản hàng tháng tiếng nói của Trung-tâm văn-hóa xã-hội Phật-giáo Đà Nẵng. Chủ nhiệm : Thích-Minh-Tuấn ; Tổng thư ký : Vũ Hán, Toà soạn : 30 A Đà Nẵng, mỗi số khổ 16×24 gồm trên 60 trang, giá 10đ.

— **Ngày mai ra sao** dịch từ nguyên tác «*Lucky Four*» của Anne Colver ; Dịch giả : Lê-Hùng-Tâm và Phan-Khải, do Ban Tu-Thư Viên-Hồng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang, giá 20đ.

— **Ngồi lại bên cầu** tập truyện của Trần-Phong-Ciao do Giao-Điểm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 124 trang, gồm 5 truyện ngắn, không đề giá bán.

ngoại của Phi Luật Tân. Đối với Hoa Kỳ, Marcos là một người bạn thiết và ông hoàn toàn ủng hộ lập trường của Tổng Thống Johnson về vấn đề Việt Nam. Có thể là sau khi nhận chức, ông Marcos sẽ gửi thêm quân chiến đấu sang giúp đỡ Việt Nam bên cạnh những phái đoàn y tế của Phi hiện đang có mặt tại đây. Ông Marcos cũng sẽ hoạt động đề gia tăng các mối liên lạc kinh tế và văn hóa giữa các nước hội viên của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á SEATO. Gần đây ông cũng đã vận động đề cho Manille được chọn làm trụ sở cho Ngân Hàng Phát Triển Kinh Tế Á Châu.

Đối nội ông Marcos sẽ phải đương đầu với nhiều vấn đề khó khăn hơn. Nạn thất nghiệp đang có nhiều dấu hiệu bành trướng, giá sinh hoạt trong năm qua đã tăng lên 9,6 phần trăm trong khi mức lương bình nhích được có 2,9 phần trăm. Ngân sách thiếu hụt khoảng 27 tỷ bạc Việt Nam và do nạn buôn lậu ngân sách thất thu ít nhất 1 phần 10 số quan thuế.

Liệu tân Tổng Thống Marcos có cải thiện được tình hình không? Câu hỏi đó sẽ được trả lời rõ rệt trong cuộc tổng tuyển cử kỳ tới vào năm 1969. Người dân Phi-Luật-Tân tới nay đã hưởng được hai mươi năm độc lập nhưng chưa một lần nào họ tái cử vị Tổng Thống tại chức cho một nhiệm kỳ thứ hai. Tổng Thống Cộng Hoà Phi đầu tiên là ông Roxas, rồi đến ông Quirino,

rồi tới Magsaysay. Ông này bị nạn phi cơ, và ông Garcia lên thay, sau đó là Macapagal và gần đây Marcos. Điện Malacanang (tòa Bạch Ốc của Phi) luôn luôn phải làm quen với những vị chủ mới. Không hiểu ông Marcos, con người chưa từng thất bại, trong tình yêu cũng như ngoài chính trường, lúc cầm đầu quân du kích cũng như khi hoạt động tranh cử, con người đó có thắng được một lần nữa không và nếu được kỷ lục là Tổng Thống đầu tiên được tái cử nhiệm kỳ hai hay không? Và con người đã thành công trong nhiều chinh phục liệu có thành công trong cuộc chinh phục khó khăn nhất là chinh phục lòng dân không?

VŨ BẢO

VIỆT NAM ĐẠI HỌC TÙNG THƯ

● Một dịp may cho các bạn sinh viên là tất cả tài liệu giáo khoa, nghiên cứu ở cấp bậc Đại Học được chuyển sang tiếng Việt do V.N.Đ.H.T.T. ấn hành sách quay Stencil, giá rẻ để rồi sinh viên có thể mua dùng.

● Trong giai đoạn I, tùng thư ấn hành các tài liệu khoa học :

ĐÃ PHÁT HÀNH :

- TOÁN TÍNH ĐIỆN
- TOÁN ĐIỆN HỌC
- TOÁN QUANG HỌC

Địa chỉ liên lạc :

Ô. PHẠM LONG ĐIỀN — 5/7
Nguyễn Trãi — Chợ-Quán — Chợ-Lớn.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE : *Plaplachai, Bangkok*

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C. 2*

oTkyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York RepresentatIve

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

Bên lề dự án thành lập Viện Văn-Hóa

• ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

ĐÃ ĐẾN THỜI-KỲ CHÚ-TRỌNG TỚI VẤN-ĐỀ VĂN-HÓA THẬT SỰ CHƯA ?

Trong số tạp chí bằng Pháp văn "France Asie" tháng 8 năm 1958, chúng tôi đã từng đề cập đến vấn đề thành lập một Hàn-lâm-Viện Việt-Nam. Vấn đề này từ trước đã được nhà học-giả Phạm-Quỳnh đặt ra, và sau này nhiều nhà văn nhà báo cũng đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhất là bạn Nguyễn-Vỹ trên báo Phò-thông đã nói đến luôn luôn.

Về phía chính-quyền trong thời - kỳ Pháp thuộc nghĩa là hồi Phạm-Quỳnh đặt ra vấn-đề và trong lúc Việt-ngữ vẫn chưa được xem là một chuyên-ngữ và một ngôn-ngữ chính ngay trong xứ sở, thì việc thành lập một cơ quan như thế quả là có sớm. Nhưng sau này trải bao nhiêu năm chánh-phủ quốc-gia đã liên tiếp nhau nắm chánh-quyền, đầu là lúc đầu còn có quân đội Pháp kèm một bên, mà vẫn không một chánh-phủ nào quan-tâm đến các vấn-đề văn-hóa, và hình như đối với một số người, việc giáo-huấn, giáo-dục là gồm cả văn-hóa rồi. Vậy thì có một Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục rồi cần gì nói đến 1 viện Hàn-lâm hay Viện Văn-Hóa.

Đến hồi họ Ngô cầm quyền, tôi còn nhớ chính ông Ngô-đình-Diệm ra trước Quốc-hội mấy lần nói đến vấn-đề mở-mang văn-hóa, và trong ấy ngụ-ý thành-lập một Viện Hàn-Lâm hay Văn-hóa gì đó. Nhưng mãi về sau, mới đặt ra Bộ Văn-hóa do giáo sư Trương-công-Cừ cầm đầu, nhưng cho đến thời-kỳ họ Ngô bị lật đổ mà Bộ Văn-hóa cũng chưa thấy đưa ra một dự án nào. Và việc hình-thức bề ngoài chớ chánh-phủ lúc ấy cũng không thực-tâm thực-hiện một công cuộc văn-hóa gì xứng đáng. Trong lúc đó Bộ Giáo-dục lại có một Nha Văn Hóa mà đến nay vẫn tồn-tại, và Bộ Thông-Tin cũng có một Văn-Hóa-Vụ và mỗi năm có tổ-chức những giải thưởng văn chương gồm nhiều bộ-môn (truyện dài, truyện ngắn, kịch, thơ, tuồng cải-lương v. v. .)

Sau ngày đảo-chánh 1-11-1963 chánh-quyền "chính lý" của tướng Nguyễn-Khánh có lập một phủ Phó Thủ-Tướng đặc-trách Văn-hóa Xã-hội do tướng Đỗ

Mậu phụ trách và đã có nhiều lần hội-họp, dự-án soạn thảo cũng nhiều, lại có một lần ra mắt công-chúng với bài diễn-văn của giáo-sư hóa-học Phạm-đình-Ái bài góp ý của ông bạn Đoàn Thêm (1) sau lời nói đầu của tướng Đồ-Mậu.

Hình như lúc ấy có dự-định mở một Đại-hội Văn-hóa toàn-quốc trước khi thành-lập một Viện Văn-hóa, và nhà Quốc-Hội cũ, tức nhà hát lớn hồi xưa, đã được lấy làm Nhà Văn-hóa... Không biết về sau lục-đục chánh-trị thế nào, mà mãi đến hồi xảy ra những vụ « xuống đờng » với cái Hiến-chương Vũng-Tàu quái đĩ đã làm tướng Khánh đồ, và các dự-án về Văn-hóa của tướng Mậu cũng theo các vụ lộn-xộn mà đổ luôn Lại cũng chỉ tốn tiền về nhân-viên và dụng-cụ văn-phòng mà văn-hóa cũng không hưởng được chút gì đề vưon mình tiến-triền.

Chánh-phủ Phan-huy-Quát lại tế-nhị vor luôn cả Văn-hóa và Giáo-dục, lại thêm cái Bộ Dân-chủ gì đó đặt vào tay B.s Nguyễn-tiến-Hỷ phụ-trách luôn ba việc, oái-oăm thay. Bạn Hỷ dầu giỏi-dang đến đâu cũng gánh sao nổi ba bộ một lần, cho nên trong thời kỳ ấy cũng chỉ thấy vài tiệc trà xã-giao và một số diễn văn của ông Bộ-trưởng mà Văn-hóa cũng nằm trơ cho đến lúc chánh-phủ Quát, Tuyên, Hỷ rút luôn, lòi cả cụ Phan khắc-Sứ nhào cả ghế Quốc-Trưởng và nội các Chiến tranh của Thiếu-Tướng Kỳ ra đời. Tuy đây thanh-niên tỉnh và luôn luôn vui mồm, Tướng Kỳ vẫn không quên vấn đề văn-hóa, nên đã giữ cái bộ Văn-hóa Giáo-dục và cũng đã mời luôn một bác sỹ nữa là bác sỹ Trần-ngọc-Ninh kiêm-nhiệm cả Văn-hóa lẫn

Giáo-dục. Văn-hóa hồi này tra bác sỹ quá! Và ta cũng mong vị thầy thuốc Thạch sỹ Ninh sẽ thơm tay hơn thầy thuốc Hỷ, và mau mau cho ra đời các dự-án văn-hóa gì đó, kéo số mệnh các vụ văn-hóa trước đã làm cho giới văn-hóa quá buồn lòng rồi.

Mà Văn-hóa-viện của Bác sỹ Ninh nghe đâu cũng sắp ra đời thật với một thành-phần gồm đủ Nhi-thập-bát-tú. Tuy nhiên 28 vị sao dưới đất này không biết có làm đủ công-việc của một tòa Văn hóa-viện không? Đủ hay không đủ cũng sẽ do các địa-tú này muốn làm hay không và làm việc gì?

Nếu các vị chỉ đến hút thuốc phi-phào chơi và đánh tổ-tôm như các cụ Khai-trí hồi xưa ở bên Hồ Hoàn-Kiểm Hà-Nội thì thành-phần 28 cũng quá đủ. Còn các vị muốn phụng sự Văn-hóa thật tình thì quả là còn thiếu.

Thiếu nhất là nếu ta hiểu Viện Văn-hóa không phải chỉ gồm một bộ-môn Văn-chương và Văn-học không thôi mà còn có thể gồm các bộ-môn Nghệ-thuật và Khoa-học nữa, vì chữ Văn hóa bao gồm hết tất cả mọi ngành. Mà ngay như chỉ một việc san-định danh-từ, soạn thảo một pho Việt-Nam Từ-Điền cho đầy-đủ không thôi, thì số 28 thấy cũng đã «bết» lắm rồi. Hàn-lâm-viện Pháp chỉ lo một việc này mà từ khi thành-lập (635) cho đến nay vẫn gồm đến 40 ông Hàn-lâm. Cạnh viện này về sau lại thành lập Viện Hàn-lâm Cổ-học và Mỹ-văn (1663) (Académie des Inscriptions et Belles Lettres) cũng gồm 40 vị chuyên về sử-học và cổ-học. Đến năm 1666 ở Pháp lại lập thêm viện Khoa-học gồm 66 vị chuyên về các vấn đề Toán-học, Lý-hóa học v.v... Năm 1795 lại thành lập Viện

(1) L. T. S. Xin xem BK, các số 175, 176 và 178 (Tháng 4, 5, 6, năm 1964).

Mỹ-thuật gồm 40 nhà họa sỹ, điêu-khắc, nhạc sỹ v.v.. và cũng cùng năm ấy Viện Nhân-sinh và Chính-trị-học (Académie des Sciences Moriales et Politiques) cũng gồm 40 triết-gia, kinh-tế-gia, luật-gia v.v. Rồi sau lại có những Viện Y-học, Hàn-lâm Nông-phổ v.v.. Ở Đức có Viện Hàn Lâm Bá-Linh, ở Anh có viện Hàn-Lâm Anh-Quốc, Viện Hàn-Lâm Hoàng-gia Luân-đôn, ở Nga có Viện Hàn-Lâm Khoa học Số-viết, ở Hoa-Kỳ có Viện Khoa-học Mỹ-Quốc ở Philadelphia và Viện Hàn Lâm Văn-ngệ và Khoa-học ở Boston, Viện Hàn-lâm Khoa-học ở Saint Louis, Viện Hàn-lâm Mỹ-thuật và Văn-học, Viện Hàn-Lâm Chính-trị và Xã-hội-học, Viện Hàn lâm Mỹ-ngệ, Viện Hàn-lâm Y-học v.v.. Nước nào cũng có những Viện Hàn-Lâm Văn hóa, Văn-học, Mỹ thuật, Khoa học v.v.. và có từ lâu, và gồm nhiều nhân viên trong mỗi viện Chỉ có nước Việt-Nam ba nghìn năm văn-hiến của chúng ta là mỗi lần nói đến việc thành lập một Viện Hàn Lâm hay Văn-hóa thì nhiều người đâm ra nghi ngờ, và cũng có kẻ không biết những cơ-quan ấy có ích lợi gì không. ta thường quên rằng các nước theo chế độ Cộng-sản rất chú-tâm vào việc văn-hóa cũng như việc tuyên-truyền mà các chánh phủ quốc-gia lại tỏ ra rất hồ hững.

Một Viện Hàn-lâm hay Văn-hóa chẳng những cần lập mà phải lập ngay. Dự-án đầu hay dở cũng cứ nên cho xuất hiện rồi sẽ bỏ tước, sẽ sửa đổi sau. Cần lập một cơ quan như thế, vì nhiều công việc phức tạp cũng đang chờ đợi một cơ sở chính thức chăm lo : chỉ một việc suu tập ragon ngữ, san-định danh-từ thống-nhất tiếng Việt cũng đã tốn bao nhiêu công-phu và bao nhiêu người hợp-tác rồi.. Nếu quan niệm một Viện Văn-hóa

phải gồm những tiêu-thuyết gia, kịch gia, thi gia, ngữ học-gia, sử-gia, cổ-học-gia... và các nhà hán-học, ngoại-ngữ học, các nhà mỹ-thuật, âm-nhạc, kỹ-sư, khoa-học, toán, lý-hóa, các nhà vạn-vật..., thì bằng vào cái số Nhị-thập-bát-tứ quả là có ít. Và công việc ở xứ ta hiện nay càng khó khăn hơn ở các nước vì mới bước đầu, mà mỗi ngành văn-hóa phải đặt mỗi ban và một ban ít ra cũng lại phải có vài ba người.

Đó chỉ mới là việc định thành phần mà việc này phải do nội-dung dự-án và quan niệm của người đặt ra dự án ấy ra sao mới quyết định một con số tạm-thời được.

Nếu nói đến việc lựa chọn người thì càng khó khăn hơn nữa, và số càng ít lại càng khó lựa. Và lựa người đề mời thì phải theo những tiêu-chuẩn nào ? Theo bằng cấp chẳng ? Theo tác phẩm chẳng ? Theo tác phẩm thì làm sao định ai hơn ai, tác phẩm ai hay hơn, tác phẩm nhiều hay ít ? Ai định những giá trị đó, ai có những chỉ-dẫn đầy đủ ? Ngay như danh sách các tác-giả, nghệ-thuật-gia, học-giả v.v..., tôi dám chắc chưa có cơ-quan nào có đầy đủ, còn nói gì đến những hoạt-dộng của mỗi người, tác-phẩm của mỗi người. Đó là mới nói những nhân vật ở ngay Sai-gon mà cũng chưa biết đủ còn nói gì đến các tỉnh ? Nếu chỉ bằng vào sự giới-thiệu của vài nhân-viên chá nh-phủ và của bằng-hữu các vị này..., thì sự lựa chọn sẽ đứng trên một căn bản rất hẹp hòi không tránh được sự thiếu sót và thiên-lệch, dầu muốn vô tư và khách quan. Vậy việc thứ nhất trước khi lựa chọn một số người vào Viện Văn-hóa, thì ít nhất là phải lập một danh-sách đầy đủ về các văn-ngệ-sỹ với lý-lich và tác-phẩm đầy đủ (việc này, dầu không có một

Viện Văn-hóa, mà chỉ có Bộ Văn-hóa cũng đã cần làm rõ), các kỹ-thuật gia và khoa-học-gia v.v.. Muốn công việc này khỏi thiếu sót, sự tìm-tòi phải phổ biến rộng-rãi qua các hiệp-hội Văn-hóa (1) các Hội Ái Hữu (Trung Nam Bắc, Cựu sinh viên cựu học-sinh...), các trường Đại-học, và Trung-học, qua các báo-chí (nhất là các tập san văn-nghệ thường có một nhóm cộng tác), qua các cơ-quan hành-chánh ở tỉnh v.v..

Sau khi có những danh sách này rồi, có lẽ nên có những buổi họp đông đủ chừng nào hay chừng đó, hoặc mời một Đại-Hội-Văn-Hóa để thảo luận về dự-án chánh-phủ... và sau cùng các nhà Văn-hóa tự bầu một số vào Viện Văn-hóa.

Vả nội-dung dự-án thành-lập cơ-quan Văn-hóa cũng nên phổ biến đề công-luận rộng bề góp ý kiến xây dựng, không nên để kín đáo giữa một thiểu số rồi đột-ngột tung ra, sẽ có những kết-quả không được mỹ mãn.

oOo

Trên đây là vài ý-kiến xây dựng để bàn góp với Bộ Văn-hóa, với hy vọng rằng B.s. Trần-ngọc-Ninh lần này sẽ thực hiện được những cái mà các chánh

phủ trước cứ lục-đục mãi vẫn chưa thành.

Phải sống trong Ván-hóa, phải hoạt-động Văn-hóa thường-xuyên mới có thể yêu Văn-hóa và sốt-sắng với Văn-hóa, còn đối với những kẻ chỉ trông vào danh vị, quyền-lợi riêng tư hay đã có đồng-lương mỗi tháng chắc nịch, đối với những người ra khỏi trường chiếm được một địa vị trong xã-hội rồi và chỉ lo xe hơi nhà lầu thì Văn-hóa quả nhiên là thừa.

B.s. Trần-ngọc-Ninh là vị thầy thuốc giỏi và vị giáo-sư có uy tín và vị Đặc-trách Văn-hóa bên bác sỹ hình như là nhà văn-sĩ lão thành Nguyễn-duy-Cần đã từng ở trong giới Văn-hóa, hai bạn là người yêu văn-hóa, sẽ đem lại một thang thuốc hay cho nền Văn-hóa dân-tộc và quốc-gia bấy lâu nay chỉ sống vất vưởng không ai chăm sóc tận-tình. Hai vị chỉ cần quả-quyết và quyết định gấp. Giới Văn-học trông mong hai vị thành-công, và thành-công lớn.

Đ. Đ. V.

(1) Các Hội này có lẽ Bộ cũng chưa có đủ danh-sách, vì trong lễ kỷ-niệm Nguyễn-Du vừa rồi, thấy nhiều Hội và nhiều văn gia không được mời...đều là người rất hoạt-động về Văn hóa. Danh sách này ở Văn-hóa vụ cũ, Nha Văn-hóa, Bộ Thông-Tin, Bộ Nội-Vụ có một phần.

GÓP VUI

Được tin hai bác Lưu-Hữu-Nhơn (Ô-Môn) vừa làm lễ thành-hôn cho thứ nam : cậu Lưu-Hữu-Lộc sánh duyên cùng cô Nguyễn-Thị-Thanh-Phương, (ngày 17-11-1965), chúng tôi xin góp vui cùng hai bác và xin chúc vợ chồng em Tám được mọi điều hạnh phúc.

Trần-Văn-Khê và Nguyễn-Hữu-Ngư

Đẹp trong Kiến-trúc hiện - đại

Có những nhà được khen là tân-kỳ và hợp-thời khi mới xây xong, nhưng chỉ vài năm sau, nhiều người trông đã thấy chán: chẳng khác nào đối với xe hơi hoặc quần áo. (1)

Ngược lại, một số nhà cũ, ít nhất đã ba bốn chục tuổi, vẫn rất dễ coi; hơn nữa, chính vẻ đáng ưa của các ngôi này lại thấy phần nào ở những nhà hạng đẹp xây sau 1960 tuy ở mỗi loại, vật-liệu, kỹ-thuật, và kiểu-thức đều khác.

Phải chăng có những yếu-tố nào chung, kết thành mỹ-thái ở kiến-trúc mọi thời? Hay đúng hơn, thì dù theo kiểu nào, nhà chỉ đẹp lâu nếu hội đủ một số điều kiện căn-bản?

Trong giới kiến-trúc và nghiên-cứu nghệ-thuật, chưa thấy ai lên tiếng phủ nhận. Song người tôn trọng qui-củ hoặc có khuynh-hướng bảo-thủ, muốn coi những điều-kiện kia như định-luật và dựng thành công-thức tạo-tác, còn người có tinh thần cởi mở chỉ chấp nhận phần nào, và châm chước tùy trường-hợp.

oOo

Những ngôi nhà đẹp, dù khi mắt vừa nhìn thoáng, cũng cho thấy điều-hòa vì thích-hợp và tương-xứng: rồi những cảm-xúc đó sẽ được nhận thức rõ hơn, khi nhỡn-quan cùng lý-trí lần lần phân tích.

Thích-hợp

Trước hết, nhà phải *hợp* với *công-dụng* để có *tính-cách rõ-rệt* (caractère). Nói một cách nôm-na, thì trường học phải ra trường học, rạp hát phải ra rạp hát...

(1) Quả như André Gide đã nhận xét, chính cái gì có vẻ tân thời nhất lại chóng có vẻ cũ kỹ nhất. (Ce qui paraît le plus vieux, c'est ce qui d'abord aura paru le plus moderne).



Hình 1.—Trường
của E.Saarinen



Hình 3. — Nhà
trong sa mạc của
R. Neutra

Trái lại, rất khó được coi là đẹp: những cư-xá trông như nhà máy hay tiệm buôn, những công-sở bị tô-diểm cầu kỳ, những ngân-hàng uốn mái giống ngôi đền cổ...

Khi một cơ-quan chánh-phủ, vì thiếu chỗ, phải trưng dụng một phố lâu làm trụ-sở, ngôi nhà còn đâu vẻ thân-mật của tư-gia, lại chẳng có bề-thể uy-nghi cần thiết cho công-quyền.

Auguste Perret, từ đầu thế-kỷ, đã nhấn mạnh vào *tính-cách* của mỗi loại tạo-tác mà kiến-trúc-sĩ phải chú trọng khi quan niệm đồ-án tổng-quát (programme). Mới đây, Niemeyer cũng gạt bỏ kiểu nhà lâu hộp kính, chính vì thiếu đặc-tính, dùng làm chi cũng được. (Xin coi B.K số 214)

Tuy-nhiên, vì những sự sáng- chế của thời đại rất nhiều, những Thề mới xuất hiện đột-ngột, nên có khi chưa biết là để làm gì, mà vẫn thấy đẹp chỉ vì có hòa điệu trong qui-mô, như ở hình số 1 thoát nhìn cũng thấy vui mắt, tuy chưa rõ là một.. trường Luật-học ở Hoa-Kỳ.

Hợp với địa-thế. — Về đẹp của ngôi nhà sẽ tăng hay giảm tùy vị-trí và cảnh chung quanh.

Giữa những dãy phố gạch ngói chen chúc ở Saigon, mấy ai nghĩ đến sự xây nhà bằng cây như ở Cao-nguyên?

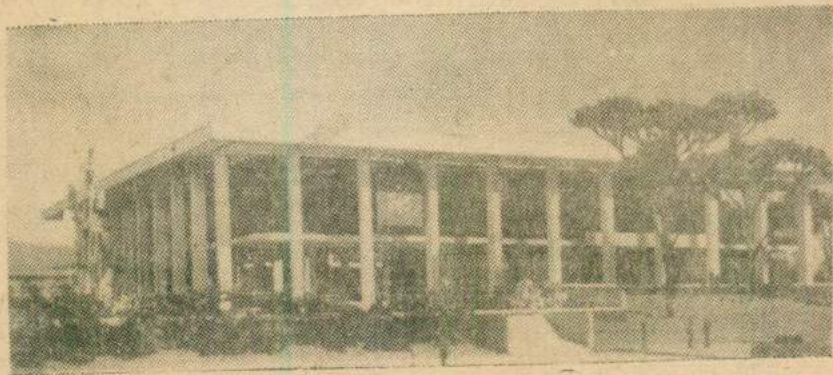
Nhưng người nào đề ý, sẽ nhận rằng một số biệt-thự ở trung-tâm Saigon đông đúc ồ ạt, sẽ đáng tra hơn vì đúng chỗ hơn, nếu nằm trên đồi thông Đa-Lạt hay bờ sóng Nha-Trang.

Có những ngôi nhà nổi tiếng, vì thoát trông đã thấy cảnh ấy phải nhà ấy, nhà như gắn với cảnh, hoặc cảnh như tạo sẵn cho nhà: trường-học của nhiều nhà và vườn Nhật-Bản.

Tư-thất của Wright, hình số 2, nếu đặt bên đường Nguyễn-Huệ, chắc bị coi là kỳ-cục; nhưng các khối nặng, chênh vênh và táo bạo, lại di liền với tảng đá và thác nước.

Nhà của Neutra đáng khen vì bỏ ngỏ hoặc chỉ lồng kính, không có tường không cánh cửa, trống rỗng như vùng cát sỏi trơ trụi bao quanh: hình số 3.

Như vậy chẳng khác nào các miếu đền Hy-Lạp: Acropole hay Parthénon chỉ là một nóc với vài hàng cột: song có đơn-giản như vậy mới hợp với những ngọn đồi cao sáng và quang-dương, hình số 4.



Hình 6. — Tòa đại sứ Hoa-Kỳ tại Hy Lạp của W.Gropius

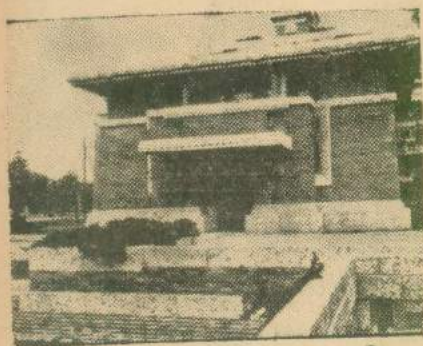


Hình 2. —

Nhà trên núi thác của F.L. Wright



Hình 4. — Đền Parthénon ở Nhà Điền
(thế kỷ thứ V trước Dương Lịch)



Hình 5. —

Imperial Hôtel của F.L. Wright



Hình 7. — Một ngôi nhà Y Pha Nho

Trái lại, thì sẽ thấy ngay lạc-lỡng ; chứng cứ, là những kiểu trên đã được Hoa-Kỳ sao chép như hệt để xây lại thật đúng qui-mô ở vài thành-phố tối-tân đây nhà thép-kính ; thật tội nghiệp cho những kỳ-công của Phidias.

Có lẽ vì thế mà nhiều người còn hỏi thêm điều-kiện nữa : nhà phải *thích-hợp với xứ-sở*, nghĩa là với những đặc-tính dễ nhận của từng dân-tộc ; chứ không thể nào có « kiểu quốc-tế Style International » ; Kiến-trúc-sĩ phải theo kiểu nào để trông thấy thì biết ngay là nhà Nhật, nhà Y-pha-Nho, nhà Ả-Rập. .

Wright, người Mỹ, vẽ kiểu Hôtel Impérial ở Đông-Kinh : nhà có cốt cách mạnh và nghiêm như thành lũy của kiếm khách Samourai : hình số 5.

Nhiều tòa Đại-Sứ Hoa-Kỳ, xây ở xứ nào, đều có một vẻ gì của xứ ấy : ở Kobé, thì nhẹ nhàng, hợp với vườn cây Nhật-bản, có nước có đá (kiểu của Ya-

masaki) ; ở Bangkok. nằm trên hồ rộng, mái mỏng xén cong, trắng diềm vàng son, cho liên tưởng đến vài thủy-tạ bờ sông xứ Thái (kiểu của J.C. Warnecke) ở Athènes, nhà giản-dị và đều-hòa với hàng cột thẳng như ngôi đền Hy-Lạp, kiểu của Gropius : hình số 6.

Nhà Y-Pha-Nho thường rất đơn-giản : mấy bức tường cao, vài lớp ngói nhẹ, trông rất nhịp-nhàng, có thể coi là đẹp. Song cái đẹp ấy bởi đâu lại mang sắc-thái đặc-biệt của xứ trời quang nắng chói, hăng say trong điệu múa Flamenco ? hình số 7.

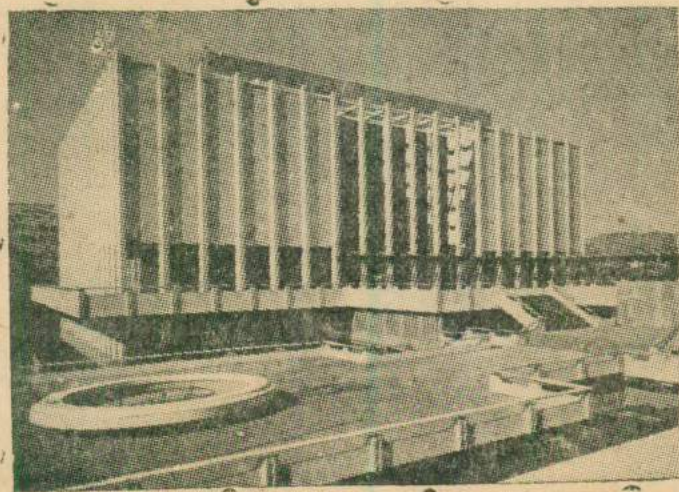
Tính-cách thân mật cổ-truyền như trên có phần đáng quý. Song chắc đâu đã nên chủ trương rằng kiến-trúc cần được bản-xứ-hóa (architecture folklorique) ?

Vì nếu phải như vậy, tất chẳng có công-trình tạo-tác nào đáng khen từ xưa đến nay. Cột trụ của Hy-Lạp trước dương-lịch, sao lại dựng trước điện Le Louvre của Pháp ? Tại Saigon, chẳng lẽ cấm xây lầu 10 tầng như ở Bá-Linh ?

Trong di-vãng của dân-tộc, không có bóng dáng nào của những ngôi nhà như rạp Rex, nhưng nào ai chê là thiếu tính-cách Việt-Nam ?

Chính vì muốn cố Việt-Nam hóa, mà người ta đã bắt chịu đựng nhiều kiểu « Khai Trí Tiến Đức » bên hồ Hoàn-Kiểm với những mái Tàu cửa Võng ép duyên cùng nền móng xi-măng : hình ảnh « Pháp-Việt đẽ-huề » của chánh-tổng thời ngoại thuộc, đội nón chóp bạc và đi giày bột-tin.

Dân-tộc-hóa được kiến trúc, là sự đáng mong, nhưng phải có tài-năng hi-hữu thâm-thía nòi quốc-hồn để phơi bày ra quốc-tính.



Hình 8.

Viện Nghệ Thuật ở Los Angeles của W. Peirera. Một công trình kiến trúc đẹp theo các tiêu chuẩn đã trình bày.

Bởi thế, nếu cần địa phương-hóa, thiết nghĩ hãy nên hướng nỗ-lực về mặt tiện-ích hơn là về mặt tạo-hình: sao cho nhà hợp với khí-hậu, thổ-địa, và trình-độ sinh-hoạt của đồng-bào. Nếu tìm ra kỹ-thuật thích-nghĩ, sẽ tự nhiên đi tới vẻ đẹp tiềm-tàng trong đất nước.

Tương xứng

Nếu con người phải vào luôn ra cúi, tất nhà phải thấp hẹp, khó ở và khó coi. Ngược lại, nếu vòi vọi, trùng trục, lớn lao như lâu-đài chiến-lũy chateaux-forts của các quý-tộc thế-kỷ XIII, ngôi nhà đè nặng tâm-hồn trong bầu không khí hiu quạnh.

Nên qui-mô và kích-thước phải xứng với thân-thể, một điều-kiện tất-yếu mà các kiến-trúc-sĩ ngày nay cố gắng thỏa-mãn.

Bề cao, bề ngang, bề dọc của ngôi nhà và các phần nhà được tính cho vừa các cử-động của người lúc đứng, lúc nằm, lúc ngồi, lúc đi lại v. v... Bởi vậy, Le Corbusier đã lấy chiều cao tối-đa của người đứng dơ tay, làm căn-bản Modulor để luận ra các bề vừa đủ nhất cho các phòng, các cửa, các lối ra vào, và cả các đồ-đạc (B K. số 209).

Song một tòa bin-đình trăm tầng, cao rộng hàng trăm thước, tương xứng sao được với thân người? Loại kiến-trúc khổng-lồ này có thể cần-thiết, nhưng khó gọi mỹ-cảm, phải chăng chỉ cho thấy những bề-thể tàn-bạo mà thôi?

Nhận xét này không được đa-số kiến-trúc-sĩ tán đồng; vì tuy ngôi chúng-cư đồ-sộ, mỗi thành phần dành cho một gia-đình hay một cá-nhân, vẫn chỉ vừa tầm thân-thể, nên người sử-dụng chẳng còn cảm-tưởng bị đè.

Thiết nghĩ mỗi người một ý, khi bàn về gia cư. Nhưng đối với những tạo-tác công-cộng, thì toàn thể ngôi nhà có thể rất to lớn mà không hại gì cho mỹ-thuật; nếu cần tương-xứng, thì tương-xứng với một Quốc-gia hay cả Thế-giới chứ không phải với cá-nhân: chẳng ai căn-cứ vào mập-lùn của U Thant mà dựng trụ-sở ngất trời của Liên-Hiệp-Quốc.

Xứng với diện-tích — Ngắm tranh ảnh những thành-phố lớn của Mỹ Châu, thấy nhà kích-thiên tua.túa như ngọn tháp, người xứ chặm tiến không khỏi kinh-ngạc về kỹ-thuật xây-dựng lạ-lùng. Nhưng mấy ai cho là đẹp, nhất là khi nhà chen chúc đến nỗi đường đi thâu hẹp như bị kẹp giữa các vách núi sừng-sừng?

Đất ít phải ngoi cao: để đáp ứng nhu-cầu cư-trú thì được, song không thể nào gây mỹ-cảm, khi qui-mô chẳng xứng với diện-tích. Sự đáng tiếc đó chung cho

mọi đô-thị ngày nay, ngay cho cả Saigon : có những ngôi nhà, bề mặt độ chừng 4 thước, cạnh hai dãy phố trệt, mà cổ vươn lên bốn tầng ngất ngưỡng...

Cho nên phải trở lại những lâu đài thời trước, mới mong thấy sự tương xứng giữa nhà và đất : Điện Versailles ở Pháp, đền Taj Mahal ở Ấn-Độ chỉ lộ hết vẻ nguy-nga ở giữa vườn được bát ngát.

Bởi lẽ đó, kiến-trúc-sĩ có tài nhiều khi cũng bị bó tay, vì chỉ được sử-dụng khoảng đất chật hẹp. Phải được một vùng bao-la, chưa bị nhà của ngăn chặn, như Brasilia hay Chandigarth, thì những Niemeyer và Le Corbusier mới có cơ-hội thực hiện công-trình đáng kể.

Các phần tương - xứng — Các bề, các đường, các mặt, các khối, đều phải ăn khớp với nhau cho thật vừa vặn, không thừa không thiếu, để cùng góp phần tổng hợp thành một toàn-thể nhất-trí.

Sự tương-xứng của mọi thành phần và chi-tiết, có lẽ là kết-quả khó đạt nhất ở nghệ-thuật tạo tác. Song kiến-trúc-sĩ thời nay được may mắn hưởng dụng nhiều kinh-nghiệm của đàn anh thuở trước.

Các vị này đã dày công nghiên-cứu về đẹp của các hình, và tìm ra những tỷ-lệ nào thỏa mãn nhơn-quan hơn cả : như tỷ-lệ 3, 4, 5, ở tam-giác góc vuông của Pythagore ; tỷ -lệ vàng (nombre d'or) mà người thượng-cổ Hy - Lạp thường dùng, ngay đề tính bề từng loại cột, cho to xứng với cao...

Tỷ-lệ 2-3-4, hoặc 3-4-6, hoặc 4-6-9 do Alberti đặt từ thế-kỷ XV, được thông dụng ở Pháp, để chiều cao của phòng xứng với diện-tích : Phòng rộng 2t x 4t, thì sẽ cao 3t ; phòng rộng 3t x 6t, cao 4t ; phòng rộng 4t x 9t, cao 6t (Pierre Lavedan : l'Architecture Française).

Le Corbusier đo thân người đứng giờ tay cao 2t26, rồi tìm thấy vô số tỷ-lệ khác, lập thành bảng Modulor (B. K. số 209).

Bác-sĩ Postmann căn cứ vào hai bề của hình chữ Nhật 1 thước vuông = 841 ly x 1189 ly, và từ tỷ-lệ này luận ra nhiều tỷ-lệ khác : 549 x 420, 420 x 297, 52 x 37, 37 x 26, 26 x 18, 18 x 13, 31 x 22, 22 x 15, v. v. Đó là kích thước áp-dụng ở kiến-trúc, và cả cho tờ giấy, tấm bìa, sổ sách, mặt bàn, giường tủ v. v. (Neufert : Formes fondamentales).

Trong thực-tế, chẳng biết các kiến-trúc-sĩ có theo đúng một trong nhiều thứ tỷ-lệ kia không ? Còn người ngắm thì mấy ai chú trọng đến những cơ số hoặc cầm thước đi đo từng phần ?

Cũng như ở hội-họa, Tỷ-lệ Vàng Hy-Lạp chẳng còn được mấy ai theo, trừ dăm bảy ông Hàn-Lâm thủ cựu. Vì quả thật là gò bó: theo Vignole, cột phải cao gấp 10 lần đường kính nếu xây kiểu Corinthien, gấp 7 lần nếu xây kiểu Toscan. Con mắt có đòi hỏi sự phân biệt tỉ-mỉ đến mức này đâu?

Dù sao, các tỷ-lệ như của Postmann cũng giúp cho kiến-trúc-sĩ hạng trung-bình tránh khỏi sự sộc lệch thái-quá, và có công - dụng đặt sẵn qui-mô cho kỹ-nghệ tiền chế các bộ-phận khung cửa, cánh cửa, bậc thang lầu, v.v...

Song dẫu cần-thiết, sự tương-xứng ở các chi-tiết và kích-thước cũng chưa quan trọng bằng ở các mặt và các khối.

Lắm ngôi nhà chỉ được trau trốt sửa sang ở mặt trước, nhưng chẳng còn vẻ gì khả-quan ở mặt sau: trông vào bếp hay quay ra cửa hậu, thì cần gì, dù cửa hậu mở ra đường lớn Saigon như Nguyễn Huệ hay Gia-Long? Nếu vậy có khác gì một phụ-nữ muốn đẹp mà chỉ quan tâm đến mặt mũi? Thế kiến-trúc là Thế bao-bọc (forme englobante) nên phải đẹp toàn-diện, trước cũng như sau, và trong cũng như ngoài.

Một trạng-thái tương-xứng nữa, là sự *thăng-bằng*, không phần nào lún át phần nào. Về phương - diện này, Hiện - đại lắm khi thua Cờ-điền: các lâu đài của Mansart vững và cân, vì được chia đều ba phần tầng dưới đất tầng lầu, và mái. Trái lại, nhiều nhà mới xây vài năm nay, mà khối trên đè khối dưới: hàng hiên và hành - lang hoặc cả tầng lầu nhô ra cho được nhiều chỗ: dù nhờ bê-tông không đổ, vẫn cho cảm tưởng áp chế phủ phàng.

Cũng may kiến-trúc ngày nay thoát ly được một qui-lệ khác thuộc về tương-xứng, là sự *cân đối*. Người xưa trọng phần chính-diện và trung-tâm, có tả phải có hữu, hễ có cột bên này, phải có cột bên kia ... Trật-tự ở triều-nghi đã hiện ra miếu-đường, dinh-thự và tư-thất, nhưng bây giờ chỉ còn là một sự giả-tạo, vô-ích, nghiêm-khắc nên làm cho khó chịu, chỉ có thể dung thứ đối với công-sở mà thôi.

Đ. T.

Kỳ tới: Tô điểm hay không tô điểm trong Kiến trúc hiện-đại?

SÁCH THỜI MỚI

Vừa phát hành.

VỌC NƯỚC GIỖN TRĂNG của SƠN NAM 40đ.

TRUYỆN HAY CÁC NƯỚC II của TRẦN THIÊN 34đ.

NHỮNG HẠT CÁT (tái bản) của THỂ UYÊN 40đ.

Sắp phát hành.

THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM (tái bản) của VÕ PHIẾN.

Vài điều nên lưu ý về thời biểu

NGUYỄN-PHƯƠNG

I. Những sơ xuất của Trương Vinh Ký.

Những sơ xuất nói đây không phải là riêng gì của nhà bác học Trương Vinh Ký. Có thể nói được nó là của đa số những người viết thời biểu trong lịch sử Việt-Nam và Trung-Quốc, hay nói một cách tổng quát hơn, của đa số những sử gia muốn chuyển những thời biểu chép bằng âm lịch ra dương lịch. Sở dĩ đặc cử tên của nhà chép sử Trương Vinh-Ký ra, là vì ông là một danh sĩ có ảnh hưởng lớn trong một thời, và nay sự sơ xuất của ông còn lại đó, trong bộ sử nhan đề là « *Cours d'Histoire Annamite à l'usage des Écoles de Basse-Cochinchine* », do chính quyền Saigon xuất bản năm 1875. Sách viết bằng tiếng Pháp nhưng là để cho học sinh Việt dùng. Trong sách, sau bài tựa bằng Pháp văn ông lại cho kèm một bài tựa bằng Việt ngữ, giống

hệt như bài tiếng Pháp, nói rằng : « Hỡi các trò trai trai, ta xin kiếng sách này cho các trò, vì làm nó ra là làm cho các trò coi... »

Những sơ xuất mà Trương-Vinh-Ký làm phải, và chúng tôi muốn nêu lên, chính là sự chấp nối một cách quá dễ dàng một phần của thời biểu diễn bằng âm lịch, với một phần của thời biểu diễn bằng dương lịch. Ví dụ, về nhật biểu và nguyệt biểu thì dùng âm lịch, mà về niên biểu lại dùng dương lịch. Làm như vậy, người đọc rất có thể cho rằng cả đơn vị thời biểu đã được diễn bằng dương lịch, hay, ít ra, mỗi lần gặp như thế, người đọc rất khó mà chú ý để phân biệt rằng đơn vị thời biểu trước mắt mình đó phải có hai phần : phần âm lịch cộng với phần dương lịch.

Căn bản của sự sơ xuất là ở chỗ người viết không nói rõ đủ sự sai biệt

giữa âm lịch và dương lịch. Thường năm âm lịch tương đương với năm dương lịch trong một thời gian khá dài lối 11 tháng, nên người ta có thể nói không sai — như Trương-Vinh-Ký đã nói — rằng năm 981 quân đội nhà Tống đã xâm lăng linh thổ Việt-Nam (981, l'armée de Tống, de Chine, envahissait le territoire d'Annam, trang 51), hay Lê Ngọa triều chết năm 1009 (ce roi mourut en 1009, trang 53). Nhưng về ngày và tháng, hai thứ lịch lại không ăn khớp với nhau, dương lịch thường đi trước âm lịch xê xích đến một tháng, ví dụ ngày rằm Trung Thu năm nay (15 tháng 8 năm Ất Ty) nhằm vào ngày 10 tháng 9-1965.

Chúng tôi ghi nhận rằng Trương Vinh Ký sơ suất, có ý nói ông không cần thận đủ, chứ không dùng tiếng sai lạc, vì những chỗ ông sai lạc về thời biểu xét ra tương đối ít. Nói cho đúng ông cũng đã cần thận một phần nào, vì rằng khi phải chép tháng, ông đã chép với số thứ tự mà không dùng đến những danh từ chỉ tháng của Pháp văn, như Janvier, Février v.v... Nhưng sự cần thận này, nếu nó có giá trị đối với những nhà bác học như Trương Vinh Ký, thì lại có thể không giá trị bao nhiêu đối với đa số «các trò trai trai». Hạng người này rất dễ dàng cho tất cả đó là thuộc về dương lịch, nhất là khi trước đơn vị tháng còn có đơn vị ngày nữa, vì về ngày âm lịch Trương Vinh Ký không có dùng dấu gì để phân biệt với ngày dương lịch, ví dụ ở trang III, ông viết : Quoi-

qu'il en soit, Trần dũ tông mourut sans héritier le de 25 du 5èm mois 1368. Hơn nữa «các trò trai trai» lại càng không sao phân biệt được, khi các cậu dịch câu vừa trích trên ra tiếng mẹ đẻ : «Dấu sao Trần dũ tông đã chết vô tự ngày 25 tháng 5, năm 1368 !», bởi vì tiếng 5èm mois họ cũng dịch ra là tháng 5 giống như tiếng mai. Nhưng, sự thật, có phải Trần dũ tông đã mất vào ngày 25 tháng 5, năm 1368?. Không. Vua này đã mất ngày 25 tháng 5, năm Kỷ Dậu, nghĩa là tương đương với ngày 29 tháng 6, 1369. Nên nhớ rằng ở đây chẳng những Trương Vinh Ký đã lâm vào sơ suất chấp nối âm lịch mà còn đề sai niên biểu, nói 1368 thay vì 1369.

Ví dụ vừa nêu lên còn cho chúng ta thấy nguyên nhân của sự sơ suất. Đó là vì muốn đơn giản hóa cách diễn tả thời biểu, nhất là khi chép bằng Pháp văn. Người ta có khuynh hướng không muốn lặp lại sự đối chiều hai thứ lịch mỗi lần gặp thời biểu nên bỏ bớt đi. Nhưng chính sự đơn giản hóa này cũng hoạt động nơi người đọc, nơi «các trò trai trai». Khi đọc, họ cũng có khuynh hướng không muốn phân biệt phần âm lịch với phần dương lịch mà sử gia đã nối kết lại thành một đơn vị thời biểu, theo kiểu của Trương-Vinh-Ký. Họ muốn đã âm lịch thì âm lịch cả, và dương lịch thì dương lịch cả, do đó, trước những thời biểu chấp nối, họ rất dễ dàng kể như là không có chấp nối. Nhưng, khốn nỗi, kể vậy là không đúng.

Đề có một ý kiến về sự nhà bác học

Trương Vinh Ký đã sử dụng lối chấp nối này một cách thường xuyên thể nào, chúng tôi xin kể ra những trường hợp gặp trong các trang 112, 113 của quyển 1. Ở trang 112:

«Ngày 22 tháng 9 (1370), Nhật Lễ xuất bị giết». Theo dương lịch thì phải nói ngày 9 tháng 10, 1370.

«Nhưng ngày 13 tháng 10 (1370). Trần Nghệ Tông cầm quân vào thành, và ngày 15 tái chiếm ngai vàng do tên tiếm vị để lại». Theo dương lịch thì phải nói (về ngày 13 tháng 10) ngày 1 tháng 11, 1370.

Ở trang 113:

«Mấy hôm sau, ngày 26 tháng đó (tháng 10), Trần Nhật-Hạch bị xử tử, ông này là quan của Nhật-Lễ...» Theo dương lịch thì phải nói ngày 14 tháng 11, 1370.

«Ngày 27 tháng 3 (1371) người Chiêm thành đốt phá kinh đô bắt con gái con trai, rồi rút đi với vô số của cải». Theo dương lịch thì phải nói ngày 13 tháng 4, 1371.

II. Những sai lạc của Trần Trọng Kim

Trương Vinh Ký chỉ sơ suất, nhưng Trần-Trọng-Kim đã sai lạc thật trong vấn đề chuyển âm lịch ra dương lịch. Sự sai lạc của tác giả tập *Việt-nam Sử lược* thấy rõ trong các trường hợp cuối năm. Thường năm âm lịch kết thúc chậm hơn năm dương lịch. Những kẻ ít chú ý đến sự chính xác của thời biểu, như Trần-Trọng

Kim, nhiều lần đã đem một biến cố xảy ra trong năm sau của dương lịch lên đặt ở năm trước. Nguyên có lẽ vì họ theo đã tương đương đại cương giữa âm lịch và dương lịch, nên hễ nghe «Ất-tị» chẳng hạn, là họ chuyển ra «1965» chứ không nhớ cho rằng năm 1965 sẽ hết với ngày 9 tháng Chạp năm Ất-tị, và sang ngày 10 tháng đó đã thuộc về năm 1966 rồi.

Sau đây xin kể ra vài ba trường hợp sai lạc quan trọng hơn:

— 1) Về Trần Thái Tông. Ông Trần Trọng Kim đã cho nhà Trần bắt đầu từ năm 1225, vì ông kể rằng Trần Thái Tông đã lên ngôi năm đó. Ông chép (trang 119): «Tháng chạp năm Ất-Dậu (1225), Trần Cảnh lên làm vua, tức là Trần-Thái-Tông». Nói thế không thể được, vì năm Ất-Dậu không phải bao cũng tương đương với năm 1225. Đọc vào *Toàn thư* (Bản kỷ, quyển 4, tờ 34a), thì thấy ngày 11 tháng chạp năm Ất-Dậu, Lý Chiêu Hoàng đã hội đình thần lại mời Trần Cảnh lên ngôi. Đem ngày tháng đó so với dương lịch thì bấy giờ là ngày 10 tháng 1, 1226. Vậy nhà Trần chỉ sơ khởi vào năm 1226 dương lịch.

2) Về giặc Nguyên. **Việt nam sử lược** (trang 132) dưới mục «Giặc nhà Nguyên» có ngoặc thêm niên biểu «1284-1288», nhưng đáng ra phải viết «1285-1288». Trương-Vinh-Ký ở chỗ này đã cầu thận hơn nhiều, vì ông chép rằng:

«Năm sau, (1284), Trần-Phu đi sứ

nhà Nguyễn về đã cho biết là Nguyễn Thái Tổ sai Thoát-Hoan cầm đầu một đạo quân đông đảo có ý sang đánh nhà Trần. Lúc đó vua triệu tập các bô lão trong nước đến dự tiệc và hỏi nên hòa hay chiến. Triều thần cùng bô lão đồng thanh quyết chiến, nên vua liền sai chuẩn bị chiến tranh. Dầu sao, địch không đề cho vua có thì giờ lâu nữa, vì ngày 26 tháng chạp năm đó (1285), Nguyễn quân bắt đầu vượt biên giới, đánh vào các đồn ải. Lực lượng Việt-Nam phải lui về Vạn-Kiếp và vua dời về Hải-Đông (Quyển I, trang 85). Không được chi tiết cho lắm, nhưng Trương-Vinh-Ký đã biết ngày 26 tháng chạp năm Ất-dậu thuộc về năm 1285. Nói cho rõ hơn, ngày đó là ngày 1 tháng 2, năm 1285 dương lịch.

— 3) Về Gia Long. Ở trang 409, khi khi sự nói về nhà Nguyễn, Trần Trọng Kim đề bằng chữ lớn rằng "Vua Thế Tổ (1802-1819)", rồi ở trang 424 ông chép: «Vua Thế Tổ mất năm Kỷ Mão (1819), trị vì 18 năm, thọ 59 tuổi, niên hiệu Thế Tổ Cao hoàng đế». Như thế, với Việt nam **Sử lược**, vua Gia Long đã chết năm 1819 dương lịch Trái lại, Trương-Vinh-Ký chép: «Gia Long mourut peu de temps après, le 25 Janvier 1820. Il avait régné en roi 18 ans, de 1802 à 1820, et en seigneur 23 ans, de 1779 à 1802». Dịch: «Gia Long đã mất không lâu sau đó, vào ngày 25 tháng giêng năm 1820. Ông đã

làm vua 18 năm, từ 1802 đến 1820, và chúa 23 năm, từ 1779 đến 1802» (Quyển II, trang 256). Vậy về niên biểu Gia Long? từ trần, trong hai tác giả đó, ai nói đúng Muốn biết, thiết tưởng không gì chắc bằng đọc vào **Thực lục, Đế nhất kỷ** (Quyển 60). Nơi đây, Sử quán Triều Nguyễn cho biết:

« Ngày Kỷ Hợi, vua ốm nặng, triệu Hoàng thái-tử và các Hoàng-tử có tước công, cùng các đại thần là bọn Lê Văn Duyệt, Phạm Đăng Hưng đến để nhận di chiếu ...

« Ngày Đinh Mùi vua băng ở điện Trung Hòa, thọ 58 tuổi ».

Trước hết, chúng ta thấy cách tính tuổi của sử quán triều Nguyễn không giống của Trần-Trọng-Kim. Rồi so ra chúng ta thấy ngày Kỷ Hợi tháng Chạp, tức là ngày 11 tháng đó và ngày Đinh Mùi là ngày 19. Đối chiếu với dương lịch thì:

— ngày 11 tháng Chạp năm Kỷ Mão là ngày 26 tháng 1, 1820.

— ngày 19 tháng Chạp năm Kỷ Mão là ngày 3 tháng 2, 1820.

Vậy cả hai nhà viết sử đều không đúng. vì Gia-Long chết năm 1820, và vào ngày 3 tháng 2, hay là 3 Février, chứ không phải 25 Janvier.

Máy tính điện-tử trong đời sống ngày nay

BỬU - CHÁNH

Năm 1920, Ông Karel Capek, người Tiệp-Khắc, viết bản kịch R.U.R. trong ấy tiếng robot xuất hiện lần đầu tiên. Đó là câu chuyện một người máy do một nhà bác học sáng chế nhưng dần dần trở nên quá tiến bộ khiến nó không chịu ai sai bảo nữa và cuối cùng chống lại và tiêu diệt nhữn loại.

Ngày nay, danh từ robot dùng để chỉ những bộ máy có vài khả năng hành động như con người. Nhưng không như trong những vở kịch giả-tưởng, ta sẽ không hề máy móc đi đến trình độ mà chúng có thể làm lộng, lấn quyền cha để chúng. Trái lại ta dùng và sai khiến chúng làm thế ta một số công việc khó khăn và phiền phức trong rất nhiều lãnh vực.

Máy tính điện tử : từ lò xúc xích đến phi thuyền không gian

Các máy tính điện tử tràn ngập mọi cơ sở ở các nước tiến bộ có thể xem là hình thức gần nhất của người nhân-tạo. Hãng làm xúc xích ở Ohio giao cho máy tính quyết định công thức sinh lợi nhất

để sản-xuất từng loại xúc xích cho mỗi ngày. Bộ Quốc-Phòng Mỹ tin cậy ở một hệ thống máy tính thu-thập và phối-tri những dữ kiện ở các đài radar để canh phòng và báo động vài chục phút trước khi hỏa tiễn hay phi cơ ngoại bang địch đột nhập lãnh thổ. Trong những chuyến bay Gemini vừa qua tại Mũi Kennedy, tại trung - tâm Houston, tại trung-tâm Goddard ở Maryland và 14 nơi khác từ quần đảo Canaries đến Ấn-độ-dương, hàng chục máy tính điều khiển, theo dõi và đôi khi chỉ trích các phi-hành-gia. Lại có cả một máy chỉ lớn bằng hộp đựng giấy, được đặt ngay trong phi thuyền. Máy này làm được 7000 bài tính trong mỗi giây. Trong chuyến bay Gemini 4, các phi-hành gia lần đầu tiên đã thành công trong việc đổi quỹ đạo nhờ những chỉ dẫn chính-xác do các máy tính định ra và truyền lên, báo đúng lúc nào và trong bao lâu phải khai hỏa các hỏa-tiến phụ.

Thám hiểm không gian không thể thực hiện nếu các máy tính chưa được sáng chế, nhưng những thay đổi lớn nhất do những máy ấy đem đến xảy ra chính trên mặt đất trong công việc thường

xuyên, tại văn phòng công, tư sở, cơ-xưởng kỹ-nghệ, phòng thí-nghiệm, bệnh-viện, học đường.

Hai loại máy tính :

máy số và máy tương đồng

Trên đây một vài công dụng của loại máy tính số được trình bày. Loại này hoạt động bằng cách đếm. Dữ kiện của vấn-đề cần giải đáp đều được máy đổi ra số, và máy dùng những luật luân lý và toán để tìm câu trả lời.

Loại máy tương đồng trái lại không đòi hỏi đề tài dưới hình thức số, mà chỉ cần là một số lượng vật lý như một chiều dài, một góc, một diện thể hay một dòng điện. Máy tương đồng thường dùng vào một việc nhất định, chứ không có công dụng rộng rãi và tổng-quát của máy tính số. Một vài ví-dụ giản-dị của loại máy tương đồng là máy điều-tốc-độ, máy điều nhiệt, máy điều thủy-lưu. Trong bài này ta chỉ tìm hiểu loại máy tính số qua quá-trình tiến-triển, và những công dụng của chúng.

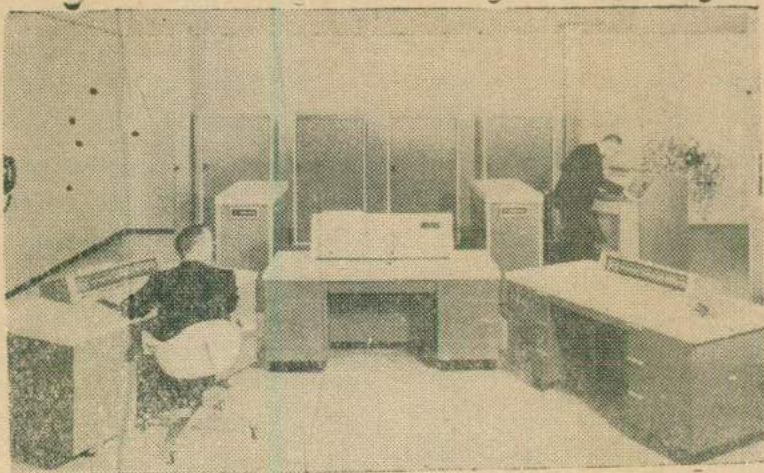
Danh từ máy tính mà ta thường gọi, có thể khiến ta hiểu lầm những máy ấy chỉ biết có làm tính. Máy nghiên cứu dữ kiện là một tên rườm rà, có nghĩa rộng rãi hơn nhưng cũng không thể áp dụng cho chính những máy ấy khi chúng viết truyện phim, đặt thơ beatnik (1) hay chơi cờ ô vuông ở hội chợ triển lãm quốc-tế. Nếu gọi là máy thông minh, một danh từ mà lắm nhà bác học trong ngành đã gán cho chúng —xin xem đoạn

cuối về điểm này —e rằng sẽ gặp sự phản đối của giới tâm-lý-học về định nghĩa của sự thông minh. Vì trong ngôn-ngữ Âu-Mỹ không có tiếng nào thích hợp hơn. Trong tiếng Việt ta đành chấp nhận danh từ máy tính cho gọn.

Lịch trình tiến triển

Từ ngàn xưa, người Trung-Hoa đã dùng bàn toán : đó là dụng cụ đầu tiên thuộc loại máy tính số. Năm 1642, Pascal chế một máy biết cộng và trừ. Năm 1671, triết-gia Đức Leibnitz nghĩ ra một máy thô sơ để làm tính nhân và chia. Nhưng chính Charles Babbage, một giáo-sư toán ở Đại-học-đường Oxford, mới được xem là cha đẻ của loại máy tính hiện nay. Ông ráp máy hiệu số năm 1834, gồm toàn bộ phận cơ-khí. Năm 1840, ông họa « máy giải tích », với nhiều chi tiết đúng phương pháp căn-bản của những máy tính hiện đại. Con ông ráp được một phần nữa và ngày nay máy ấy trưng bày tại Bảo-tàng-viện khoa học lại Luân-đôn. Tại Mỹ, Herman Hollerith dùng giấy đục lỗ để liên lạc với máy tính. Sự phát-triển liên-tục thật sự mới xảy ra trong 20 năm nay. Năm 1944, giáo sư Howard Aiken tái Havard chế ra Mark I dùng tính phi đạo các vũ khí của Hải-quân Hoa-kỳ. Mark I không những làm bốn phép tính, so sánh số lượng mà còn có thể tích trữ trong khối nhớ của nó những bản toán và những kết quả trung gian. Máy cũng có thể dùng tính logarit, nhiều hàm-số của toán học, những tích-phân xác định và giải

1) Xin xem mục Sinh hoạt. Bách khoa thời đại, số 215



Máy tính điện tử C. D. 8050

phương trình vi-phân. Hai năm sau, tại Đại-học đường Pennsylvania, Dr. Mauchly thiết lập máy tính điện-tử đầu tiên tên là ENIAC. Bộ máy này dùng đến 18000 đèn, cân nặng 30 tấn, choán 140m². Máy này chỉ làm 50 toán chia trong một giây. Việc thay đổi chương trình cũng tương đối chậm vì Eniac tuy có công dụng tổng quát, đã được vẽ ra để giải đáp một số toán kỹ-thuật hàng không. Từ đấy, nhiều máy tính điện tử thông dụng được thiết lập tại Mỹ và Âu-châu, nhưng phần lớn có tính cách thực nghiệm và được vẽ riêng cho mỗi cơ quan sử dụng. Mãi đến 1954, hãng Remington Rand — nay là Sperry Rand — mới bán UNIVAC cho các cơ sở kỹ-nghệ. Tình thế thay đổi nhanh chóng từ khi transistor và các bộ phận chất rắn khác thay thế đèn vào năm 1948.

Một máy tân tiến hiện giờ làm xong

một số toán trong một giờ mà tất cả khán-giả tại một sân vận động trong một trận bóng quốc tế, nếu là khoa-học-gia, phải làm trong suốt đời họ. Vài máy thượng hạng nhân 500.000 số, mỗi số 10 con trong một giây đồng hồ. Ngày nay các chuyên viên trong ngành đã nói đến máy tính của thế hệ thứ ba đề chỉ những máy tối-tân nhất trong ấy các đơn vị không còn được ráp từng bộ phận như transistor, điện-trở, độg-điện, v.v... nữa mà chỉ gồm toàn khối có nhiều lớp chất rắn được chế tạo đặc biệt để hoạt động như các đơn vị xưa nhưng gọn, mau lẹ và ít bị hư hại hơn.

Kỹ nghệ máy tính (*)

Tại Mỹ hiện nay có một công ty sản xuất máy tính bán ra được 500 triệu Mỹ kim trong năm 1964 giúp 650.000 dân

(*) Những số sưu tầm ở đoạn này đúng đến Tháng tư 1965.

có công ăn việc làm. Năm nay họ thiết lập ít nhất là 8000 máy mới. Các cơ sở có thể chọn giữa 250 kiểu máy trên thị trường giá từ 8800 đến 4.300.000 Mỹ kim nặng từ 27 kg như máy IBM trên phi thuyền Gemini, đến 80 tấn. IBM dẫn đầu trong ngành này tại Mỹ và cả ở các nước khác. Hãng này đã đặt 13000 tại Mỹ và 3000 máy tại các nước Tây-Âu. Các hãng quan trọng khác là Sperry Rand, RCA, Control Data, General Electric, NCR, Burroughs, Honeywell tại Mỹ, Ferranti, ICI, Elliot-Automation tại Âu châu.

Năm 1951, Hoa-kỳ có dưới 100 máy, ngày nay có đến 22500 máy, gấp bốn lần số máy đang dùng ở các nơi khác trong thế giới tự do. Vài công ty xử dụng đến 200 máy, nhưng chính phủ Mỹ là cơ quan dùng nhiều máy nhất và phải chi phí 1000 triệu Mỹ kim mỗi năm để mua, sửa và tu bổ 1767 máy, chưa kể những máy tối mật tại Ngũ-giác-Đài. Tổng-thống Johnson gần đây đã nói: « Máy tính điện-tử đã cho phép chính phủ thực hiện những chương trình mà nếu không có chúng không bao giờ có thể thực hiện được.

Một áp dụng ở văn phòng: kết quả kỳ thi.

Máy IBM 1401 (1) thay thế nhân viên văn phòng nha trung học trông nom giấy tờ và kết quả thi cử. Tại tiểu bang New South Wales ở Úc, ty giáo dục cho ghi chi-tiết về kỳ thi trung-học

của 20.000 thí sinh. Các dữ-kiện như tên tuổi thí sinh, môn học, tên trường, các học bổng đang xin và tên trung tâm dự thi được ghi vào phiếu đục lỗ, gồm 80 chữ mỗi phiếu. Máy đọc 800 phiếu mỗi phút. Các dữ-kiện được đổi ra dưới hình thức số nhị-phân hợp thập-phân (binary coded decimals), và ghi trên băng nhựa với 220 chữ mỗi centimet. Bất cứ phần nào đều có thể in ra với tốc độ 600 hàng mỗi phút, mỗi hàng đến 132 chữ. Sau khi cho mỗi thí sinh một số, máy tính in ra:

— một bản danh sách thí sinh theo số thứ-tự,

— một bản kiểm soát cho bộ giáo dục biết cần những đề thi về môn nào và cần bao nhiêu bản tại mỗi trung tâm.

— những số điểm danh ở mỗi phòng thi.

— những mẫu ghi điểm về mỗi môn học để giao cho các giám khảo.

Mỗi ngày số điểm các thí sinh gửi về trung tâm máy tính, nơi đây nhân viên ghi lại trên chiếc phiếu. Máy tính kiểm soát các bài toán cộng điểm của các giám khảo, xong lại lựa ra và in những bản điểm của mỗi môn, một công việc bận rộn mà trước phải cần tất cả

(1) Máy tính điện tử duy nhất tại Việt Nam hiện giờ cũng là một IBM 1401 dùng tại bàn kế toán Tổng Nha Ngân Sánh và Ngoại viện.

nhân viên ở 40 hội đồng thi. Khi tất cả điểm đã nhập vào, máy tính chọn ghi vào băng nhựa, dưới tên mỗi thí sinh những điểm cho tất cả các môn thi sinh đã dự thi. Cuốn băng này cho chạy song song với cuốn băng đầu có ghi những môn thi của thí sinh, để kiểm soát kết quả của mỗi môn. Tên các thí sinh trúng tuyển được in ra theo thứ tự đậu cao thấp đề sau này hội đồng dễ dàng chọn các học sinh cho hưởng học bổng. Máy cũng in ra danh sách đề phổ biến trên báo chí, và danh sách dán tại mỗi trường. Các văn bằng được cho vào đề máy điền tên mỗi thí sinh trúng tuyển vào, dưới sự có mặt một viên thanh tra giáo dục. Việc này hoàn tất trong bốn giờ trong khi ngày trước các thư ký đánh máy của bộ phải làm trong bốn tháng. Băng ghi kết quả cuối cùng được lưu trữ tại Bộ Giáo-dục để làm tài liệu.

Một áp dụng về khoa học: Vé lò nguyên-tử

Trong việc họa lò nguyên-tử, các nhà khoa học cần tính lối di chuyển của các hạt-tử qua vật rắn. Các trung hòa tử chạm vào nguyên tử của vật rắn và sẽ đổi hướng. Khoảng cách mà trung-hòa-tử đi được giữa hai lúc chạm, và hướng đi sau khi chạm là một việc hoàn toàn không thể đoán trước được. Đường của mỗi trung-hòa-tử mỗi lần mỗi khác, nhưng nếu tìm được đường đi của 1000 hay 10000 hạt tử ta có thể tính được bao nhiêu trong số sinh ra

tại một vùng nào sẽ đến một vùng khác. Trong phương pháp này, các tính toán lập đi lập đi lập lại cả vạn lần, và chỉ khi có máy tính điện tử giúp, các nhà khoa học mới dùng được lối nghiên cứu này. Nếu không, họ sẽ phải dùng phương sách khác đòi hỏi ít thì giờ hơn, nhưng không đúng bằng.

... và 1001 áp dụng khác

Máy tính điện-tử, theo Dr. Louis T. Rader, phó chủ-tịch của General Electric, có thể có một tiềm lực hữu-ích hơn bất cứ sáng chế nào khác trong lịch sử. Quân chúng cũng bắt đầu nhận ra cái năng lực lợi hại của máy tính. Những chân trời mở rộng cho các ngành khoa học, kể cả y-khoa. Từ lãnh vực quân-sự qua địa hạt hành chính, từ khoa giáo dục sang ngành sản-xuất, máy tính đem đến những đường lối hoạt động tân-kỳ và hoàn toàn hữu hiệu.

Máy tính lo việc sổ sách hay đo dò những vụ nổ hạch tâm dưới đất. Chúng kiểm soát việc phân phối điện lực cho cả một quốc gia, lập liên lạc điện thoại trong và ngoài nước, sắp ráp chữ để in báo chí, điều khiển tàu và phi cơ, chúng làm bánh hay trộn hồ, lập bản dự đoán thời tiết, kiểm soát thuế má, điều khiển sự lưu thông trong thành phố hay tìm ra căn bệnh cho người và máy móc. Hãng Boeing sẽ thiết lập những hệ thống có máy tính trên các máy bay phản lực để chúng có thể đáp xuống trong bất cứ điều kiện thời tiết nào mà không cần một ai trông nom. Một nước như nước

Mỹ sẽ bị tê liệt hẳn nếu vì lý do gì các máy tính ngừng hoạt động: các xưởng sẽ đóng cửa, tài chính trở nên hỗn loạn lãnh thổ không phương tiện đầy lui những tấn công của địch. Tuy đời sống Mỹ quá phụ thuộc các máy tính, người Mỹ không quá lo sợ mà trái lại nghĩ rằng sự liên lạc người và máy là một cộng-tác làm cho các sinh hoạt mở mang thêm. Máy tính không những chỉ làm công việc bàn giấy mà còn giữ một vai trò trọng yếu về những quyết định trong việc sản xuất hay mại dịch. Ở một xưởng tại Kansas, máy tính kiểm soát việc mua bán, chuyên chở vật liệu, viết chi phiếu thanh toán các hoá đơn, quyết định sò hàng hóa và số lượng phải sản xuất. American Airlines dùng hệ thống máy Sabre trị giá 30,5 triệu Mỹ kim để trả lời tức khắc về mỗi chiếc ghế ở tất cả chuyến bay bằng cách ghi nhận liền mọi tin tức ở 55 phòng bán vé của hãng trên khắp nước Mỹ. Máy tính giúp các khoa học gia tìm ra trên 100 hạt tiểu-nguyên-tử mới hay phân tách những làn sóng điện từ không gian đến. Các bệnh viện dùng máy dò tình trạng bệnh nhân. Máy tính hiện tại đọc các *tâm động điện đồ* mau và đúng hơn cả một hội đồng y khoa. Nha cảnh sát nhờ máy tính giữ hồ sơ các can phạm. Tại một số trường, máy tính hướng dẫn các... lớp học sinh ngữ, lịch sử và toán.

Khắp mọi nơi trên thế giới, ở hầu quốc gia kể cả tại nhiều nước kém tiến bộ, đã có nhiều kế hoạch thiết lập hoặc mở mang phát triển những trung tâm máy tính điện tử vì các chánh phủ liên

hệ có quan điểm cởi mở và thấu xa, đã nhận rõ sự hữu ích thiết thực của phương tiện mới này mà không xem máy tính là xa xỉ phần chi các nước tân tiến mới nên dùng, như một vài cơ quan có lối suy xét cận thị vẫn lầm tưởng.

Những người mất việc và những nghề mới

Vấn đề quan trọng trong việc tự-động-hóa các cơ sở là số phận các nhân-viên không cần dùng nữa. Chính phủ Mỹ ước lượng có lối 35000 người mất hoặc đổi chỗ làm mỗi tuần vì sự sử dụng máy. Giải đáp cho vấn đề này là nâng cao trình độ học vấn và cải huấn các nhân viên mất việc về những ngành mới. Việc thiết lập máy tính đã đòi hỏi một số người có kiến thức mới ở mọi cấp bậc.

Các chức vụ cao cấp mới ở những hãng sản xuất hay cơ quan sử dụng máy tính thu hút không những các chuyên về toán, vật lý, luận-lý, điện-tử, kỹ thuật kiểm soát mà bất cứ những ai có trình độ đại học về văn khoa, kế toán, thương mại khoa học v.v... Ở bậc trung cấp, mọi người có chút ít năng khiếu về toán và có óc thích luận-lý đều có thể trở thành thảo-chương-viên. Ngoài ra còn có các nghề chuyên viên chạy máy và xuyên-phiếu-viên. Nhờ những công việc mới này, phần lớn các nhân viên mất việc vì bị máy móc thay thế đều có thể tìm được chức-vụ khác, làm phi với lương bổng cao hơn.

Trong tương lai

Nhà toán-học Bellman có : " Máy tính là cả một sự mâu thuẫn. Có nhiều việc đàn dỉ đưa trẻ lên một cồng làm được thì máy lại không làm được. Máy tính tìm ra quỹ-đạo đến mặt trăng, nhưng nhìn mặt hai ngư i nó không thể biết ai là đàn ông, ai là đàn bà ». Nhận xét của ông Bellman khó đúng hoàn toàn mãi được. Ngày nay các nhà bác học đã chế ra những máy có khả năng hơn người về một khía cạnh nào đó và các bộ óc thông minh nhân tạo không phải là chuyện giả tưởng. Tuy nhiên còn lâu lắm họ mới làm ra máy có thể so sánh hay vượt hẳn bộ óc của loài người vì óc chúng ta có tới 10000 triệu tế bào và mỗi tế bào liên lạc với những tế bào khác bằng cả trăm đường lối. Dẫu sao, hiện nay máy tính đã có khả năng sáng tác như viết truyện phim, đặt thơ siêu thực hay họa tranh trừu tượng mà vài hội văn nhân nghệ sĩ ca tụng cho là khá đặc sắc. Máy tính đã biết chơi cờ tuy không khá lắm, hay dịch văn ta cũng hiểu được. Máy Perceptron do Dr. Frank Rosenblatt chuyên về tâm-lý ở Đại-học-đường Cornell ráp, biết tự học bằng cách xem xét thế giới bên ngoài. Nó nhìn hình ảnh và nghe tiếng nói. Nó không nhận ra những gì đã nghe thấy trước mà còn có khả năng suy rộng nữa. Nó nhận ra những hình ảnh mới, tương tự những hình nó đã thấy. Perceptron đã quá tiến bộ khiến vị giáo sư chế ra nó

không còn tiên đoán được nó sẽ phản ứng ra sao trước một trường hợp mới. Một chuyên viên nghị : Nếu ta chế thành được những bộ phận như Perceptron có khả năng tự học, ta sẽ tiến đến việc thành hình một người máy thực sự. Nhưng ta vẫn nhớ mọi việc do trí óc ta đề xướng, nên nếu ta cần thận, con người vẫn giữ chủ quyền.

Đó là điều đáng mừng. Kết cuộc vở kịch R.U.R. nói ở đầu bài này chắc không bao giờ thành sự thực. Trong giới những người chế tạo máy tính, người ta vẫn nhắc đến câu chuyện khôi hài sau đây. Một anh thảo chương-viên, một mỗi sau bao năm làm việc cạnh máy tính mà không thấy nó bao giờ sai, một hôm nghĩ ra câu hỏi : «Được rồi nếu mi giỏi thế, hãy cho ta biết có Chúa hay không?» Máy tính kêu nhẹ, đèn chớp, đèn tắt, sau cùng đáp lại : «Bây giờ con đang đứng trước mặt Chúa đấy con ạ».

BÙU-CHÁNH

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

N.R Scott : Analog and digital technology McGrawHill. — J. D. Fahnstock : Computers and how they work. Ziff-Davis — L. N. Ride-nour : Information machines. Scientific Ameri-can. — Warren R. Young : The machines are gaining on us. Life 30.6. — Shaun McIraith : Machine mirac'es are still man made. People 13.18. — XXX : The cybernated generation. Time 85.14.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 192

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).



1953

Sống và Viết

với

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

Không ai ngờ được rằng ở trong cái hẻm này lại có một nhà xuất bản và một lớp học nữa. Rất ít người ra vào. Cửa thường đóng. Qua một cái sân hẹp và dài, có tiếng chim sẻ riu rít và có hương thơm phảng phất. Vẫn không thấy bóng người. Nhưng nếu là bạn quen thì cứ đi thẳng lại cái cửa sắt của «kho» chứa sách, rồi sẽ có người ra đón và đưa vô. Nếu là bạn thân thì có thể cứ đứng ở dưới sân nói lên lâu, gọi chủ nhân, chủ nhân sẽ lộ mặt ra cửa sờ, mỉm cười vẫy tay rồi xuống mở cửa mời vào phòng khách.

Nếu là bạn thân hơn nữa thì sau khi hỏi người nhà, cứ tiến thẳng lên lầu, sẽ thấy chủ nhân, nếu không đương nằm đọc sách thì cũng đương viết lách ở trong phòng riêng.

Căn phòng sáng sủa, ngăn nắp này nhìn ra một hàng dương nhưng cũng nhìn xuống một xưởng của hãng xàng (hãng đào và vét kinh rạch)

Chủ nhân bảo tôi:

— Xưởng đó nhắc tôi cái thời ở sở Thủy lợi. Tôi yêu cái nghề đó mà rồi tôi phải bỏ. Tôi cũng thích nghề

dạy học, mà rồi tôi cũng lại phải bỏ. Còn nghề viết văn này, thì hai ba chục năm trước, tôi chỉ muốn chơi với nó thôi, mà bây giờ thì bị nó cật, nó kéo, nó lôi đi rồi.

— Tại tự anh ép anh, sao lại đổ tội cho nó? Anh Đông-Hồ đấy, viết trước anh tới hai chục năm chớ, mà lúc nào cũng ung dung. À, cách đây không lâu, tôi lại thăm anh ấy, ảnh có trêu anh đấy.

Anh nhìn tôi, chờ đợi.

— Lần ấy, tôi ghé ảnh lúc si ren các nhà máy hạ mười hai giờ trưa. Đề lấy một tập «Đề tặng». Ấy mà từ chuyện này sang chuyện khác, mãi đến một giờ rưỡi, chủ nhân mới cho khách về, với một nụ cười thân mật và một câu nói đùa trêu... «Nếu Ngu-Í là Nguyễn-Hiến-Lê, thì chắc là không có cái việc «con cà con kê» như thế này.» Rồi một sinh viên, cháu của tôi và cũng như cháu của anh nữa, không dám trách anh, nhưng cũng có nhận xét tương tự với anh Đông-Hồ. Cháu ấy bảo: mỗi lần đến thăm anh, cháu nó định trước thì giờ cuộc thăm viếng; định xong, nó mới tìm và sắp đặt các câu hỏi. Vì nó cảm thấy rằng thì giờ của anh rất quý báu, rằng lần anh đã vạch sẵn một chương trình làm việc hay đi đâu đó rồi từ mấy hôm trước; nên nếu thấy mình kéo dài chuyện hay hỏi vắn-vơ, nó sao thấy như là lạm dụng lòng tốt của anh, khiến anh sống không một ngày... hai mươi bốn tiếng đồng hồ!

Anh gật đầu:

— Vâng, lời «chê» của anh Đông-Hồ đúng, mà lời trách của bạn sinh viên đó cũng có phần đúng. Quả tình là cũng có tại tôi.

«Tôi đã nhiều lần ngồi nói chuyện phiếm với anh Đông-Hồ tại Yiêm-Yiêm thư trang và Quỳnh-Lâm thư thất cả hai ba giờ, và lần nào tôi cũng cho những lúc đó rất vui, vui mà không ồn, vui một cách phong nhã, tế-nhị. Nhưng hễ đến giờ ăn hoặc giờ ngủ thì tôi phải xin lỗi cáo từ, vì nếu không vậy tôi sẽ đau. Nhiều người bảo tôi là một cái máy; cơ thể ai mà chẳng là một cái máy; nhưng người ta chống với nó nổi, tôi thì không. Chống với nó, tôi chỉ tôi thua Thôi thì chịu nhường nó cho mình sống thêm ít năm nữa.

Còn về sự nhận xét của cháu anh thì có lẽ tại vì lần đó tôi mắc công việc hoặc phải đi đâu, hoặc phải sửa ản cáo. Cho nên em ấy mới thấy tôi có vẻ nôn nóng như vậy. Nhưng nếu viết hện trước tôi, mà nếu lại có nhiều chuyện thú kể cho tôi nghe, nhiều vấn đề thắc mắc chung cần phải xét, thì tôi tiếp em ấy cả buổi cũng được chứ.

Tôi viết tuy là có giờ, nhưng tôi không cần hứng, nên có thể bỏ dở công việc lúc nào cũng được. Mà viết mãi rồi cũng mong có người để bàn phiến chứ. Miễn người đó phải là người mình thích.

Nhưng lúc này tôi nói với anh rằng

cái nghề viết này nó cột nó kéo, nó lôi tôi đi, thì chính là tại nó, chứ không phải tại tôi. Nếu tôi còn làm ở Công chánh hay làm một giáo sư thì cứ hết giờ tôi về, và bước ra khỏi sở, khỏi trường rồi, thì trừ những trường hợp đặc biệt lắm, tôi có thể vui vẻ, thành thoi 'khóa công tác' lại, để óc tôi chú ý vào cái khác, quên cái đời sống công chức đi, để sống đời sống của tôi.

"Còn làm cái nghề viết lách này, lúc nào cũng có vẻ như ung dung, như tự do, tự tại, có vẻ như ngồi không ăn hại nữa, mà óc không bao giờ được rảnh. Chúng ta không phải làm việc năm ngày rưỡi một tuần, bảy giờ một ngày đâu; chúng ta làm việc bảy ngày một tuần và mười sáu giờ một ngày hoặc hơn nữa. Vì khi đã có một đề tài để viết — và thường thường ai cũng có một lúc vài ba đề tài

trong đầu — thì cái tiềm thức của ta luôn luôn làm việc, làm việc cả trong bữa ăn, giấc ngủ, trong lúc ta đi chơi, coi xi nê, tiếp khách hay đọc sách, báo đề tiêu khiển. Những lúc đó ta đâu có ý muốn kiểm tài liệu cho tác phẩm của ta, nhưng gặp một câu, một lời hoặc thấy một việc gì, một cảnh gì có liên quan ít nhiều với đề tài, là tự nhiên tiềm thức của ta hoạt động mà ta không hay rồi nhắc ta nhớ lấy, thúc ta ghi lấy. Bọn nhà văn nhiều khi dăng trí, như kẻ như mất hồn là vì vậy.

"Đời sống như vậy mệt quá. Nhưng mệt gì thì cũng chịu được. Cái lụy đáng kể nhất của nghề cầm viết, là khi đã chuyên sống về nghề đó luôn mười lăm hai chục năm, thì khó mà đổi nghề được lắm.

"Thành thử biết là viết thì mệt, mà cứ vẫn thích viết, cơ hồ như mắc một bệnh nghiện vậy. Đã lỡ quen uống thứ trà đó rồi, nó đáng nó chất đấy nhưng đổi thứ trà nào khác thì cũng thấy lạt.

"Mấy năm nay, tôi đã muốn nghỉ viết, nhưng nghỉ mới được độ một tháng, đã thấy buồn. Tôi nghĩ rằng nếu một ngày nào đó, tôi sẽ nghỉ viết, thì có lẽ nghề làm vườn là tạm thay được nghề đó thôi. Phải có một khu vườn rộng một vài mẫu đủ tiêu độ sáu, bảy giờ mỗi ngày thì mới bớt viết lần lần đi được, rồi vài ba năm sau mới nghỉ hẳn được.

Đã xuất bản

FRITZHOCH WALDER

vâng ý cha

bản dịch của

DIÊM CHÂU và THẾ NGUYÊN

NAM SƠN XUẤT BẢN

Tiểu sử

Sanh ngày 8-1-1912 tại Hà-Nội (trong khai sanh ghi : 8-4-1912). Quê ở Sơn-Tây (Bắc-Việt).

Năm 1935, bắt đầu viết kí ức, nhưng sau thất lạc vì giặc giữ ; rồi viết du kí, tiểu luận, thư đến phiên dịch. 1935, có được độ chục bản thảo.

Làm nhân viên sở Công chánh, từ năm 1935, thuộc ngành Thủy lợi (Hydraulique), thường đi công cán miền Hậu-Giang, nên biết nhiều về người và cảnh miệt này.

Cuốn sách được in trước hết là cuốn **Tổ chức công việc theo khoa học** do một ông bạn xuất bản giùm, năm 1948.

Một cuốn sách tuy mỏng mà tốn công, là cuốn du kí **Bảy ngày trong đồng Tháp Mười**.

(Viết cho Thanh nghị, không gởi được, bản thảo thất lạc ở đồng Tháp-Mười năm 1946 viết lại năm 1953.)

Sau biến cố lịch sử 1945, không trở lại ngạch cũ. mà dạy học tư ở Long-Xuyên, rồi sau ở trường Trung học Thoại-Ngọc-Hầu trong ba năm. Đến năm 1952, thôi dạy, lên Sài Gòn ; năm sau dựng nhà xuất bản, và từ đó đến nay, chỉ sống bằng cây viết.

Sách ra khá nhiều, tự mình xuất bản có, và do người khác xuất bản, cũng có. Một phần là loại sách « Học làm người ». Còn là sách về nghệ thuật sống dịch thuật theo sách Âu Mỹ, sách dạy lối tự học, sách dạy nghề viết văn, cùng một số sách biên khảo về văn-học, về ngữ pháp, về gương danh nhân kim cổ, về giáo dục, triết học, khoa học và tiểu thuyết, truyện ngắn (dịch).



Anh sống gần như một ẩn sĩ và không thích ai nói nhiều về nhiều về điểm « vào nghề văn, nghề xuất bản » của anh, vì anh cho là vô ích. Nhưng trái lại, nhiều bạn đọc lại muốn rõ « cái thuở ban đầu duyên nợ ấy » và họ cho rằng nếu « vô ích » đối với người trong cuộc, thì lại « hữu ích » với kẻ đứng vòng ngoài : giúp họ biết thêm con người của nhà văn mà họ đề ý hay mến chuộng. Cho nên tuy anh đã dặn tôi chỉ nói sơ sơ thôi, tôi cũng đành làm trái ý anh, là nói nhiều đoạn « từ công chức nhiều nhà

giáo, từ nhà giáo đến nhà văn, từ nhà văn sang nhà xuất bản » của anh.

Anh sống nghề công chức từ 1935 thì cũng từ năm ấy, anh bắt đầu viết lách. Anh viết chẳng những đề rồi cho đăng báo hay cho xuất bản, mà đề tiêu khiển, đề học thêm. Vì lúc ấy, anh dư thì giờ nhiều quá, chẳng biết tiêu pha vào đâu, « không viết thì làm gì cho hết ngày ? Hết ngày, vì xê dịch bằng ghe trong miền Hậu Giang đề đo mực nước kính này, rạch nọ, anh làm việc ban đêm nên ban ngày rảnh rang, đã thế ngày

nay đậu bến này, ngày mai ghé bến khác, sách báo không có, lâu lâu mới về châu thành một lần, để tránh cái cảnh « nhàn cư » ấy, anh mới nhờ đến giấy trắng mực đen. Và anh chẳng những viết du kí, viết kí ức, viết tiểu luận, mà còn phiên dịch nữa.

Anh viết rồi để đó. Có bạn lúc ấy hỏi sao « không cho tác phẩm ra mắt độc giả », anh đáp « Khoan đã. » Mãi đến năm 1944, vì lời yêu cầu của một bạn cũ đang chủ trương tờ *Thanh nghị* ở Bắc, anh mới tính gửi thiên du kí *Đồng Tháp Mười* cho báo này, thì đường giao thông bị nghẽn. Tới năm 1945, khi Nhật đảo chánh Pháp rồi, anh mới có bài đăng ở báo *Tân Việt-Nam* của nhà giáo Nguyễn-Văn-Nho. Và khi kiểm điểm lại, từ khi bắt đầu viết cho đến năm 1945 — nghĩa là trong vòng mười năm — anh đã được độ mười bản thảo. Nhưng rồi tháng 10, anh phải tản cư vào đồng Tháp Mười, một số bản thảo bị thất lạc, trong số đó có cuốn *Bảy ngày trong Đồng Tháp-Mười*. Thật là : của đồng Tháp trả về đồng Tháp.

Trong thời gian tản cư, anh lại tính nuôi tằm, nên cuộc đất trồng dâu; sáng làm việc chân tay, chiều học thêm chữ Hán và học thuốc Bắc.

Năm 1947, anh qua Long-Xuyên cần thuốc, thì vụ xung đột giữa Việt-Minh và Hòa-Hảo xảy ra, anh mắc kẹt ở châu thành này. Phải kiếm lấy một nghề gì để sinh nhai.

— Sao anh không trở về Công-chánh?

Hỏi xong, tôi mới biết mình lỡ lời. Anh không đáp, nhìn tôi, hơi cười, một nụ cười buồn.

— Tôi định làm nghề Đông y. Nhưng thấy cái nghề đó chán quá, lại thôi.

Nhân có mấy người bạn nhờ dạy con họ mà anh trở nên nhà giáo tại gia. Một ngày bạn có đôi tiếng đồng hồ, nên anh dùng thì giờ rảnh để đọc và để viết. Dạy con bạn như thế được hai năm, anh được mời dạy trường Trung học công-lập Thoại-Ngọc-Hầu trong ba năm. Anh vừa dạy vừa tiếp tục viết. Một người bạn bỏ tiền ra in giùm ba cuốn đầu.

— Có phải ba cuốn : *Tờ chức công-việc theo khoa học*, *Kim chỉ nam của học-sinh* và *Đặc nhân tâm bí quyết để thành công* ?

Anh gật đầu.

— Cuốn đầu xuất bản vào năm 1948, năm tôi chánh thức bước vào làng. Rồi từ đó cứ đều đều mỗi năm tôi cho ra được vài cuốn.

Năm 1953, anh xin thôi dạy. Nguyên nhân đáng ghi lại. Thời cuộc lúc bấy giờ không lợi cho Pháp, học sinh học hết năm Đệ Tứ, dù đậu hay rớt bằng Trung học đệ nhất cấp, cũng phải nhập ngũ vì thế mà họ chán học. Đã thế, nhà trường lại không bắt những học sinh dở ở lại, cứ cho lên bừa lớp trên. Có lối dạy « hình thức » này, một lẽ vì bộ Giáo dục hạn chế số học sinh ở lại, một lẽ vì sợ phụ huynh học sinh phiền (vì miền này là miền của giáo phái). Anh thấy không thể

tiếp tục nghề dạy trong tình trạng như thế, nên đành giã từ nó vậy.

— Chắc mấy năm dạy học đó, anh có nhiều kỷ niệm.

— Có nhiều kỷ niệm vui ?

Tôi chờ anh kể cho một kỷ niệm, thì anh lại nói, sau một phút trầm ngâm.

— Học sinh Long - Xuyên hồi đó rất quý các thầy. Và trường học còn cái không khí thân mật, tôn nghiêm, làm tôi nhớ lại những lớp của ba tôi và các bác tôi hồi còn nhỏ.

Từ khi xin thôi đến lúc được thôi, phải chờ một thời gian khá dài : đơn bị « ngậm » tới nửa năm. Anh lợi dụng khoảng này, viết đề dự bị một số tác phẩm, lên Sài Gòn sẽ xuất bản.

Nhưng lên Sài Gòn rồi anh thấy ngại : theo nghề xuất bản, mới đầu, e không đủ sống, mà vốn liếng thì không có bao nhiêu, mới gầy dựng lại được trong mấy năm đi dạy. Anh mới tìm chỗ dạy học. Một người bạn giới thiệu cho anh một trường tư. Cách thức dạy dỗ ở Sài Gòn hồi đó đã không hợp với anh. Thôi đành vinh biệt nghề dạy, chuyên sống bằng cây viết vậy. Vài bạn tỏ ý lo ngại cho anh. Nhưng tánh anh không chịu được cảnh : làm một nghề mình thấy « nó ra sao ấy ». Kiếm được ít thì ta ăn ít. Từ nhỏ, nhà vốn thanh bạch, mà mấy năm tản cư, lại quen sống thiếu thốn. Thì thế nào mà chẳng chịu được. Nhà xuất bản Nguyễn-Hiến-Lê ra đời. Và tới nay, được mười một tuổi thọ.

Khi bắt đầu vào nghề xuất bản, anh đã có sẵn bốn, năm bản thảo rồi. Anh đặt sơ một bài toán: vừa xuất bản vừa viết, thì đồ đồng mỗi năm ra được ba, bốn cuốn, và mỗi năm viết được hai, ba cuốn, như thế có đủ tác phẩm để xuất bản năm năm; sau năm năm đó, anh lấy lại bản quyền những cuốn đã bán cho nhà Phạm-Văn-Tươi, trong số này, có thể tái bản vài cuốn. Như vậy, hi vọng đủ sách ra trong tám, chín năm.

Nhưng anh mới in xong cuốn đầu, cuốn *Tư học đề thành công*, thì hiệp định Genève cắt đôi đất nước. Mất đến phân nửa độc giả. Tuy thế mà bằng hiệu Nguyễn-Hiến-Lê đứng vững từ 1954 cho tới nay, và mỗi năm đều đều cho ra một độc giả vài ba cuốn, như đã dự tính trước kia.

Nhờ cái đều đặn ấy, mà số sách của nhà xuất bản anh khá nhiều, cũng như số sách của anh đã được in ra. Cho nên người ta phục anh ở chỗ viết nhiều, « sản xuất » mạnh. Tôi nhắc lại lời đó với anh ? anh bảo :

— Lời nhận xét đó không đúng. Còn biết bao người viết nhiều, sản xuất mạnh hơn tôi nữa chứ. Nếu viết « tài tử » thì chẳng nói làm gì, chứ còn đã muốn sống chuyên nghề viết — sống một cách tự do thì không viết nhiều sao được. Anh em văn nhân, kí giả, như anh Bình-Nguyên-Lộc chẳng hạn, mỗi ngày phả.

«đề» ra ít nhất ba trang chữ đánh máy. Gom cả lại những gì anh ấy viết từ mười năm nay, thì chắc là nhiều hơn tôi chứ. Lại còn có lắm người viết cũng rất nhiều in cũng rất nhiều, mà kí nhiều tên, nên ít ai ngờ. Ấy là chưa kể những người viết rồi đề đấỵ, chưa in được, mà bản thảo họ cộng lại cũng có thể tới cả ngàn trang !

— Anh em nói anh viết nhiều, sản xuất mạnh, là nói về kết quả trông thấy. Phải nhận rằng anh là người có sách in vào hạng nhiều nhất : trên bốn chục cuốn, nếu tôi nhớ không lầm. Người ta còn lấy làm lạ rằng anh có sẵn nhà xuất bản mà sao lại đề bớt một số tác phẩm cho các nhà xuất bản khác, như Khai Trí, Đại học Huế, Tao Đàn, Cảo Thơm...

— Thật ra, tôi vốn không muốn làm nghề xuất bản, mà như anh biết đó, nhà xuất bản của tôi không phải là nhà xuất bản : không có kho chứa sách, không có người giúp việc, tôi cũng chẳng mua tác phẩm của ai. Tôi chỉ muốn viết thôi anh à. Viết mà bán cho nhà xuất bản khác thì không đủ sống. Hơn thế nữa, có những cuốn sách mình viết tốn lắm công, mình thích mà người ta không chịu mua, mà mình, thì mình muốn cho ra, vì thế phải gom một số vốn để xuất bản lấy.

Anh như sực nhớ một điều gì :

— Chút nữa tôi quên. Hồi đầu anh Hư-Chu có giúp tôi sửa ấn cảo giùm, giao sách giùm trong ba năm, nhưng tám năm nay, mọi việc một mình tôi tự làm

lấy hết ! Như vậy làm sao mà xuất bản nhiều được. Chỉ lai rai vài quyển mỗi năm, vừa kiếm đủ tiền chợ !

Rồi anh thân mật cho biết, năm ngoái anh có trên mười cuốn viết xong, bán bớt đi, anh mong năm nay và sang năm tự xuất bản hay đề người khác xuất bản cho hết số còn lại.

— Chừng ấy, nếu có vận hội mới, sẽ viết nữa, không thì nghĩ.

— Anh mà nghĩ viết !

— Mười bảy mười tám năm rồi ! Tôi thêm nghĩ quá, anh à. Thái bình trở lại tôi sẽ gác bút hẳn một năm, rồi sau sẽ nay. Nhưng tôi biết rằng nếu nghĩ lâu, thì tôi lại tự hỏi : «Biết làm gì cho hết ngày đây» như ba mươi năm trước ?

« Tôi thêm nghĩ quá, anh à... » Câu này làm tôi ngậm ngùi. Anh thêm nghĩ, cũng như dân tộc này thêm thái bình. Nhưng biết ngày nào ước mơ chánh đáng và thiết tha này được thực hiện. Nhìn lại anh tóc bạc quá nhiều, mặt mỗi rõ ràng trên gương mặt thường được vẽ dăm chiêu, mà con người ốm yếu của anh mới trên năm mươi tuổi nào có bình thường cho cam : anh đau dạ dày từ mười mấy năm nay, ăn phải kiêng cử, chẳng thể làm việc về đêm, lại còn mang bệnh kém ngủ. Thế xác anh hao mòn là thế, mà anh lại tự buộc mình làm có giờ giấc như một công chức, cứ âm thầm, kiên nhẫn, đều đều làm việc theo một hướng vạch sẵn, đề tới nay có một sự nghiệp biên khảo, trước tác và dịch thuật đáng kể, ai người biết anh nhiề

cũng phục cái nghị lực hiếm có ấy. Anh không ưa cái gì bạo phát, chỉ muốn tuần tự mà tiến không ngừng. Trong cuốn *Gương kiền nhẫn*, tôi nhớ anh có nói một câu đại ý rằng đáng gọi là sự nghiệp thì thường khi phải từ 30 đến 50 năm mới thành được.

Trước kia, anh có thể ngồi viết suốt ngày, từ 7 giờ sáng đến tối, trừ buổi trưa phải nghỉ đôi giờ. Nhưng sau này, vì đau bao tử, anh chỉ viết buổi sáng từ 9 đến 12 giờ và chiều từ 3 đến 7 giờ. những giờ khác, anh dành cho việc đọc sách, hoặc học thêm hay để kiểm tài liệu.

Khi đọc anh luôn luôn có cây viết chì đen bên cạnh. Đề thấy có gì đáng đề ý thì đánh dấu đoạn nào cần xem lại sau này thì tóm tắt ý trong nửa hàng hay một hàng ghi lại ngay ở đầu của quyển sách, đoạn nào có thể dùng làm tài liệu được thì chép vào một tờ giấy riêng, cho vào một sơ mi.

Anh đọc nhiều thứ sách, bởi môn nào cũng có thể giúp cho anh một vài tài liệu. Tiểu thuyết thì mỗi năm, anh đọc độ mười cuốn nổi danh thôi. Anh cho rằng một người cầm bút phải sống nhiều và đọc nhiều. Một lần, một thanh niên nghe lời tuyên bố này của Caldwell : « Trong đời chỉ có hai hạng người, hạng đọc sách và hạng viết sách », rồi cũng muốn bắt chước nhà văn đó, không thèm đọc sách nữa; anh viết cho thanh niên đó như vậy: « Caldwell quên rằng trong đời còn có hạng người thứ ba nữa, đọc rất nhiều mà viết cũng rất nhiều, nhiều hơn và hay hơn ông ta nữa, như Tolstoi A. France... »

Lúc nào, anh cũng có một cuốn đang viết hoặc đang dịch và vài đề tài đề rồi viết thành bài hay thành sách. Và hề đọc

sách, báo mà thấy được tài liệu hay nhờ đó mà gợi thêm ý cho những đề tài nói trên, thì anh lập tức ghi lại ngay.

— Có đề tài ngâm như vậy vài ba năm, hoặc bốn năm năm mới viết, có đề tài thì ít tháng sau là viết.

— Phải ngâm lâu như thế, có lợi hay có hại.

— Riêng tôi thấy, càng ngâm, tiềm thức càng làm việc, nên càng có lợi, ý đến nhiều hơn. Có đề tài tôi phải đợi ba, bốn năm tôi mới kiếm được tài liệu đề khởi thảo, như về đời T.E Lawrence, đời H. Kelller, như về « Tôi tập viết tiếng Việt » Và chỉ khi nào định bắt tay vào việc, là tôi mới gom tất cả sách, tài liệu về đề tài mình ôm ấp mà đọc lại một hơi. Tôi thấy công việc biên khảo cũng như công việc viết tiểu thuyết, chẳng khác nhau bao nhiêu. Đều phải gom góp tài liệu : biên khảo thì gom ở trong sách nhiều hơn ở ngoài đời, tiểu thuyết thì gom ở ngoài đời nhiều hơn ở trong sách nhưng cách thức gom góp rồi lựa chọn, sắp đặt, rồi đưa quan niệm, tư tưởng của mình vô... thì cũng như nhau. Một bên tưởng tượng nhiều, một bên suy tư nhiều.

— Có đề tài nào anh định viết, rồi về sau anh bỏ không ?

— Có chứ ! Ba chục năm trước, tôi đã muốn viết tiểu sử Nguyễn-Công-Trứ Nhưng nay đọc những cuốn : André Maurois viết về Victor Hugo, Chateaubriand, George Sand... hoặc Lâm-Ngữ-Đường viết về Tô-Đông-Pha, Vũ-Hậu, tôi bỏ hẳn dự định đó rồi. Mình có thể chịu tổn công như họ đó được nhưng tài liệu thì không làm sao có được, lấy một phần mười một phần trăm tài liệu của họ. Mà không có bột thì làm sao mà gột nên hồ ?

«Cũng từ khoảng ba chục năm trước, tôi đã muốn viết một bộ nhan đề là «Trên đường thiên lí» để ghi những tục lạ, những di tích rải rác trên đường quốc lộ số 1 theo duyên hải Trung-Việt, từ Phan-Thiết tới Thanh-Hoá. Giá có được một chiếc roulotte rồi lang thang trên con đường đó như bọn Bohémien độ một hai năm, để ngắm cảnh, phỏng vấn, ghi chép rồi viết thì tôi cho rằng sướng nhất đời. Nhiều người cứ ước ao những cảnh Bồng-Lai. Nhưng ngồi trên đèo Hải-Vân hoặc đèo Cả mà ngắm biển Đông thì Bồng-Lai ở trước mắt đó chứ đâu !

«Tôi còn nhớ một đêm, cách đây khoảng 25 năm qua, đèo Cả, đương mê man ngắm cảnh biển mênh mông nhấp nhô dưới ánh trăng thì xe lửa qua một khúc quẹo và những lớp sóng bạc bỗng biển dẫu mắt, và trước mặt đã hiện lên một dãy núi đen tím và một cái vũng lốm đốm mười ngọn đèn chài đỏ như than hồng trên một làn nước phẳng lặng; cảnh biển đổi thực là huyền ảo, như trong một giấc mộng. Và trong một phút, tôi có cảm giác là mọc cánh mà lên tiên

«Tôi đã thực hiện được một phần chương trình đó, anh ạ. Tôi đã đi từ Nha-Trang tới Sông-Cầu, tôi đã ghi lại cảm tưởng, rồi tới chiến tranh, phải ngưng. Bây giờ, thái bình trở lại thì cũng không đủ sức mà tiếp tục công việc đó được nữa. Bản thảo còn đó như một kỉ niệm.

Những người «làm văn chương» thường nói : «dùng ngọn bút để tô điểm non sông.» Tôi chỉ mong ghi lại được vài vẻ đẹp của non sông thôi mà cũng

không được đấy. Không có cái gì vinh dự cho nhà văn bằng ghi lại được cái đẹp của non sông, mà miền duyên hải Trung-Việt thì thực đẹp đến mê hồn. Đã có lần tôi muốn có một cái chòi ở Vũng-Lắm, Vũng-Rô hay Xuân-Đài để ngắm mây nước cho thoải chí. Nhưng mộng đó đã không thành rồi.

«Hiện nay tôi còn mong viết được một bộ «Văn học sử V.N. giữa hai đại chiến». Tính sơ cũng mất đến năm năm. Sức thì còn đủ, nhưng nếu đất nước chia đôi như vậy độ hai chục năm nữa, viết rồi không in được thì viết mà làm gì ? Đề cho thời sau ư ? Tôi thực tế lắm có làm được gì thì làm cho thời này đi. Cho những người đương sống với ta đi. Còn thời sau đã có người của thời sau. Vượt thời gian với không gian Tôi không bao giờ nghĩ tới chuyện đó.»

Và anh nhận thấy rằng chương trình của mình thảo mà thực hiện được chừng một nửa, thế là nhiều rồi, còn một phần tư mình không làm được, vì lẽ này hay lẽ khác, và một phần tư thì hoặc mình quên mất đi hoặc vì lâu quá rồi sau chán bỏ luôn.

— Vì vậy, tôi cho rằng hễ đã định viết, thì nên xắn tay viết liền đi, nó ra sao thì ra, kệ nó, sau ta sửa lại hoặc bỏ đi cũng được, chứ nếu trù trù, thì chẳng viết được đâu. Muốn tập lợi thì cứ nhảy đại xuống nước !

(Còn tiếp một k₁)

NGIỄN-NGU-Í



Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



Kinh - tế Du - kích chiến

DUY

Du-kích đã trở thành hình thái chiến-tranh thường trực, tiếp-nối Đệ-nhị thế. chiến với viễn-ảnh một cuộc chiến-tranh toàn-diện, trên khắp hoàn-cầu.

Ngay sau Đệ Nhị thế-chiến, vị-trí then chốt của Việt-Nam trên bàn cờ Đông-Nam-Á, sự nghèo-nàn, tình-trạng lệ thuộc việc phân-đôi hai-vùng chiếm-đóng hai bên vi-tuyến thứ 16, đã xô-dây chúng ta trở thành miếng mồi ngon cho những kẻ áp-dụng triệt-đề nguyên-lý Lê-Nin, luôn luôn nhen-nhúm biến loạn tại « những khâu chuyển suy yếu nhất », những nước nhược-tiểu của Châu Phi và Châu Á.

Hai mươi năm chúng ta chịu đựng kinh-nghiệm đau thương, đê thế-giới Tự-do hiểu-biết thế nào là chiến-tranh du kích. Các chiến-lược gia đã nhìn thấy một vài nguyên-lý căn-bản, tỷ-dụ :

1. Không thể « tốc-chiến, tốc-thắng » để tiêu diệt lực lượng du-kích mà phải chịu-đựng một trận chiến lâu dài.

2. Không thể thắng bằng quân-sự mà phải thâm phục nhân-tâm để thắng bằng chính trị.

3. Nỗ-lực chiến-tranh phải đi đôi với nỗ-lực kiến thiết, phát-triển dân-chủ, xây-dựng xã-hội.

Về phương-diện quân-sự, chúng ta được chứng kiến rất nhiều nỗ-lực đề ứng phó với sự linh-động của chiến-tranh du-kích, về vũ-khí cũng như về tổ-chức, huấn luyện, hành-binh. Về phương-diện chính-trị, chúng ta cũng đã hiểu phải có chính-nghĩa mới thắng được một cuộc chiến tranh ý-thức-hệ.

Riêng về phương diện kinh-tế, chúng ta chưa quan niệm được chính xác vấn đề, nên chỉ chạy theo thời-cuộc, giải-quyết cục-bộ, mà không có một đường lối chung, một chương trình ngắn hạn và dài hạn.

Không hẳn là chúng ta không có một chính-sách kinh-tế, những kế-hoạch ngũ niên, những tiến-bộ về phát-triển kinh-tế.

Nhưng đường-lối áp-dụng tại Việt-Nam¹ vẫn chỉ là đường lối áp-dụng chung cho tất cả các nước nhược-tiểu nhận viện-trợ Mỹ, nhằm các mục-tiêu :

— Kỹ nghệ-hóa, nhất là trong khu- vực kỹ-nghệ nhẹ và cơ-giới-hóa nông-nghiệp.

— Chế-tạo các sản phẩm cần thiết nhất cho đời sống nhân-dân để khỏi phải nhập-cảng hàng-hóa.

— Tận dụng nhân-công, giải-quyết nạn thất-nghiệp toàn thời hoặc bán thời, giữa các mùa nông, để tăng gia lợi tức quốc-gia.

— Xuất-cảng các sản-phẩm nội-địa thặng dư, di dần tới mức quân-bình cán-cân chi-phó, tự-túc về ngoại tệ.

— Quân-bình ngân-sách quốc-gia, tăng dần tiền thuê về thuế-vụ, bớt dần tiền thuê về quan-thuế, tiến tới một nền tài chánh độc-lập, không cần phải có sự giúp đỡ của ngoại-bang.

Đường lối trên đây, chỉ có thể có thể có kết quả tốt trong một tình-trạng an-ninh hoàn-toàn. Giáo sư thạc-sỹ Nguyễn cao-Hách, đáp lời một cuộc phỏng-vấn báo-chí trước khi đi dự Hội nghị tiền tệ Quốc-tế năm nay đã tuyên bố, «không có an-ninh thì đừng nói đến chuyện phát triển kinh-tế, kỹ-nghệ.»

Di-nhiên, tình trạng chiến-tranh đòi hỏi một chính-sách kinh-tế chiến-tranh. Thường-thường ngay từ trong thời bình người ta đã phải chuẩn bị cho thời chiến

tranh. Cả một kế-hoạch liên-quan tới động-viên kinh-tế, động-viên tài-lực được dự-thảo và cập nhật hóa, tàng-trữ trong các tủ sắt cơ-quan đầu não Quốc Phòng, như Ngũ-giác-dài bên Mỹ, Nha Tổng-Thư-Ký Thường-Trực Quốc-Phòng bên Pháp v.v.. Khi chiến-tranh bùng-nổ, lập-tức kế-hoạch động-viên được ban bố và thi-hành ngay trong chi tiết : tất-cả sinh hoạt quốc-gia đều hướng về chiến-tranh và phục vụ cho chiến-trường.

Riêng về phần Việt-Nam, mặc-dầu thiếu một kế-hoạch động-viên kinh-tế, chúng ta cũng thấy ban-hành nhiều biện pháp chiến tranh. Tỷ-dụ : Cấm đoán lưu thông tự-do các sản-phẩm có tính-cách lợi-ích quân sự ; Quyền trưng dụng tài sản của các cơ-quan quân-sự ; Bán thực phẩm theo sò gia đình ; Kiểm soát và ấn định giá-cả các sản phẩm cần thiết cho đời sống nhân-dân.

Chúng ta cũng thấy chính-quyền chủ trương thắt lưng buộc bụng, tiết kiệm, và tăng thuế để ứng-phó với chi-phí chiến-tranh.

Nghĩa là, một số biện pháp kinh-tế áp-dụng trong chiến tranh cồ-diễn đã được thi hành tại Việt-Nam, trong một cuộc chiến vượt ra ngoài khuôn-khò của chiến-tranh cồ-diễn.

Như vậy tránh sao khỏi lúng-túng ? Các chuyên-viên, kỹ-thuật gia, nếu căn-cứ trên nguyên-tắc thông thường về

• iện-trợ Mỹ áp-dụng cho các quốc gia nhược tiểu, và trên nguyên tắc tổ chức kinh tế trong tình trạng chiến-tranh cở-diễn, tất không thể nào giải quyết được một tình trạng kinh-tế do chiến tranh du-kích gây ra.

Cũng như, người ta không thể cắt nghĩa các sự-kiện kinh-tế Việt-Nam, qua ảnh-sáng các nguyên-tắc kinh tế cở-diễn.

Nhà Kinh-tế học Phan-tấn-Chức, qua bài báo : « Các khó-khăn kinh-tế đã tạm lắng dịu » đăng trong tờ Thần-Chung ngày 28-11-65, có lưu ý : « Một sự kiện đã làm kinh ngạc các chuyên viên kinh-tài ngoại-quốc là từ 1954 đến nay, trên dưới 10 năm, nền Kinh tế Miền-Nam Việt-Nam tương đối rất ổn mặc dù Miền-Nam Việt-Nam phải gánh chịu một cuộc chiến tranh tàn-khốc gây nhiều thiệt hại cho tiềm năng sản xuất của quốc gia.

Họ không kinh ngạc làm sao, khi mà các cường quốc thắng trận Đệ nhị Thế Chiến, như là Anh, Pháp v.v. đã bị kiệt quệ vì 6 năm chiến tranh, đến nỗi tiền tệ sụt giá, nhân dân đói ăn, rét mặc, còn ngược lại, tại Việt Nam sau 20 năm chiến tranh, đô-thị mỗi ngày một phồn thịnh, còn nông thôn, những vùng còn được an-ninh, mức sống cũng cao hơn trước.

Chúng ta không thể cắt nghĩa theo các nguyên tắc kinh-tế cở-diễn được, vì cuộc chiến tranh chúng ta đương phải chịu đựng là chiến tranh du-kích. Trước hết nó là cuộc chiến tranh nội đa nầu

thịt do Cộng sản quốc-tế phát động, dưới chiêu bài Mặt-Trận giải-phóng, cung-cấp cả vũ-khí đạn dược lẫn cố-vấn. Tất nhiên, Thế-giới tự-do cũng phải viện trợ cho chính phủ Quốc-gia. Viện-trợ của phe Cộng-sản thời ít, và chỉ nhằm phục vụ trực tiếp chiến-trường, trong khi viện trợ của Thế-giới tự-do phong phú và phục vụ luôn cả nhân dân. Do đó mặc dầu có chiến tranh lợi tức quốc gia nói chung mỗi ngày một tăng cao và đời sống kinh-tế không bị xáo trộn mạnh, trong khi ở Bắc-Việt dân chúng càng ngày càng đói khổ, thiếu thốn đủ mọi bề.

Các chiến-thuật-gia đã công-nhận du-kích chiến là một hình thức chiến-tranh đặc biệt, đòi hỏi một kế hoạch đặc-biệt về quân sự chính trị, tại sao chưa công nhận và thiết lập một kế hoạch đặc biệt về kinh-tế du kích chiến ?

Danh từ « kinh-tế du-kích-chiến », có thể làm mỉm cười, nhưng 15 năm trước đây danh từ Tâm-Lý-chiến cũng lạ hoắc, và không ai dám quan niệm tới. Trong thế chiến du kích, ai cũng hiểu, muốn thắng trận, phải thắng về chính trị, nghĩa là tranh thủ được nhân-tâm, mà muốn tranh thủ nhân tâm, trước hết phải làm cho dân no ấm. Ba kế hoạch quân-sự, chính trị, kinh tế phải đi song song, và mỗi giai đoạn quân-sự phải có những biện-pháp riêng về kinh tế. Tất cả những biện-pháp về quân sự, chính trị, kinh tế đều phải được phối hợp, và không thể tách rời kinh-tế như một khu vực riêng biệt

tỷ-dụ khẩu hiệu «tất cả cho nông thôn» có thể áp dụng cho tất cả nông thôn hay không? khi mà đất đai, về phương diện quân sự còn phải chia ra từng vùng an ninh, vùng xôi đậu, và vùng địch kiểm soát? Có thể nào áp dụng một chính sách kinh tế cho tất cả các vùng, không kể đến tình hình chánh trị, quân sự? Tất nhiên là không. Phải có một kế-hoạch kinh tế, phù hợp với chiến - lược chiến tranh chống du-kích. Phải có những nguyên-tắc căn bản, một hạ tầng cơ-sở chắc chắn để xây các kiến trúc tùy theo mỗi giai-đoạn quân sự và chánh-trị. Phải nhận một lý thuyết kinh-tế du kích chiến không khác nào mầy mò ban đêm giữa cơn phong ba bão táp, không có kim-chỉ-nam, không có đèn rọi đường.

oOo

Trước hết chiến tranh du kích là một cuộc chiến tranh lâu dài, một cuộc đua đường trường, ngắn nhất cũng là mười ngàn thước, trái với chiến tranh cò diều chỉ là cuộc đua nước rút 100 thước, 200 thước, hay quá lắm là 400 thước. Nếu chúng ta lẫn mình vào cuộc chiến du kích với tốc độ tối đa của cuộc đua nước rút, chắc chắn chúng ta phải bẽ tim, cứng giò. Rất có thể, trong một giai đoạn ngắn, vì tình hình lâm nguy, hoặc vì chiến thắng kẻ cận, chúng ta phải gia tăng tốc-độ, nhưng về chiến lược, trong giai đoạn lâu dài, chúng ta phải vừa đánh vừa bồi dưỡng sức khỏe, và sự bồi dưỡng phải mạnh hơn là sự tiêu hao. Các khẩu hiệu: «Tổng động viên», «Tất cả cho

chiến trường», tuyệt đối không được dùng bừa bãi và liên tục. Các khẩu hiệu trường kỳ phải là: «Vừa tiêu diệt du-kích vừa xây dựng xứ sở», hoặc «Tiền tuyến diệt giặc, hậu phương kiến thiết».

Diễn tả trên bình diện kinh tế, khẩu hiệu «trường kỳ diệt du kích» phải có nghĩa là tổ-chức đời sống kinh tế, bình thường hóa tới mức tối đa. Chính quyền có thể theo dõi một cách kín đáo, sinh hoạt kinh tế trong xã hội, nhưng chính quyền chỉ kiểm soát, cấm đoán, trong trường hợp cần thiết, và nhất định không lạm dụng, không làm phiền phức thêm cho nhân dân. Trong một quốc gia chậm tiến, nền hành chánh nặng về thủ tục giấy tờ, các sự kiểm soát, cấm đoán về kinh tế làm lợi cho dân thì ít mà làm lợi cho bọn quan liêu, chợ đen thì nhiều. Định luật này không thể thay đổi, mặc dầu chính quyền có thiện chí, trong sạch, nghiêm khắc cách mấy cũng vậy thôi. Tốt hơn hết là bình thường hóa tới mức tối đa đời sống kinh tế, khiến cho kẻ lợi dụng không còn cơ hội hốt bạc.

Nền kinh tế chống du kích phải có tính chất đại-chúng. Đại-chúng có nghĩa là phải phục vụ quyền lợi cho đại đa số nhân dân. Về diêm này, các lý - thuyết gia đều công nhận «muốn thắng, phải tranh thủ được nhân tâm». Và tranh thủ nhân tâm là gì, nếu không phải là nâng cao mức sống của quần đại quần chúng. Chính sách của du kích cộng sản là phá hoại kinh tế, khiến cho nhân dân nông thôn và thành thị đều phải bần

cùng khốn khổ, oái giận chính - phủ và đầu hàng vô-sản.

Ngược lại, chúng ta phải có một kế hoạch nâng cao lợi-tức quốc gia và hữu sản hóa đại đa số nhân dân, một kế hoạch thực tiễn, chớ không phải là những khẩu hiệu xuông.

Kế hoạch đó dĩ nhiên lệ-thuộc rất nhiều vào ngoại viện. Chúng ta không đi xin mãi mãi. Chúng ta cũng không thể đợi vãn hồi an ninh mới phát triển kinh tế, kỹ-nghệ. Ngay từ nửa đường, chúng ta đã phải có nền kinh tế tự túc, phần thịnh. Đó là điều kiện tất yếu để chiến thắng chủ nghĩa Cộng-sản và chiến tranh du-kích. Bây giờ, nước Việt-Nam cũng như đại hạn trông mưa rào, như người khát nước, nếu cứ uống từng ngụm nhỏ không sao hết khát mà phải uống ngay cả ly nước lạnh.

Nếu chiến thắng du kích cũng là mục tiêu cuối cùng của ngoại-viện, thời ngoại-viện phải dồi dào, mềm dẻo và bất vụ lợi. Các điều kiện hạn chế mua hàng, hạn chế chuyên chở, cần phải được xét lại dưới ánh sáng các lời tuyên bố mới đây của ông Bộ-trưởng Mac Namara, quyết định «cung cấp đầy đủ bất cứ những gì mà Việt-Nam Cộng-Hòa cần đến» (Báo Thời-đại ngày 2-12-65). Và lại viện trợ nhiều, ngay một lúc, mà đạt được kết quả, tất có lợi hơn viện trợ lâu dài mà không kết quả.

Viện trợ phải có ích lợi trực tiếp cho khối nông-dân đông đảo. Các xưởng kỹ

nghệ nên thiết lập ngay tại địa phương để biến chế nông phẩm và đem lại sự trù phú cho nông dân. Biết bao nhiêu nông phẩm có giá trị mà không được dùng đúng mức, khiến cho người sản xuất chán nản: Tỷ-dụ như củi dừa, sắn, khoai, đậu, bắp, kenaf, v.v... chưa kể các trái cây như khóm, soài, cà chua. Khi đặt các tiêu chuẩn để giúp đỡ phát triển kỹ nghệ chưa bao giờ chính quyền và ngoại viện xem trọng quan điểm nhân dân. Muốn được Trung-tâm Khuếch-trương Kỹ nghệ, hay Ngân-hàng cho vay tiền, phải có những bảo đảm, những tài sản trị giá. Dĩ nhiên giới tư sản phải tính toán hoạt động để có lời cho cá nhân họ trước hết. Nên chúng ta không thể thấy các xí nghiệp kỹ nghệ có lợi cho nhân dân thành hình được.

Đã đặt mục tiêu viện trợ phục vụ cho đại chúng, thời nên tránh hết sức việc sử dụng viện trợ làm áp lực chính trị. Chính phủ có thể thay đổi, và mỗi lần tàn cuộc cờ, bày lại cuộc khác vẫn được. Nhưng nhân dân là vĩnh cửu, và phải chịu đựng tất cả hậu quả không hay mỗi lần giảm viện trợ bất thường. Dầu tình trạng bất thường chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn, những sự thiếu thốn, giá sinh hoạt mắc mỏ cũng đã gieo vào lòng người dân những cảm nghĩ không tốt. Chiến tranh chống du kích, lâu dài, gian khổ, chính vì nhân tâm khó tranh thủ. Mỗi lần mất lòng tin, phải rất nhiều công trình, của-cải, thời gian, mới làm cho nhân dân quên

những phút lo khổ vì đời sống kinh tế điều đứng. Cũng vì nhân dân là yếu tố quyết định, nên trong chiến-lược chung chống du kích, viện trợ kinh tế phải nhằm mục phiêu chính yếu là nâng cao đời sống vật chất của dân chúng.

Đại chúng còn có nghĩa là kế-hoạch kinh-tế, ít nhất cũng phải phổ biến trong nhân dân và được nhân dân tham-gia, hưởng-ứng. Khi an ninh, thịnh-vượng đã đạt được một mức-độ nào, thời kế-hoạch kinh tế phải do nhân-dân soạn-thảo ra.

Trong lãnh-vực quân-sự, chính-trị, Tâm-lý-chiến đã đóng vai trò then chốt. Phải tuyên-truyền, huấn-luyện, phổ-biến để dân-chúng thấy rõ sự sảo-trá của địch và chính-nghĩa của quốc-gia. Dân-chúng phải tham gia trong cuộc chiến đấu chống Cộng, làm tai mắt cho quân-đội, mới hy vọng tiêu diệt các lực-lượng du kích. Điều này, không còn ai chối cãi và được nhắc đi nhắc lại như sáo-ngữ. Vậy mà trên binh diện kinh-tế du-kích-chiến chưa bao giờ có đề cập tới tâm-lý-chiến

Tại sao cán-bộ địch nằm vùng, đầu khôn-khéo, lẩn trốn cách mấy, lâu lâu cũng bị dân chúng tố-giác, còn ngược lại, gian thương, chợ đen là những người luôn luôn tiếp xúc với lớp người tiêu thụ, mà không bị tố giác bao giờ? Tại sao chưa đem được những kẻ lũng đoạn kinh tế quốc gia ra pháp-trường-cắt? Xin trả lời, vì nhân dân đứng ra ngoài lề hoạt động của chính quyền, Vì thiếu một

kế-hoạch tâm-lý trong kinh-tế du-kích-chiến, thiếu sự tham gia của nhân dân nên các đoàn thể cơ quán trừ gian vẫn chưa lòi ra được trước ánh sáng công-lý, các kẻ thực sự đắc tội với quốc-gia, dân tộc. Muốn vận động cho nhân-dân tham gia chính sách kinh-tế còn khó-khăn và mất công hơn là vận động cho nhân dân chấp nhận quan điểm chính-trị của chánh-phủ. Vì các sự-kiện kinh-tế hiện nhiên và liên quan mật thiết đến đời sống hằng ngày của xã-hội. Nếu một bó rau muống từ 1 đồng vọt lên 2, 3 đồng, thời không có một ông Thống-kê hay ông Kinh-tế-gia nào có thể làm cho dân-chúng tin tưởng mức sống chỉ nhúc-nhích đôi chút hay lên mấy phầy phần trăm thôi. Nếu không mua được sữa cho con bú, thời chẳng có cơ quan nào làm yên lòng được các bà mẹ rằng sữa dự trữ còn nhiều lắm, không có khan-hiếm, không có tăng giá.

Cán-bộ tuyên-truyền kinh-tế còn khó ăn khó nói hơn cán bộ Tâm-lý-chiến nhiều. Nên kế hoạch kinh-tế được đề ra, phải thật sát với tình-trạng thực-tế, và không vượt quá khả năng thực hiện của nhân dân. Sau khi được Chính-phủ chấp nhận, kế-hoạch phải đem phổ biến rộng rãi cho mọi tầng lớp đều hiểu thấu trước khi đem áp dụng công-khai, rộng rãi. Muốn cho dân hy sinh, ít nhất cũng phải đề dân hiểu tại sao phải hy sinh. Như vậy Chánh-phủ mới đạt được kết quả, và dân chúng cũng bớt đau xót. Tuyệt đối nên tránh những biện pháp bất-ngờ, úp-úp mờ-mờ! Dân chúng kinh ngạc không hiểu sao lại có những biện

pháp đó sẽ có cảm tưởng là bị lừa gạt và sẽ tìm đủ mọi cách để gạt lại chính phủ lừa gạt những người khác. Thuở này, chính phủ ưa dùng những biện pháp bất-ngờ trong khu vực hối-đổi tiền-tệ và thuế vụ, quan-thuế. Những « bí mật » thường bị « bật mí », làm lợi cho giới « áp phe ». Gian-thương mặc sức đầu-cơ tích-trữ làm lũng đoạn thị-trường. Còn đa số nhân dân bị lắt tui, thầy đều tiu nghỉu như « mèo cắt tai ». Nếu có đường lối kinh-tế Tâm-lý-chiến, chắc-chắn Chính-phủ khỏi phải dùng đến các biện pháp « bắt tù » đó, và nhân dân cũng vui lòng thực-hiện chính-sách kinh-tế của Chính-phủ.

Đại-chúng cũng có nghĩa, nền kinh-tế du-kịch chiến phải dần dần san bằng được những bất công xã-hội. Chính-

quyền phải cương quyết dùng Ngân-sách quốc gia để phân chia lại lợi tức, lấy của người giàu giúp cho người nghèo, giảm bớt sự chênh-lệch về lợi tức. Dầu muốn dầu không, trong thế chống du-kịch nhân-dân cũng phải tập hợp thành đoàn ngũ. Chính đoàn-ngũ sẽ giữ vai-trò trung-gian trong việc phân-phối hàng-hóa, để đem tiện-nghi và bán-xa-xỉ, tới đại đa-số nhân dân. Khi đó, ngay đến công-chức cao cấp (trường-hợp đã xảy ra ở Đài-Loan) cũng chỉ cần ba ngàn bạc lương để sinh-sống đường hoàng.

(còn tiếp một kỳ)

DUY

Kỳ tới: *Tính chất dân tộc trong nền kinh-tế chống du-kịch.*

VỎ RUỘT XE ĐẠP, XE GẮN MÁY.

- CHỞ NẶNG
- LÂU MÒN
- GIÁ RẺ

TAM MÃ

WHALES

DUTACO

MYLIEM

U
i
ê
t
N
a
m
H
à
n
g
K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

của
ĐƯỜNG BAY *Hoasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG 800 CÂY SỐNG AN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI, MÁT-MỀ, ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
16, HUYỀN-HUỆ, SAIGON, ZI. 629-625 646

ĐIỆN, NƯỚC

NGUYỄN - THANH

Từ lâu nay, trên mặt báo người ta đã nói nhiều đến hai vấn đề liên hệ mật thiết đến đời sống con người mà cũng là hai vấn đề đã gây nhiều lộn xộn, khó hiểu cho người dân thủ-đô: điện và nước. Hai vấn đề trên, nhất là vấn đề điện, là những vấn đề chuyên môn, người dân đứng trước những lời lẽ trái ngược những bài báo mâu thuẫn, vẫn hằng chờ một tiếng nói chính thức của các nhân vật có thẩm quyền để có thể an tâm lo việc mưu sinh. Nhưng rồi hầu như mọi người đều im lặng, ngay cả hai cơ-quan tối cao của 2 vấn đề chuyên môn đó là Điện-Lực Việt-Nam và Sài-gòn Thủy-Cục.

Thỉnh thoảng người ta cũng có đọc trên các nhật báo những mẩu tin liên quan đến điện và nước qua các buổi họp của hội đồng đô thành hay qua những lần tiếp xúc giữa nhà báo và các cơ-quan nói trên (chẳng hạn Chính-Luận các số 490 ra ngày 18/11/65; 491 ra ngày 19/11/65; 498 ra ngày 27/11/65) nhưng không biết có phải vì về vấn đề quá chuyên môn hay không mà các lời tường thuật của nhà báo hoàn toàn không làm

thỏa mãn người đọc đôi khi lại giải thích sai lầm hẳn vấn đề.

Chúng tôi cũng vốn đã lỡ chọn một con đường đi dính dấp đến các vấn đề chuyên môn trên, tuy sở học chưa đi đến đâu nhưng vì chờ mãi chẳng thấy ai giảng cho mình rõ nghĩa, cũng xin mạo muội góp một đôi lời.

Trước hết là vấn đề điện. Khi lập một đồ án điện hóa một khu nào hay một thành phố nào, dĩ nhiên người phụ-trách phải dự-trù chẳng những cho đủ số nhu cầu hiện tại mà còn phải dự-trù cho một vài chục năm về sau. Việc dự-trù này căn cứ vào sự tiến triển của dân số, sự phát triển kỹ nghệ,... nhưng không thể nào căn cứ vào những sự phá hoại hay những trường hợp bất khả kháng. Chúng tôi không nói đến các khía cạnh khác của vấn đề, chỉ xin nói riêng về khía cạnh dự-trù này. Và chắc chắn là không ai có thể dự-trù trước được sự gia tăng khủng khiếp của nhu cầu điện hiện tại ở thủ đô Sài-gòn (trong vòng khoảng 9 tháng công xuất cần thiết tăng từ 55000 Kw lên đến

120.000 Kw) cũng như không ai có thể dự trù trước được rằng hệ-thống Đa-Nhim sau khi hoàn tất lại không thể hoạt-động được. Vậy thì không nên đổ lỗi cho ai, cho « ông tây nhà đèn » hay cho chính phủ: hay là nếu muốn đổ lỗi thì chỉ nên đổ lỗi vào cuộc chiến tranh đang kéo dài này. Và khi đã không dự trù được thì bây giờ phải thiếu, mà đã thiếu thì phải cúp bớt điện. Muốn cho việc cúp điện được tương đối công bình phải chia khu chia vùng rồi luân phiên mà cúp.

Bây giờ có một dự-án đang thực hiện mà người ta đang mong có thể cứu vãn được tình trạng hiện tại là dự án *Nhà-Máy Nhiệt-Điện Thủ-Đức*. Nhà máy này mục đích ban đầu không phải là để giải quyết tình trạng hiện tại của Thủ-đô Sài-gòn, mà chỉ là để phòng hờ cho một khu cầu bất chợt vừa phải ở thủ đô, kèm theo hệ thống Đa Nhim, vì thế nhà máy Nhiệt-Điện Thủ-Đức vốn vẹn chỉ có một máy dù công suất đến 33.000 Kw. Tuy nhiên cơ quan hữu trách đang gấp rút hoàn thành nhà máy này cũng như đang cố đặt thêm các máy nhỏ mượn hoặc xin từ các nước bạn (3 máy 1.000 Kw của Thái-Lan, 3 máy 1.500Kw của Mỹ, 1 máy 12.500 Kw của Mỹ,...) Di chuyển các máy này đến VN là cả một vấn đề, rồi đặt cho đúng chỗ đúng nơi và nối cho ăn khớp với các hệ-thống hiện có ở Sài-gòn cũng là cả một vấn đề, mà vấn đề quan trọng nhất là thời gian. Vì thế chúng ta thấy thật là vô lý và buồn cười khi có người đặt cho các cơ-quan hữu trách một thời gian là 1 tuần hay 1 tháng phải

chăm dứt nạn cúp điện. Theo chỗ chúng tôi biết, 3 máy của Thái-Lan từ lúc cấp bến Sài-gòn đến lúc cung cấp được điện cho đô-thành phải mất từ 3 đến 4 tháng. Thế cũng đã là một thời gian kỷ lục trong việc thành lập một nhà máy điện.

Một hoang mang khác của người dân là các con số 110 và 220 Volt. Tại sao lại bảo là điện của nhà máy Thủ-Đức không xài được cho đô thành vì Thủ-Đô xài 110 volt mà điện Thủ-Đức 220 volt. Về phương diện kỹ thuật đó là một điều vô cùng khôi hài. Điện phát ra từ nhà máy phát điện, về đến nhà người tiêu thụ phải đi qua nhiều đường dây và máy biến thế. Mà đã nói đến đường dây thì phải nói đến hiệu thế là bao nhiêu volt dùng trên đường dây đó.

Gác ra ngoài các khía cạnh nặng về chuyên môn, chúng ta tạm hiểu là các đường dây xa, người ta thường dùng hiệu thế lớn để tránh bớt các sự mất mát hao phí năng lượng (đường dây Đanhim Saigon dài 256 Km, hiệu thế 230.000 Volt). Hệ-thống điện mà người dân đang xài ở Saigon đã có sẵn, có nơi 110 volt (cũ) có nơi 220 volt (mới) nhưng tất cả đều có sẵn. Người ta phải hạ điện cao thế của đường dây xuống khi về đến chỗ tiêu thụ, và phải nối làm sao cho ăn khớp vào hệ-thống sẵn có. Đừng để ý gì đến việc nối làm sao cho ăn khớp, chúng ta chỉ cần hiểu một cách rõ ràng và dễ dàng rằng một khi việc nối đã ăn

khớp rồi ta có thể xài được. Điện trong nhà ta là 110v thì vẫn là 110v, nếu là 220v thì vẫn là 220v. Như vậy là ta yên chí rồi, và điện ở nhà máy ra có hiệu thế là bao nhiêu volt ta không biết cần biết đến.

Nói thì nói thế nhưng khi ta đã yên chí rồi thì tưởng cũng nên tìm hiểu sơ qua vấn đề nổi làm sao cho ăn khớp nói trên. Điện ở Đanhim về đến Thủ-Đức có hiệu thế là 230.000 Volt. Từ hiệu thế đó không thể hạ ngay xuống 110 hay 220v cho người tiêu thụ vì việc hạ "gấp rút" như vậy đòi hỏi nhiều máy móc và kỹ thuật tân kỳ tức là đòi hỏi một số tiền khá lớn. Người ta hạ xuống 66.000v qua Nhà máy Biến điện Thủ-Đức rồi dắt chạy xung quanh đô thành trên một vòng đai, rồi lại dọc theo vòng đai này, có các nhà máy biến điện khác hạ hiệu thế 66000 volt nói trên xuống 15.000 volt. Đến đây thì gặp hệ-thống hiện hữu ở đô thành nghĩa là các đường dây 15.000 volt đã có sẵn, chỉ việc nối vào thôi. Các đường dây 15.000 volt có sẵn này tiếp tục chạy dọc theo các đường phố đến các nhà máy biến điện khác hạ từ 15.000 volt xuống 110 volt hay 220v tùy theo nhà máy nghĩa là tùy theo vùng. Các nhà máy biến thế từ 15 000v xuống 110v hay 220v vốn được gọi một cách nôm na là nhà hơi mà chúng ta thường thấy cùng khắp đô thành mang nhãn hiệu CEE.

Sở dĩ có hai loại hiệu thế hạ thế 110v và 220v là vì từ xưa đến nay người ta chỉ dùng 110v. Mới đây, kỹ thuật mới được nghiên cứu lại và người ta thấy

rằng 220v có nhiều ích lợi hơn (những ích lợi này cũng được tính bằng các kỹ thuật chuyên môn chứ không phải là, số điện tiêu thụ sẽ giảm đi một nửa và người tiêu thụ sẽ đỡ đi một nửa số tiền phải trả như một tờ báo đã "mách giúp" cho người đọc đâu). Vì thế, từ ít lâu nay và về sau các vùng mới có điện sẽ được trang bị bằng điện thế 220v trong khi các vùng cũ đã có sẵn 110v vẫn được giữ nguyên vì sự thay đổi ở các vùng này sẽ đưa đến nhiều hậu quả tai hại là tổn phí rất cao. Như vậy thì với hệ thống hiện tại ở đô thành, có vùng 110v có vùng 220v, nếu chúng ta dọn nhà từ vùng 110v đến vùng 220v mà chúng ta không để ý, cứ đem dùng các vật dụng cũ như bàn ủi, đóng đèn, bếp điện thì chắc chắn là các vật dụng này sẽ hỏng ngay mà phần lỗi là ở chúng ta chứ đừng vội đổ cho ai khác.

Nhà máy Nhiệt-Điện ở Thủ-Đức vài các nhà máy điện nhỏ, được thành lập sau các-hệ thống nói trên. Như vậy muốn đem điện này về Saigon, chỉ có một cách giản dị nhất là nối vào vòng đai 66000volt và khi đã nối xong thì ta sẽ tiếp tục xài điện chứ không có vấn đề điện của nhà máy Thủ Đức là 220 volt, Saigon không xài được.

Vấn đề thứ hai là nước. Vấn đề này không có gì chuyên môn như vấn đề điện. Tuy nhiên vì có nhiều lộn xộn đã xảy ra quanh cơ quan hữu trách là Saigon Thủy-Cục về hai tiếng «thụt két» và «thất thu», chúng tôi cũng muốn nhân đây bàn góp về hai tiếng đó.

«Thụt két» rất dễ hiểu là ăn cắp của

công quỹ, lấy tiền trong quỹ của cơ quan mà xài riêng cho mình. Nhưng còn «thất thu» nghĩa là thu không được. Mà thu không được nghĩa là tiền chưa vào quỹ, mà tiền chưa vào quỹ thì không thể có chuyện ăn cấp được. Như vậy «thụ kết» và «thất thu» là 2 việc hoàn toàn khác biệt nhau. Tiếng «thụ kết» không có gì đáng bàn, nhưng tiếng «thất thu» thì tưởng cũng nên bàn thêm một chút về những nguyên nhân đưa đến việc «thất thu». Nguyên nhân của việc «thất thu» là sự mất mát, sự hao phí. Tất cả các «hàng hóa» được sản xuất, chuyển vận và tiêu thụ, ngay cả *điện* và *nước*, đều phải chịu sự mất mát hay hao phí. Người ta chỉ có thể cố gắng làm giảm sự mất mát hay hao phí tối thiểu chứ không thể nào tránh được hoàn toàn. Nguyên nhân chính của sự mất mát hay hao phí là do nơi :

— Các máy móc dùng không được hoàn hảo.

— Kỹ thuật chuyển vận không đạt được hiệu suất tối đa (mà ngay hiệu suất tối đa cũng có bao giờ bằng 100% đâu).

— Các đồng hồ kiểm soát chạy không chính xác.

— Sự gian lận của người tiêu thụ

— v.v...

Và như thế, tổng cộng của số lượng tiêu thụ ghi từ các đồng hồ gắn ở các nhà tiêu thụ (cũng là số lượng tính thành từng hóa đơn để thu tiền) không thể nào bằng và bao giờ cũng nhỏ hơn số lượng

sản xuất tại nhà máy ghi từ đồng hồ gắn ở nhà máy. Sự khác biệt giữa hai số lượng sản xuất và tiêu thụ trên, theo định nghĩa chính là số lượng «thất thu». Như vậy, số lượng thất thu này là một sự hao phí hay mất mát *phải nhận* nghĩa là không tránh được. Người chỉ huy có tài sẽ hơn người không có tài ở chỗ làm thế nào cho số lượng thất thu ấy nhỏ xuống, càng ngày càng nhỏ.

Vấn đề đã rõ như vậy, tưởng không có gì phải thắc mắc về tiếng «thất thu» mà nếu có thắc mắc thì chỉ nên thắc về tiếng «thụ kết».

NGUYỄN-THANH

SÁCH MỚI

BÁCH KHOA đã nhận được — **Tình Yêu Thánh Hóa** (Khu rừng lau) 3 truyện dài của Doãn Quốc-Sỹ, do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Đây là tập thứ 3 trong bộ tiểu-thuyết lớn : Khu rừng lau» mà 2 tập đầu là : «Ba sinh hương lửa» và «Người đàn bà bên kia vĩ-tuyến». Sách dày 450 trang gồm 4 phần : Bối cảnh, Vỡ bờ, Quỳnh Hương, Chặt xiềng di-vãng. Bản quý không đề giá.

— **Văn - Minh Việt - Nam** của Lê-Văn Siêu do Nam-Chi tùng-thư xuất bản và gửi tặng. Sách dày 350 trang, «tác giả đã công phu sưu tầm tài-liệu để chứng minh sự thực-hữu của nền văn-minh Việt-Nam ở quan-niệm, ở nếp sống tình cảm và ở cuộc sống tế-nhị» Giá 150 đ

MỘNG-TRUNG

Hôn-nhơn dị chủng

Đề tâm sự với bạn, trong bài « Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-Kiều tại Pháp (B K. số 167 » tôi đã tỏ nỗi thắc mắc của tôi về nhiều vấn đề nan giải của Việt Kiều tại Pháp mà vấn đề trên đây là một.

Trong lá thư này, tôi xin trình bày cùng bạn một vấn đề khác cũng nan giải lại có phần quan trọng hơn. Nó quan trọng vì nòng cốt vấn đề là một thử thách dai dẳng mà khi người ta xung phong vào đó rồi thì giá trị của kết quả thua hay được không phải chỉ là bằng kim ngân như trong sòng bạc mà bằng hy vọng, tình yêu và hạnh phúc; những tay đen số trong vòng đời vô cùng phức tạp này có khi thua bằng cả cuộc đời của mình. Tôi muốn nói về việc tự do kết hôn của thanh niên nam nữ Việt-Kiều tại Pháp.

Vấn đề quá sâu rộng bao gồm nhiều vấn đề xã hội khác ở trong. Muốn khai thác nó không phải chỉ căn cứ vào nhận xét riêng của mình hay của một vài giới quen biết chung quanh và trình bày nó trong phạm vi một một bức thư nhỏ bé được mà phải cần có rất nhiều thì giờ và công sức sưu tầm tài liệu bằng cách này hay cách khác để biết rõ trường hợp của mỗi cá nhân trong việc lập gia đình và đời sống bên trong của mỗi cặp vợ chồng dị chủng thì mới mong phân tích và trình bày vấn đề cho được tinh vi đầy đủ.

Nhưng nhận thấy sự kiện nói trên gần như là một mối đe dọa thường nhật cho những cha mẹ có con du học ở hải ngoại, nó đã đem lại bao nhiêu nát tan và đau khổ cho nhiều gia đình nên với tất cả bản khoăn vì không thể thâm nhiên nhìn nó trôi như giòng nước chảy đến ngã rẽ, mặc tình cho nó đi về sông lạnh hay bề loạn mà tôi đành dụng chút hiểu biết và nhận xét thô sơ cộng với số thì giờ và sức khỏe quá ít oi để tạm gõ một tiếng chuông yếu ớt, đặt một viên gạch bé đầu tiên

mong được đóng góp cho những ai sau này có thừa công sức và hiểu biết một âm thanh một nấc thang nhỏ để họ tiện tay chuyên mạnh và xây cất cho được hoàn hảo hơn.

Hơn lúc nào hết, hôn nhân dị chủng ngày càng bành trướng mạnh mẽ trên đất Pháp. Trong hoàn cảnh xã hội hiện tại, trước ảnh hưởng một nền giáo dục của cái thế giới Âu Châu tự do về mọi mặt này, các bậc cha mẹ Việt Kiều không dễ gì lấy tâm sức và kiên nhẫn để giải thích thiệt hơn cho con cái, hy vọng chúng có thể vượt nổi mọi quyến rũ, luôn luôn chỉ đề cao tự do và hạnh phúc cá nhân ích kỷ, dễ làm mềm lòng tuổi trẻ — đề mà quay về đường lối chiều hướng giáo dục cố-hữu tuy khắt khe nhưng có phần đạo đức, nhân hậu, mà thể hệ trẻ ngày nay thường cho là lỗi thời, hủ lậu và mang tính thần nô lệ. Cũng vì vậy mà trong những trận giặc ngoại bi thảm thuộc địa hạt tình cảm này, thất bại thường về phía cha mẹ. Đọc những dòng trên, chắc bạn sẽ nghĩ rằng : Khi lớn khôn ai cũng phải có một đời sống riêng tư, thương yêu thì cưới vợ lấy chồng, được hạnh phúc hay bị đau khổ họ là những người trực tiếp hưởng thụ hay chịu đựng, vậy mỗi người nên được trọn quyền định đoạt cuộc đời mình, tại sao cha mẹ họ hàng lại hay muốn chen vào hoặc phê phán hoặc ngăn trở không muốn cho họ có đôi bạn người ngoại quốc ? Hơn nữa hiện nay nhiều sự kiện xảy ra trên thế giới chứng minh nhân loại vẫn đang muốn kết chặt tình người với người mà chống lại phái tôn chủng. Con người đâu có khác màu da, khác nòi giống nhưng nhân tính và tình cảm ai cũng như ai thì không có lý do gì các bậc cha mẹ Việt Nam lại chống đối hôn nhân dị chủng ? Làm như vậy, như tôi đã nghe — người ta sẽ bị kết án là đi ngược, lạ trào lưu đại đồng trong tâm tưởng của con người trên thế giới ngày nay đang muốn hướng vào nhau để tìm hiểu nhau về mọi lãnh vực.

Nếu bạn cũng có ý nghĩ này thì tôi xin thưa rằng : không riêng chi số cha mẹ Việt Kiều tại Pháp và số cha mẹ bên nhà có con từng học ngoại quốc đã than trách con cái mình vô tình, bất hiếu, vong bản, phải công thương lo khó nhọc của mình, đã cưới vợ lấy chồng người ngoại quốc, đập tan bao nhiêu mộng đẹp họ đã đặt vào đứa con và gieo đổ vỡ trong gia đình, còn số cha mẹ người Pháp thuộc trường hợp này cũng có nhiều thắc mắc tương tự. Họ chống đối cũng giống như người Việt. Vì họ không thể làm thế nào dung hòa được tất cả những khác biệt về phong tục, tình cảm và thói quen do truyền thống giáo dục Đông và Tây đã tự nhiên thâm nhiễm vào mỗi con người của mỗi dân tộc do đó làm khi họ rất khổ sở trong đời sống đại gia đình khi con cái họ kết hôn với người ngoại quốc. Đã là hai người đứng lại khác nòi giống mà sống chung dai dẳng bên nhau trong khuôn gia đình nhỏ bé, tháng năm hồn lòng họ từng phút bị va chạm với những tình tiết chi li do từ ngoại cảnh và nội tâm, nếu phải tranh đấu để đem lại ầm áp cho nhau tưởng không dễ dàng như cho ra một cử chỉ hay một hành động chứng minh tình thương rộng rãi của người đối với người trên thế giới đâu bằng chứng là hậu quả của những cuộc phối hợp Á Âu thường mang phần bị đát đã cho các bậc cha mẹ nhiều lý do để họ chống lại hôn nhân dị chủng.

Lâu nay những ông hoàng bà chúa các nước trên thế giới vẫn thường kết hôn với nhau, rồi gần đây việc công chúa Irène xứ Hoà-Lan xem thường tình thương cha mẹ cùng đạo luật hoàng tộc và tự truất quyền kế vị ngôi báu để được tự do kết hôn với ông hoàng Hugues des Bourbons Parme xứ Y-Pha-Nho cũng đã làm náo động dư luận thế giới. Đối với những ai muốn có đôi bạn người ngoại quốc, đó là những bằng chứng cụ thể hàng hồn nhất đã lột trần lối đi cho họ được thêm phần dễ dàng rộng rãi. Đành rằng những sự kết hợp rùm beng đó không phải là nguyên nhân hay khởi điểm của hôn nhân dị chủng hiện đại vì từ ngày xưa xứ ta cũng đã có những câu «Lấy chết được mặt áo doi...» hay «Tham đồng bạc trắng đứng bên tượng đồng» v.v... Nhưng bạn ạ, nó là những trái bom ái tình rầy lựa gieo rắc bao ước mơ bất thường vào tim óc của tuổi trẻ, do đó mà chống đối giữa hai lớp già trẻ quanh vấu đề hôn nhân dị chủng càng càng mạnh. Không tìm được giải pháp dung hòa tình lý giữa hai quan niệm bảo thủ và tự do mà bao thảm trạng đã xảy ra giữa cha mẹ và con cái.

Có những thiếu nữ Việt chỉ thích giao thiệp với bạn trai người ngoại quốc táo bạo ly dị với gia-đình, có khi còn đánh lại cha mẹ để ra đi làm hạnh phúc với chồng người dị chủng.

Có những thiếu nữ Âu-Châu thích một thân phiêu lưu với mộng ước là do một gặp gỡ ly kỳ nào đó, biết đâu các cô sẽ được kết hôn với một hoàng tử một công tước hay một tỷ phú gia ở một góc trời xa lạ mà các cô chưa từng đặt chơn tới. Hẳn bạn đã có đọc một vài trường hợp như vậy trên mặt báo.

Có lẽ người ta cũng nhận thấy ảnh hưởng quan hệ đó len sâu vào cuộc đời tình ái của thanh niên nên cách đây không lâu, nhân viên sở vô tuyến truyền hình Pháp có trình bày trên phim ảnh của đài một cuộc phỏng vấn những nữ sinh viên các nước ngoại quốc từng học tại Pháp về vấn đề trên, thì hầu hết do kinh nghiệm nhận xét, các cô đều không tán thành hôn nhân dị chủng. Lý do chống đối của các cô gần giống nhau ở điểm «quan hệ giữa hạnh phúc cha mẹ và hạnh phúc con cái» mà tôi sẽ đề cập tới trong đoạn thư sau. Hơn nữa, niềm tin yêu mà con người tha thiết đề bằng lòng giao phó cho nhau trọn cả cuộc đời, người ta chỉ có thể tìm gặp nhau ngang qua câu nói thương yêu, trên ánh mắt nồng nhiệt của tuổi trẻ, dầu vậy, những nối tiếp của tiếng lòng sau ánh mắt tự thú ấy, nếu không dễ gì tìm được tất cả mộng ước của mình ở người chồng đồng chủng thì đối với người dị chủng việc ấy còn cách xa mình hơn nữa !

Thêm một bằng chứng nữa để bạn thấy rằng không phải chỉ có các bậc cha mẹ, nhất là cha mẹ người Việt mà cả đến những bạn trẻ các nước, nếu cố tìm hiểu sâu vào thực trạng và cuộc sống những uyên ương khác nòi giống, thì không thể chối cãi rằng : hôn nhân dị chủng không khác chuyến đi phiêu lưu thám hiểm trên một vùng đất hoàn toàn xa lạ, bề ngoài phong cảnh tốt tươi, có hoa thơm cỏ lạ, nhưng bên trong chẳng biết có hiểm trở gì. Dẫn thân vào đó, người ta không khỏi ngại rằng may ít rủi nhiều. Với tuổi xuân tràn đầy mộng ước, mấy ai

dám và chịu đem tất cả niềm tin yêu cùng cả cuộc đời mình để đánh đổi cuộc đời đen?

Thế mà trong lúc tôi viết thư này cho bạn, trong vòng một tháng nay có những 6 sinh viên nam nữ con cái những gia đình quen biết với tôi đã đính hôn với người yêu ngoại quốc.

Theo nhận xét riêng, tôi thấy đó là một vấn đề nan giải cho Việt-Kiểu tại Pháp đồng thời cũng là một đại vấn đề có liên hệ quan trọng giữa thể hệ này với thể hệ khác nên tôi xin làm bàn dài dòng với bạn. Do đó, các bậc phụ huynh bên quốc nội thấy rõ thêm những nhu cầu tối thiết nào đã chiếm ưu thế trong đất tình cảm của tuổi trẻ mà không để trút trọn phần lỗi về phía con cái; mặc dầu cha mẹ có những lý do chánh đáng để chống lại những cuộc phối hợp Á Âu. Hơn nữa, nếu cho đó là một thảm trạng thì biết rõ để tìm cách tránh nó.

Đi sâu vào vấn đề hôn nhân dị chủng trước hết tôi xin trình bày cùng bạn 3 phần quan trọng: 1) Nguyên nhân đi đến hôn nhân dị chủng 2) Nguyên nhân các cuộc ly dị của những cặp uyên ương dị chủng 3) Nguyên nhân sự chống đối của các bậc phụ huynh, sau cùng là thiện kiến của tôi về vấn đề này.

M. T.

Kỳ tới: Nguyên-nhân đi đến hôn nhân dị chủng

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIEN :

(S . O . A . E . O .)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tel : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

những khung trời ngỏ

(Xin xem K.B.T.D. từ số 214)

Những ngày tháng dần dần trôi đi. Chiều tập kịch, tối tập ca, thậm thoát đã hai tháng trời. Những buổi chiều mưa ướt át phố phường, những đêm trở về lạnh lẽo bước chân. Thường thì ăn bánh mì thay cơm để đi tập. Khí hậu thật lạ. Đã vào hè mà trời hay mưa rét. Mưa thì mưa, buổi tập vẫn đủ người. Càng về cuối, các buổi tập càng có tính cách gấp rút. Đêm thứ năm hàng tuần trở thành đêm sinh hoạt nội bộ: thảo luận, kiểm điểm. Đêm thứ bảy là đêm sinh hoạt ca diễn: Những gì tập được đều đem ra diễn thử. Những ngày cuối tháng 7 là những ngày sửa soạn. Không những chỉ sửa soạn tài nghệ mà còn sửa soạn tinh thần nữa. Vài buổi cắm trại xa Saigon giúp cho các đoàn viên tập làm quen với đời sống tập thể.

Đêm diễn thử cuối cùng làm mọi người lo lắng, chạy ngược chạy xuôi. Một số thanh niên được mời đến xem để góp ý. Các trại sinh đang cắm trại bên Chợ-Lớn cũng trở về dự. Nhưng thật không may: Tối nay không có điện.

— Xưởng ca Diễn Đường Sáng sao mà .. tối thế?

Trên sân khấu nhà Thanh-Niên Đô-Thành, hệ thống âm thanh và ánh sáng đã lắp xong. Chỉ chờ có điện là trình diễn. Ban nhạc ngồi dưới cũng đã sẵn sàng. Nhạc cụ tạm đủ, một số mượn, một số thuê hay mua. Có được những dụng cụ ấy cũng là một cố gắng đáng kể.

Giới nghiêm 11 giờ. Gần chín giờ mà vẫn chưa có điện, định chạy đi mua nến và dầu. Thế là hai bên sân khấu hai ngọn đuốc lớn phừng phực cháy. Mấy chục cây nến đua nhau soi sáng sân khấu. Đêm văn nghệ bắt đầu.

Ánh lửa bập bùng làm cho đêm trình diễn có cái không khí đặc biệt. Nhưng tiếng hát, lời nói không rõ thành ra chẳng gặt hái được kết quả. Các ca diễn viên mồ hôi ra ướt áo, chảy thành giòng trên má, nhỏ thành giọt dưới cằm. Lửa hừng hực cháy toả hơi nóng. Cho đến lúc bế mạc, vừa đứng dậy ra về thì cũng là lúc đèn bắt sáng.

— Có lẽ tại mình không «cúng tổ» đấy!

Câu nói của một người trong đoàn làm mọi người cười.

Sau đêm trình diễn thử là ba đêm ra mắt ở Quốc Gia Âm Nhạc. Khán giả toàn là thanh niên và phụ huynh của ca diễn viên. Ba chương trình khác nhau với những bài ca mang đầy dân tộc tính. Những màn hợp ca tập kỹ và mặc đồng phục nên rất thành công.

Đêm «xuất quân» đầu tiên xa Saigon là đêm trình diễn ở Q.T. Sân khấu ở ngoài trời, sân cỏ rộng mênh mông, các khóa sinh tân binh ngồi kia cả một khoảng lớn, nếu ước lượng, con số có thể tới hai ba ngàn người. Chúng tôi đã tưởng sẽ thành công, ngờ đâu, sau mỗi lời giới thiệu, nghe xong tên bản nhạc, đó đây nổi lên tiếng huýt sáo. Vài chỗ vang lên câu :

— Bỏ đi Tám ! Bỏ đi Tám.

Những bài ca có giá trị nghệ thuật cao, mang nhiều tính chất dân tộc, bị la ó phản đối. Một khán giả được mời lên sân khấu, hát «Tôi đưa em sang sông» thì tiếng vỗ tay vang dậy như mưa rào...

Sau đêm trình diễn, cuốn gói trở về, không còn gì buồn cho bằng. Hai chiếc G. M. C. lao vun vút trong đêm, đưa mọi người trở về thành phố. Đêm hôm ấy thức thật khuya, bàn «chiến lược» mới. Sở dĩ chúng tôi thất bại là vì không nghiên cứu thành phần khán giả và không chiều theo thị hiếu người xem, nhưng chiều theo thị hiếu là đi sai mục đích của đoàn. Cuối cùng, quyết định đêm sau sẽ thoả mãn đòi hỏi của khán giả một phần để có hoàn cảnh «nói» điều mình muốn nói ở phần còn lại của chương trình.

Lần thứ hai lại xuống nơi thất bại đêm trước với nhiều hy vọng. Công tác «khán giả vận» cũng được áp dụng. Trước khi trình diễn, anh em ra sân cỏ mời các tân binh ra quây thành vòng để hát gây cảm tình trước. Không ngờ các khóa sinh đổ đến đông quá sức tưởng tượng. Các ca diễn viên bị vây vào giữa. Vòng tròn khép lại nhỏ dần giữa làn sóng người ùn ùn tiến tới, la hét, reu chọc. Các nữ sinh trong đoàn nghe những lời kếm nhả nhận mà vẫn phải cười. Tiếng hát bị tiếng la che khuất.

Khi chúng tôi sắp bị ép vào giữa cái hỗn độn vô trật tự ấy thì một anh thanh trí hát bài hát của Trường Q.T. vẫn hát. Các anh tân binh hứng chí hát theo, trật tự mới lập lại được.

Đêm trình diễn ấy thành công hơn vì chúng tôi đã chịu nhường một số bài ca dân tộc cho nhạc kịch động. Và nhất là lúc đầu tiên chúng tôi tập ngay tại chỗ bài «*lục-quân Việt-Nam*» để hát cùng khóa sinh tân binh ở màn trình diễn đầu. Nhờ vậy mà gây được cảm tình khán giả.

3.

Chiếc xe đò rời Saigon đưa đoàn người và dụng cụ về miền Tây Nam Phần. Thành phố đầu tiên chúng tôi tới là Mỹ-Tho.

Sửa soạn xong chỗ trú chân ở Trung-tâm Tu-nghiệp Công-chức, chúng tôi bắt đầu liên lạc với chính quyền và làm quen với thành phố. Buổi chiều Mỹ-Tho thật êm đềm.

Hai ngày rưỡi lưu lại Mỹ-Tho, chúng tôi đã làm quen được với giòng sông hiền lành, với hòn đảo Tân-Long nhiều cây trái, nhiều cầu khỉ. Mỹ-Tho có đường Gia-Long lộng gió, công viên vắng vẻ. Mỹ-Tho có một Hội Trường ngay trên bờ sông chứa được năm sáu trăm người và một đơn vị Hải-Quân là hai nơi đóng khung cho hai đêm trình diễn của chúng tôi tại đây. Những màn văn nghệ càng cao bao nhiêu, càng có tính cách dân tộc bao nhiêu thì lại ít được hoan nghênh bấy nhiêu. Tuy nhiên các thanh niên ngồi phía dưới có vẻ chịu theo dõi đêm trình diễn hơn là mấy vị ngồi ghế đầu. Điều đó làm chúng tôi khá yên tâm trong khi trình diễn. Điều đó cũng làm cho chúng tôi bớt tủi mỗi khi nghĩ đến nỗi cực nhọc khi sửa soạn cũng như khi tháo gỡ sân khấu, khuôn đồ lên xe, chở về chỗ trọ. Các ca diễn viên kiêm thợ điện và phu khuôn vác trong đoàn thật không phải là ít.

Điều làm chúng tôi nhớ hơn hết ở Mỹ-Tho không phải là hai đêm trình diễn trên sân khấu, mà là hai buổi chiều thăm Viện Dưỡng Lão, Cô Nhi và Y Viện Dã Chiến.

Chiều hôm trước, chúng tôi tới Viện Dưỡng Lão và Cô-Nhi trên chuyến xe chở đồ của tỉnh. Xe thì to nhưng không có lối leo lên, cũng không có chỗ vịn tay mà đứng. Bộ quần áo đồng phục vừa đem ra «*khai mạc*» đã bị bẩn ngay. Chúng tôi tạm quên bực dọc, nghĩ đến những khuôn mặt già cả, cũng như những ánh mắt trẻ thơ, lát nữa đây sẽ tươi vui khi gặp chúng tôi. Nhưng sự thật không thế. Các cụ già đã nhìn chúng tôi bằng con mắt lạ lùng khi chia tay ra xin tiền mà chỉ nhận được những tiếng hát. Hình như tất cả phái đoàn trước đây thăm viếng chốn

này đều chỉ đem tiền đến tặng các cụ. Và chúng tôi đã đem tới một món hàng kỳ lạ là món hàng tinh thần nên không được trông đợi.

Các cụ già nhìn chúng tôi hát, mắt mở lớn. Hình như chỉ nhìn mà không nghe. Ở đây im lặng quá. Các cụ cũng im lặng quá. Sự im lặng đến lạnh người. Tiếng hát trở nên lạc lõng. Chúng tôi tưởng rằng tiếng hát của chúng tôi sẽ đem lại cho cuộc sống buồn tẻ ở đây một chút vui, như một tiếng chim hót sẽ giúp cho buổi chiều tà thêm nhiều thơ mộng. Nhưng chúng tôi đã nhận ra: Ở đây đời sống không tiếng cười và khi chết cũng không cần tiếng cười hay tiếng khóc. Uyên, người con gái có giọng hát thật buồn trong đoàn đã phải rời khỏi bài ca, đến cầm lấy chiếc quạt từ tay một bà lão, quạt cho cụ. Sau mấy bài hát, chúng tôi sang với các em cô nhi. Bà cụ được quạt đã tặng cho người nữ ca sĩ của đoàn chiếc quạt với vẻ cảm động.

Tới các em cô nhi, may mắn chúng tôi đã mua sẵn ít kẹo nên các em thích lắm. Khi dạy cho các em vài bài hát ngắn thì hóa ra các em đã thuộc rồi. Các em hát cho chúng tôi nghe liền một hơi bốn năm bài hát nhỏ. Các em cho biết là mấy đoàn Thanh-Niên công tác trước đến đây đã dạy cho các em những bài hát ấy.

Mọi người rời khỏi viện; trở về sửa soạn cho buổi trình diễn tối. Bữa cơm chiều phần vì mệt, phần vì cơm đầy sạn, thịt canh được đổ vào chậu, chúng tôi ăn được rất ít. Mọi người bảo nhau cố ăn cho nhiều để giữ sức mà trình diễn, nhưng các chậu cơm vẫn còn đến hơn một nửa. Buổi chiều hôm sau, chúng tôi phần khởi hơn khi đến trình diễn ở Quân-Y-viện. Các thương bệnh binh nằm tại đây đã đón tiếp chúng tôi thật vui vẻ. Trên tường treo những biểu ngữ tỏ ý chào mừng. Ngay trong phòng lớn của Y-Viện, chúng tôi đã đem đến cho những chiến sĩ nằm điều trị tại đây tiếng hát của chúng tôi. Các anh có người phải nằm mà nghe, có người chống nạng, cũng đã dành cho chúng tôi thật nhiều cảm tình. Nhiều anh đã xin chúng tôi địa chỉ và hẹn viết thư. Sự tiếp đón quá thân mật ấy làm nhiều người trong chúng tôi rất cảm động.

Rời khỏi ngôi nhà hai tầng, trả lại sự yên lặng cho Y-Viện Dã Chiến, chúng tôi thấy phần khởi hơn trong công việc đang làm.

Thêm một đêm trình diễn ở Hải-Quân trước khi rời Mỹ-Tho. Nghi thấy kế hoạch đặt ra trước đây. — ba đêm diễn với ba chủ đề khác nhau tại mỗi nơi — đã không thể thực hiện nổi. Sự khó khăn thực hiện, khán giả phải chọn lọc, và lại ít thời giờ, là những yếu tố buộc chúng tôi cố gắng nói điều muốn nói vào một đêm mà thôi. Và phải sắp xếp chương trình cho linh động.

4.

Chúng tôi rời Mỹ-Tho để đi Vinh Long bằng tàu Hải-Quân. Đi tàu thì mất nhiều thì giờ, nhưng đỡ tốn tiền và đỡ mệt.

Một Anh Thiếu-Ủy Tâm-Lý-Chiến cũng đi theo trò chuyện với chúng tôi. Hôm trước anh ngờ ý yêu cầu chúng tôi ra trình diễn ở Quận Chợ Gạo, một tiền đồn heo hút, anh sẽ xia tàu cho chúng tôi ra. Chúng tôi đã nhận lời. Anh cũng cho biết thêm ở đấy thì khá nguy hiểm, rất có thể đang trình diễn thì một trái "mọc chề" rơi đúng giữa sân khấu. Nhưng, anh thêm :

— Quân đội ở đấy cần được xem văn nghệ lắm.

Chúng tôi đã xin được tàu ra Chợ Gạo, thì đến phút chót, anh Ủy-viên liên lạc của chúng tôi ở Vinh Long sang cho biết Vinh-Long đã sửa soạn cho buổi trình diễn đêm hôm sau rồi, không thể nào tới trễ được. Thế là chúng tôi đành bỏ Chợ-Gạo và hẹn một dịp khác sau này.

Tàu vừa ra khỏi Mỹ-Tho thì đến đoạn sông nguy hiểm. Con sông là một nhánh nhỏ của Tiền Giang, lạng lẽ chảy. Về mặt êm đềm của khúc sông không thể nào làm cho người ta nghĩ đến bất cứ một sự bất trắc nào. Thế mà chúng tôi đã được lệnh phải ngồi hết xuống sàn tàu. Rồi một tràng đại liên nổ chát chúa của tàu mình bắn đi. Tiếp theo là những viên M79 vạch thành vết đỏ trên không và nổ tung trong rừng rậm.

Ngay một bên sông gần bụi rậm, có một tấm bảng bằng sắt tây mang hàng chữ :

Nguy hiểm

Cấm tàu bè thường dân đi lại

từ 6 giờ chiều đến 6 sáng

Ở trên có vẽ lá cờ nửa xanh nửa đỏ, giữa là ngôi sao vàng.

Thiếu úy giải thích với chúng tôi :

— Đó là cờ Giải phóng Miền Nam. Tấm bảng của VC cắm. Ban đêm chúng hay xuất hiện ở quãng sông này. Có khi tàu chúng tôi đi còn thấy qua ống nhòm cả súng máy chúng đặt trên bờ, bên cạnh đó là một tên VC đang nằm nói chuyện với vợ con, trông thật là thần nhiên. Nhưng ít khi chúng bắn vì tàu chúng tôi lớn, có hỏa lực mạnh, chúng không làm gì được.

Sau khi nghe kể chuyện, mọi người đem chiếc guitare ra, mời các anh lính hải-quân cùng khuấy quần, đàn hát với nhau. Lúc tàu sắp tới Ngã Ba Trung ương chợt lo đến xuất hát ở Vinh Long, chúng tôi lại gọi nhau ra rượt lại các bài hát ngay ở sàn tàu, dưới trời nắng.

5.

Hai ngày ở Vinh Long với 3 buổi trình diễn — một buổi chiều trên sân khấu Hải Quân và hai đêm ở Miếu Quốc-Công cho đồng bào — chúng tôi đã bắt đầu thấy mệt. Cái mệt của ca diễn không bằng cái mệt của những công-tác phụ thuộc khuôn vác, di chuyển.

Tuy thế, khi đến Sadec, một quận lỵ nhỏ bé nằm trên những nhánh sông cuối cùng của *Chín Con Rồng* đổ ra biển, chúng tôi vẫn còn tổ chức được hai buổi diễn trong một ngày.

Bốn chiếc xe dò nhỏ chở các đoàn viên và đồ đạc xuống Hỷ Viện Điện Ảnh. Tạm dừng chân ở đây, chúng tôi đã tiếc không mang theo bông băng để bịt mũi. Trong rạp, mùi khai thối bốc lên trong cái nắng của buổi trưa mùa hạ. Đồ dây trang điểm bằng một vài đồng đã khô đen. Mấy anh bạn khuôn đờ vào "kho" — một cái cầu tiêu rộng — đã reo lên mừng rỡ :

— Ê, vào trong này mà ngồi cho đỡ điếc mũi.

Buổi trưa đồ nắng. Sadec vắng vẻ. Anh liên lạc viên đưa chúng tôi đi xem các phòng khách sạn mà chính quyền địa phương có nhã ý thuê cho tạm trú một đêm vì ở đây không có căn nhà nào chứa được Đoàn Văn Nghệ dù là trải giấy nằm xuống đất.

Nghe thấy hai chữ *khách sạn*, sao mà mát lòng đến thế. Từ ngày rời Saigon, chưa có hôm nào được ngủ trên một chiếc giường có đủ mùng mền chăn chiếu, chưa lần nào được tắm rửa thả cửa. Mừng hơn nữa khi được nghe kể lại là chính quyền địa phương đã phải nhờ công an đi khám các khách sạn mới tìm ra được tám phòng trống, vì các chủ khách sạn nào cũng bảo « hết phòng ». Chúng tôi phân chia 6 người một phòng. Và hăm hở di chuyển hành lý đến.

Nhưng... ngay đến hai phòng đẹp nhất dành cho phái nữ, khi mới bước chân vào chúng tôi cũng phải kinh ngạc. Đó là những chiếc hộp nhỏ mà hai người ở đã thấy chật huống chi là 6 người. Nhưng giá chật chội mà sạch sẽ thì cũng dễ chịu. Đây là những khách sạn của người Tàu. Nhưng thôi tôi không dám tả cảnh căn phòng nữa e sẽ mang tội vô lễ với người đọc. Sau khi được ở khách sạn một cách « ấm cúng » như thế, chúng tôi đã phải sửa soạn ngay buổi trình diễn chiều cho quân đội và buổi tối cho các vị « chức sắc » trong quận cũng như cho đồng bào các giới.

Sự cực nhọc của chúng tôi đã được đền bù bằng một vinh hạnh. Đó là cái vinh hạnh được sự chú tọa của một vị Đại Tá tư lệnh một sư đoàn. Vinh hạnh hơn nữa là khi đang trình diễn xuất buổi chiều cho anh em binh sĩ thì một vị Trung-Tá đã đến gặp tôi tại hậu trường chuyển lời khen ngợi của Đại-tá đối với cộng-tác xã-hội của các anh chị em trong đoàn, và mời chừng độ mười người, thay mặt

cho đoàn, tới dùng nước với Đại-tá sau khi hát xong, định mời cả đoàn nhưng rất tiếc cái Cầu Lạc Bộ lại quá hẹp.

Chúng tôi trả lời thay mặt anh chị em cảm ơn Đại-tá nhưng ngờ ý rất tiếc, vì sống tập thể đã quen, làm việc gì, đi đâu đều phải có nhau, nên không thể tách một số người đi để một số khác ở nhà, làm sai lệch nếp sống thường nhật được.

Không ngờ, chừng nửa giờ sau, vị Trung-tá lại vui vẻ đến báo cho chúng tôi biết là Đại-tá vui lòng mời tất cả đoàn tới dự. Thế là, mười một giờ đêm, khi đêm hát bế mạc, thu dọn đồ đạc, máy móc, chúng tôi bước lên mấy chiếc xe Jeep. Vài anh uè oải dòi ở nhà, vài chị ngáp dài ngáp vắn. Tôi cương quyết :

— Tất cả lên xe hết.

Xe phóng như bay, qua cầu, rẽ theo bờ sông, ngừng trước một tòa nhà lớn. Chúng tôi được đưa vào một căn phòng thật xinh xắn, và thật đẹp. Đèn màu trên tường, trên trần, và cả dưới sàn, tỏa ra một thứ ánh sáng mờ ảo và thơ mộng vô cùng. Một góc là quầy rượu, Một góc có hai cô mặc áo Tàu, xẻ gấu, hở đùi. Một góc khác kê chiếc bàn nhỏ và hai cái ghế, ở đây vị Đại-tá ngồi chờ chúng tôi.

Một anh bạn đi sau tôi buột mồm khen :

— Sàn nhảy tuyệt quá.

Bên ngoài cửa, một ban nhạc đang ngồi lên giây đàn, sẵn sàng tấu nhạc.

Tôi ngồi tiếp chuyện với Đại-tá, các bạn tôi chen chúc ngồi chung quanh. Trong phòng còn có thêm một số sĩ quan nữa. Trong số đó có một vị đại-úy phụ trách tâm lý chiến mà hồi trưa tôi có hân hạnh gặp để mời một số anh em quân nhân tham dự chương trình văn nghệ. Vị đại úy thật vui vẻ và dễ thương, ông cho chúng tôi biết là có anh Ch. rất khá về văn nghệ nhưng bận đi công tác chưa về. Ông cũng cho chúng tôi hay là sinh hoạt văn nghệ ở đây thường là dạ vũ... Đemu nay, Đại-tá mời chúng tôi tới uống nước và bích như cũng định mời chúng tôi *sinh hoạt văn nghệ*. Điều này làm chúng tôi lo ngại.

Đại Tá bảo cô chiêu đãi lấy nước mời mọi người và nhắc thêm :

— Đem Coca cho anh đoàn trưởng, nhớ pha thêm chút bia (?)

Đề Đại Tá hiểu chúng tôi thêm, tôi đã nói thật nhiều với Đại Tá về những lần đi cắm trại, về cuộc sống tập thể, về thành phần ca diễn viên trong đoàn đều là sinh viên hay học sinh. Đại Tá có vẻ hoài nghi, hỏi thử một vài người :

— Anh này học đâu ?

— Anh ấy là trưởng ban nhạc, Sinh viên Y Khoa,

— Còn anh này ?

— Sinh viên Công-chánh.

— Chị này ?

— Học sinh Hưng-Đạo.

Sợ Đại-Tá hỏi nhiều quá mắt công, một anh bạn đề nghị tôi giới thiệu tất cả với Đại Tá. Tôi đã giới thiệu các anh Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban kèm tên lớp và tên trường. Sau đó giới thiệu với các bạn tôi :

— Đây là Đại Tá tư lệnh sư đoàn... kiêm... Một anh bạn nhanh trí bắt đầu hát bài « Hoan Hồ » chúng tôi vẫn thường hát trong trại, các anh em khác cũng đồng ca theo :

Hoan hồ hoan hồ chúng ta cùng ca

À a à chúng tôi phục ông rất nhiều rồi

À a à chúng tôi phục ông rất nhiều.

Bài này chúng tôi hát ở trại là *phục anh rất nhiều*, nay đổi thành *ông* cho hợp với chức vụ quan trọng của Đại Tá.

Bầu không khí lúc đó trở nên linh hoạt và có tinh thần tập thể như ngay ở đất trại. Thế là chúng tôi được mời đến để *sinh hoạt văn nghệ* theo lối Câu lạc Bộ thì chúng tôi đã lái sang cái *sinh hoạt văn nghệ* theo lối đi trại của chúng tôi.

Khi chúng tôi đồng ca thêm bài *Việt Nam, Việt Nam* thì Đại Tá cho một Thiếu Úy trong ban nhạc ở đây vào hát cho chúng tôi nghe. Anh Thiếu Úy dáng người nhỏ nhắn, có giọng ca thật buồn, đứng ở cửa, cất cao tiếng hát. Bóng dáng anh mờ mờ trong ánh đèn. Khi anh hát xong hai bài thì một đoàn viên chúng tôi đứng dậy hát đáp lễ anh một bài hát tình cảm.

Đại Tá hỏi thăm về chỗ ở của chúng tôi. Tôi thành thật nói lại cảnh chật chội ở khách sạn. Đại Tá cho biết tại Câu lạc bộ có mấy phòng rất đẹp, mời cả đoàn nghỉ lại thì không có chỗ, nhưng các chị có thể nghỉ lại đây, và để chỗ khách sạn cho các anh, thì mọi người sẽ được rộng rãi hơn.

Tôi cảm ơn vị Tư-Lệnh đã có lòng ưu ái săn sóc chúng tôi nhưng không muốn làm phiền ông thêm. Và tôi cũng xin phép đưa anh chị em về nghỉ vì đã quá mười hai giờ.

Ban nhạc ở bên ngoài cũng thu dọn nhạc cụ mà chưa tấu được bản nào.

Chưa bao giờ mệt mỏi như vậy. Thế mà sáng hôm sau chúng tôi phải dậy sớm, lên xe dò đi Long-Xuyên, từ biệt cái quận lỵ nhỏ bé đầy kỷ niệm, từ biệt giòng sông êm đềm với cây cầu gỗ thật đẹp có những nấc thang lên xuống. Ánh bình minh rực rỡ làm chúng tôi quên hẳn buổi tối hôm qua.

6.

Long-Xuyên có những buổi chiều thật đẹp. Những con đường vắng vẻ và những tòa nhà mới xây, đang xây, đứng sừng sững trong thành phố êm đềm miền Hậu-Giang. Đây là thành phố giàu có nhưng không trù phú. Họ buôn bán ở tận đầu xa, đây là chỗ đóng cửa nghỉ ngơi, thành ra thành phố có vẻ buồn buồn. Cũng như tất cả các thành phố miền Tây, Long-Xuyên có một con sông đầy phù

xa đất màu. Những chiếc thuyền chở vào bến trái cây và mía. Hoa quả ở đây thật nhiều và rẻ.

Chúng tôi tới vào buổi trưa 17-8, nhưng giấy mời do địa phương gửi đi đề ngày 18-8. Ấu cũng là một dịp để chúng tôi nghỉ một ngày sau bao cực nhọc đến dồn dập.

Đêm 18-8 trình diễn ở rạp Minh-Hiền. Phải thuê mất ba ngàn bạc, thật là đau xót. Từ ngày đi trình diễn, chưa bao giờ phải thuê rạp cả. Sân khấu rạp lại quá rộng. Trông mênh mông như một hội trường. Không có màn, chúng tôi đành dùng kỹ thuật tắt đèn. Khán giả quá đông, nên buổi diễn gặp nhiều lộn xộn. Nhiều tay « cao bồi » trong tình đã hò hét sau những màn trình diễn.

Hôm sau định trình diễn trước chợ, nhưng lại nhằm ngày 19-8 của V.C. nên chính quyền không cho phép tổ chức. Đợi tới 20-8. Ra xem sân khấu do Thông-Tin và Kiến-Thiết dựng, chỉ trông ra có mỗi cái khung gỗ. Và lại, một số người cho biết đêm trình diễn vừa rồi không mời các ban văn nghệ địa phương dự nên một số người toan tính gây trở ngại.

Với sự đe dọa ném đá. Với cái sân khấu quá sơ sài, không cả màn kéo. Chúng tôi phải bó tay chịu thua.

Chiếc xe đồ lại đưa chúng tôi trả về Saigon.

(Còn tiếp)

VŨ DZÔNG

QUY-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐĂNG CHỮ LÀM TẠI THUY-SƠN

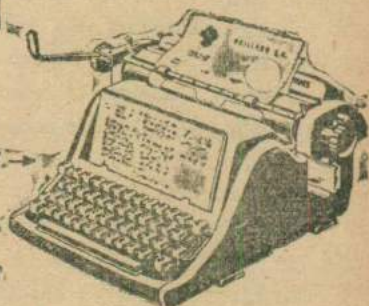
HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

11, Đường Neuvin-Sifu -- Téléphone 30.821 -- SAIGON

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÂY

PHẦN THỨ BA

1 Tôi đứng trên thềm, sau lưng cánh cửa nhà còn hé mở, ngoài sân bên vườn, trên đám lá cây ngoài bia trắng sáng rõ như ngày, nhưng dưới các bóng cây rậm bóng đêm mát âm, gió thổi luồn mỏng lung. Giờ này má và chị Lệ chắc chần ngủ vùi vì mệt, hai người đã phải luân phiên bế con Liễu suốt từ hồi hôm. Con nhỏ lên cơn sốt nóng, khóc liên hồi, mới im tiếng, cách chừng mười phút. Tiếng khóc ré cầu rứt ruột gan khiến nóng này bồn chồn không ngủ nổi, nhiều lúc tiếng khóc bật ngất ở cao độ tưởng nó không thở được nữa tay chân co quắp như người mắc chứng kinh phong. Một buổi chiều bên chợ ngày còn đi học tôi đã trông thấy; người đàn bà vừa từ xe thồ mộ bước xuống, đột ngột ngã vật trên mặt lộ, tay chân giật từng hồi như đuôi thằn lằn cụt đứt, miệng xủ bọt. Những cử động giật máy của tay chân hay toàn thân không tự chủ, tôi cũng thường bị trong những hồi lơ mơ trước thềm cửa một giấc ngủ sâu mà ý thức rầy rụa trong khoảng mờ trắng không ra thoát, sau mỗi lần như vậy nghe như mình thoát xa đi khỏi mình, hốt hoảng và u sầu. Tôi không thể trì hoãn lần nữa hoài, tiếng hát ru nhỏ nhỏ đổ dành hết của má tôi đến của chị Lệ lui tới luồn quần bao phủ quanh như hơi gió bay lùa cả châu thân đầu óc. Và khi tiếng khóc cùng tiếng ru im mờ ra khoảng không chấp chờn của khung cửa sổ chót tằm mắt, tôi len lén leo khỏi giường, tránh gây tiếng động, thay áo quần mở cửa. Cũng như buổi sáng tinh mơ nào với Diệp, tôi không mang theo một món đồ nào. Không hành lý, hai tay thông thả, đầu óc ngất ngây

lúc nào cũng có thể bị chiếm đoạt bởi những ý nghĩa thừa thãi, tôi sẽ biến mất. Trí. Tiếng kêu thoảng trong đầu tôi. tiếng gọi của chính tôi nguy tạo hay của một người khác. Trí, Trí, Trí... đó là những âm vang bất tận từ buổi sơ sinh, đứa trẻ nghe và không hiểu gì cả nhưng nó vẫn đồng tai nghe. Những cái ở ngoài nó dần dần chụp lấy nó, thắt buộc nó và nó chỉ có những cử động vô tình là của nó.

— Trí.

Lần này tiếng kêu vang động trong đầu và ở ngoài không trung, tiếng kêu trong sân tối cùng với tiếng động của cánh cửa sau lưng. Tôi ngả lại, giật mình như chạm phải điện. Một bóng người đứng trong cửa, mặt trắng bệch như tờ giấy và đôi mắt sáng đen. Chị Lê. Chị Lê đó.

— Em đi đâu thức sớm vậy ?

— Tôi đi dạo.

Và tôi bước xuống sân trên lối gạch, mùi bông thơm hắc, Chị Lê đi chân đất, tiếng nói thì thào ; tôi đi thẳng tới bên cửa rào ?

— Chị cùng đi với há. Con Liễu bớt nóng, ngủ rồi. Chị hết ngủ noidi ra ngoài chút xíu cho khỏe.

Tôi mở cánh cửa gỗ đã lung lay gần sứt không nói nửa lời, quẹo vô sâu trong xóm. Nếu một mình tôi đã quẹo về ngã xuống bờ sông, qua đò sang châu thành. Nhà cửa, đường lộ trong buổi sáng đang chờ đón tôi, buổi sáng của Thuận của Diệp, buổi sáng như cửa huyết mở chôn vùi những thao thức của đêm tối. Châu thành đó nhưng ải địa đầu của một xứ sở khác. Chó sủa rân dọc theo lối, một hai con chui ra khỏi bờ rào lẳng nhặng sau chân, chị Lê kêu khê tên mỗi con xô đuôi chúng về nhà. Bóng tối rậm bít ánh trắng rớt trên đất nhưng từng vũng nước đọng, cây cỏ thở chan hòa. Nếu một buổi sáng nào như bữa nay, Thuận qua tới đây và đi một mình trong xóm Diệp cũng vậy, nàng sẽ đi một mình, không phải với tôi, đi sâu nữa, sâu bữa đi đến chốn lạ mặt... Tôi rùng mình ớn lạnh. Trí tưởng tượng lên hơi băng từ đỉnh cao vẫn không ngừng trôi qua suốt đời tôi, thối rách bươm trí não. Chị Lê dần dần bước kịp ngang hàng với tôi, lối đi hẹp chị phải tiến sát bên các hàng đậu, tay áo phất đụng lạt sạt vào lá. Cây vườn thưa lãn, trời sáng lộ trên bãi cỏ, con đường, cây cầu bắt ngang lạch nước và cánh đồng trống một bên. Tôi dừng lại bên mỏ dốc lên cầu, con đường còn leo qua cầu đi sâu vào lối dừa nước dầy khít dẫn vô vùng bưng lầy không người ở, khoảng chúng tôi đứng trống trải hai bên và trên đầu Chị Lê ngồi bệt trên ván cầu, buông thông căng đung đưa, đầu tóc không bịt trông dị hợm ma quái. Chị theo tôi với mục đích gì ? Cản trở tôi ? Muốn nói với tôi những điều còn ầm ức trong lòng ? Dường như từ ngày tôi về nhà, chị vẫn tìm cơ hội để nói với tôi. Có chuyện gì để nói giữa chúng tôi ? Chị vẫn lần quần sau lưng tôi, giữ những

điều bí ẩn đối với tôi. Chẳng còn gì bí ẩn đối với tôi nữa cả, mọi sự thêm bớt đều vô nghĩa, tôi đã có đủ, đầy đủ hoàn toàn với tri tưởng tượng và ý thức điên dại của tôi. Xa tít ngoài đồng, không còn thấy mái nhà trệt giữa đám cây, một giải đất cao dốc đứng trần trụi như mặt thành nắn phơi xám ngắt dưới ánh trắng.

— Cái gì bên kia đó chị Hai ?

— Ở đâu ? A, người ta lập Ấp chiến lược ở bên đó. Cũng sắp sang mình.

Tôi đứng nghe nước chảy róc rách dưới chân cầu, chó sủa trong xóm, những con dê nỉ non đôi hồi trong các bụi cỏ quanh mả. Những tiếng keng thưa thớt xa vọng trên các chòi gác trong ngôi ấp dầy dăng. Chị Lê thở dài nói nghe rõ : lại đánh nhau nữa, đánh nhau hoài. Tôi đi căng bìu với Hiệp sao : một ngày nào, chỗ em ở đó, chiến tranh sẽ mọc lên rồi cũng bị hỏng v.v. Và Hiệp : Làm thế nào hơn ? Cậu nghĩ xem làm thế nào hơn ? Chúng ta bắt lặc. Bắt lặc vì chúng tôi phiêu du ở bên ngoài những đám lầy lau lách, bên ngoài bờ thành đất với rào chông tua tủa. Tôi đứng phơi giữa trời nhìn ngấm, tầm mắt bị ngăn che, và vẫn tưởng tôi hư nguy của chúng tôi.

— Em tính sao Trí ?

— Ít bữa, tôi xuống Saigon.

— Em tính đi mần hay đi học lại ?

— Đi học lại...

Tôi bật cười khàn trước ý kiến của chị Lê. Trở vô lớp học lại thật là một ý kiến khôi hài. Cái trí thức khổ nạn sẽ đầy mãi lên cao, lên cao ngắt và ở trên cao đó ta nhìn xuống. Có lẽ nên để chị nói, tôi hãy nghe chị một lần chót như những ngày ấu thơ còn hai chị em. Chị nói lại tôi, mẩy ngón tay chị cào cào gỡ mái tóc ngắn bồm xồm, lưng chị hơi khom và mặt cúi xuống dưới giòng nước đang chảy. Một con chim đêm bay kêu ngoài đồng không thấy bóng cảnh vật đột nhiên trở mình hoang vắng.

— Chị xin lỗi em.

Chị Lê mân mê tháo buông hai cánh tay áo bà ba sấn trên cườm tay một khúc. Tôi nhìn trở lui vô trong xóm, mơ hồ những tiếng động của ngày tới sớm, gió lùa từng cơn, chị Lê ngồi co mình bó gối co ro như một đứa trẻ lạc lõng trên cầu. Da mặt tôi tụt giá. Ánh trắng đang nhạt dần, luồn loảng. Chị Lê tỉnh nói tiếp một câu gì nữa nhưng tôi quay lưng lại, lúc này tôi không muốn nghe.

— Về thôi. Coi chừng con Liễu thức.

Tôi đứng đợi chị vượt qua mặt tôi, chị đi ngang thoảng một làn hơi ấm của thân cọ rung không khí. Đột nhiên tôi muốn níu giữ chị lại, nắm lấy hai vai đầy của chị như với Thuận và chắc chắc chị sẽ run rẩy co rút người lại thờ không kịp

vi sợ hãi, miệng lắp bắp không thành lời... tôi sẽ rung mạnh chị như rung một thân cây yếu, thật tàn bạo và phũ phàng, rung cho đến khi chị bật khóc tôi mới đã nư giận. Chị chắc không khi nào hiểu lúc ấy chị giống Thuận, khuôn mặt Thuận dưới ánh nến tối đã, ngó thấy một bóng tối hoang vắng trong gian nhà không có Hiệp.

Anh Tạc không chết, anh lại trở vô, chị Lê nói. Thiệt không ngờ, ngày chị vô khu tập kết kiếm anh không gặp, anh trốn về Chợ Lớn kiếm chị. Chỉ là sự lầm lẫn anh còn sống hẳn hoi, mạnh khỏe; mấy bữa trước chị còn gặp anh dưới xóm Đình. Bữa nay anh về trên Bết Cát, ít bữa trở xuống. Chị Lê hỏi tôi còn muốn gặp anh nữa không. Gặp anh Tạc? Điều đó còn quan hệ gì tới tôi. Anh Tạc. Anh Tạc là ai? Người anh hùng của chúng tôi, người tình của chị Lê, những ngày mới lớn vẫn còn đó ư? Nhưng chúng tôi không còn, tôi đã lớn, tôi đã gặp Hệp, gặp Thuận gặp Diệp và chị Lê bằng trên tay con Liễu. Mỗi tí nh thứ nhất của một đời người khó quên thiệt là giều, giều quá cỡ. Con Liễu nằm trong tay mẹ, mặt đỏ sần, mắt li bì, nó bị ban cua. Bà ngoại nó sang chợ hốt thuốc cho nó, trong nhà chỉ còn hai chúng tôi. Các cửa ngõ đều đóng kín ngăn gió nắng ban trưa ngoài vườn và bóng mờ lúc dịu lúc sáng tủa quanh mặt chúng tôi.

— Gặp lại anh, chị tưởng hồn ma hiện về. Thiệt là kỳ sợ quá chừng.

Tôi bật ra một tiếng cười ngắn gọn không rõ nghĩa. Giọng điệu của chị Lê vẫn đượm vẻ ngây thơ trong trắng như ngày nào viết thư cho anh Tạc đọc lại cho tôi nghe. Không có gì đổi thay thiệt sao? Chị ngồi cuối chân giường và dường như thân chị hơi rung làm nệm giường nhún nhẩy. Tôi đứng dậy quay mặt ra phía cửa sổ đóng hỏi:

— Còn con Liễu?

Câu hỏi dội lại tôi mạnh mẽ, lập đi lập lại như trái bang tung ném vào mặt tường mỗi lúc thêm nhanh. Còn con Liễu? Con Liễu đó? Nghĩ sao? Nó nằm chính ỉnh trên tay đó. Một lúc lâu, chị Lê nói khẽ:

— Ảnh tưởng chị đã lấy chồng. Và chồng chị chết.

Tôi tí bụng vào cạnh bàn, ngó chằm đống sách, tấm khung ảnh trần trụi. Có gì đâu? Không ai thắc mắc, tra hỏi. Một sự thật dễ tin biết mấy, sự thật hằng ngày bày ra đó. Mà còn ăn thua gì tới tôi, tôi phải giận dữ. Tôi có những sự thật của tôi và kẻ khác những sự thật khác. Tôi cần bình tĩnh nói chuyện với chị Lê lần chót.

— Và chị tin như vậy?

Con Liễu khóc ọ ọ, chị Lê trở thế ngồi khiến những thanh sắt uốn con lót giường kêu rít. Có lẽ chị Lê cũng tin như thế thật. Tại sao không tin? Chị đang sống, và trí nhớ là một cản trở. Sống như một giòng nước chảy xuôi, như một ánh

mây bâng lảng, phải thế không anh Hiệp? Thuận nhiều trí nhớ quá và Thuận chết. Khuôn mặt đó rồi cũng tan hòa trong trí nhớ của tôi. Phải bôi xóa tất cả trong thiên nhiên hải hùng và trong lịch sử cường nộ. Ở trên những sự thật, vượt ngoài những sự thật và làm chủ mọi sự thật cần thiết. Lúc tôi quay nhìn chị Lệ đã đôi tay bồng con, mặt chị đang ghé nhòa mặt nó. Chị hối hận chăng? Chị đang khóc chăng?

— Trí, tại sao tàn ác với chị vậy?

Tôi nghe phút chốc yếu đuối hẳn. Câu hỏi đó của Diệp. Diệp, có quả thật tôi tàn ác? Tôi chỉ muốn hỏi, tôi hỏi Diệp, tôi hỏi Thuận, tôi hỏi Hiệp, tôi hỏi chị Lệ cũng như tôi hỏi tôi vậy. Bởi tôi không hiểu gì hết, không hiểu ai hết và tôi không không muốn ai hỏi tôi vậy. Quả thật là tôi tàn ác? Tôi cười khây thay lời. Có ý gì đâu mỗi câu hỏi đều đã có câu trả lời, tại sao tôi không chịu nhận? Hiệp đã chẳng từng trách tôi là người gây rắc rối hay sao?

— Tôi hỏi chị điều cuối cùng thôi. Từ giờ sắp sau không khi nào tôi hỏi chuyện gì nữa. Chuyện gì đã qua cho qua đi. Ba con Liễu là ai?

— Chính trí, chị cũng muốn nói với em chuyện đó. Chị muốn xin lỗi em.

— Chị cứ nói đi tôi nghe.

Chị Lệ sửa lại bộ ngồi, ngập ngừng hỏi lâu:

-- Chính chị, chị cũng không rõ thật sự là ai?

Tôi kinh ngạc tột độ, đứng như chết trân. Nói dối, chị lại bắt đầu nói dối. Chị vẫn còn sợ tôi như vị quan toà nghiêm khắc, chị không dám nói thật. Tôi không tin chút nào. Tôi nhắc chiếc ghế tới ngồi đối diện với chị để nhìn cho rõ. Trên khoe mắt chị in ngần nước mắt và trông mắt lơ lảo sợ sệt thấy rõ. Chị kéo con Liễu vào sát ngực như để che chở cho mình, con nhỏ thêm thiệp một cách đáng thương.

— Tại sao chị lại không biết được?

— Chị không rõ. Không biết rõ có đúng không? Vì đó là người chị chưa gặp một lần nào. Một người Bắc di cư. Phải từ hồi đó lại. Hồi chị xuống khu tập kết mấy ngày không gặp anh Tạc rồi trở về Saigon. Chị tưởng anh chết thiệt rồi. Chị thất vọng hết muốn về nhà, đi lang thang ở Saigon và chị gặp Ba của con Liễu..

— Khi không vậy?

— Ảnh cũng vừa ở Bắc vô được một hai bữa gì đó và cũng đi lang thang kiếm người quen. Ảnh hỏi thăm nhờ chỉ đường, chị cũng không biết rõ đường Sài Gòn. Nhưng chị đã đưa ảnh lên xe buýt đi cùng khắp các ngã đường. Chị cũng muốn biết Sài Gòn...

Tôi tưởng trông rõ chị Lệ những ngày ấy những ngày tôi bắt đầu có những toan tính riêng bỏ một mình chị với mối tình của chị. Chị từ trên xe đồ bước xuống bến lúc chiều đang xế, chuyến xe đã đón chị ở dọc đường giữa cánh đồng

mãng lấp ló mặt nước; người thiếu nữ đứng trên vệ cỏ một tay cắp nón một tay ôm bọc quần áo, chiếc xe lỏi đã quay lại đường cũ chạy mát vào đồng trên đường đất sau lưng. Trong thành phố Sài Gòn đang biến dạng âm thầm, chị lủi thủi như người dưng lủi lủi lên kiếm việc làm, như những người di cư bị đuổi chạy khỏi quê hương. Chị cũng là người vừa bị đuổi khỏi quê hương của chị, tình yêu mà chị tưởng là chỗ nương thân vĩnh viễn, hốt hoảng đau đớn. Có em anh không thể chết được, nhưng lúc ấy anh Tạc đã chết. Trong những con phố dài vắng xuyê qua thành phố, chị đi một mình không biết nơi nào sẽ tới, bọn đàn ông qua đường dừng xe lần lút bám theo sau những mảnh bóng tối trên hè đường khuất, những lời tán tỉnh băng quơ chốc lát rơi rớt lại dọc đường. Tối khuya ấy chị Lệ ở lại nhà chú Siu trong hẻm Bàn Cờ. Và sáng bữa sau chị cũng chưa chịu về nhà. Người đàn ông chị gặp, cầm tấm bản đồ thành phố in màu nhuộm nhệt chăm chú dò kiếm, bên lề đường chị chít xe cộ kè sát bên mình để tranh lối. Hẳn hỏi chị Lệ và chị Lệ trả lời. Hai người lên xe buýt ra tới ngoại ô rồi lộn trở lại, những chuyến xe vắng người khoáng, xe chỉ chứa gió và nắng. Một người nói những chuyện miền Bắc, một người nói những chuyện miền Nam. Chị Lệ muốn biết Hà Nội, nghe nói về Hà Nội, thành phố anh Tạc có thể tới đó mang chị theo, nơi đó cũng đã là quê hương tưởng vọng của chị, tình yêu của hai người có thể đã bay trước về đó chờ đón, chờ đón tuyệt vọng. Trưa chị Lệ lên xe về tỉnh và hẹn người đàn ông sẽ gặp lại trước ga xe lửa tuần lễ sau. Trong khoảng thời gian tối bị giam giữ, chị lấy cố xuông hỏi thăm tin tức liên lạc và đến nơi hẹn.

— Anh tên là gì ?

— Chị không hỏi.

Chị Lệ đã theo người đàn ông đi trên các đường phố, ngồi nghỉ trên ghế đá các vườn bông không một hứa hẹn dự tính; đã về nhà riêng của hẳn bên bờ sông dưới chân một cây cầu sắt. Trên cầu xe cộ qua lại lũng bùng suốt ngày, căn nhà đóng cọc nằm nhô trên mặt nước, ván gỗ rung rinh theo bước chân đi trên những nhà kế cận, chị ở lại đó cả buổi cả ngày, má tôi không hay biết chút nào.

— Chị cũng yêu anh như yêu anh Tạc vậy. Có thể xảy ra như thế được không Tri ?

Chị mang thai con Liễu vào thời kỳ Sài Gòn lộn xộn và người đàn ông biệt tích. Mấy tuần lễ liền chị tới nhìn gian nhà khóa trái cửa, bên trong còn nguyên tấm đệm trải dưới sàn, và hai chiếc ghế đầu người đàn ông không có gì ngoài mấy món vật kê trên. Chị tìm cách mở được cửa vô nhà, nằm nghỉ và đợi mỗi món với những giấc mệt của người đàn bà thai nghén. Đã có lúc chị tính tự vẫn ngay tại chỗ nhưng vẫn ôm hy vọng gặp lại người đàn ông. Chị ngừng nói đề thờ và ôm siết con Liễu vào ngực như đè nén những cảm xúc đang dồn ứ.

— Rồi chị có gặp lại được anh ta không ?

Con Liễu khóc thất thanh trong cơn mê, chị Lệ vội đứng lên đi qua lại ru hát. Tôi ngồi ngó theo bóng chị mở mồm chờ đợi. Chị bỗng con về nhà trong, vẫn chưa trả lời câu hỏi. Tôi ra mở cửa sổ cho thoáng trên lối ngoài vườn, lấp loáng gió lá, trưa đang tản mát nhẹ đi. Nắng xuyên chạy đậu trên khoảng nệm trũng chị Lệ vừa rời bỏ. Tôi nghĩ chị Lệ đã nói chuyện của chị và tôi cũng biết thế. Bây giờ anh Tạc trở lại và người đàn ông kia mất tích. Thật là ổn thỏa. Nhưng chị Lệ lại trở ra, không còn bỗng theo con Liễu nữa, mặt chị đỏ ửng như say nắng. Chị ngồi xuống chỗ cũ, đầu cúi như lúc ngồi trên cầu buổi sớm.

— Chị có gặp lại mà không biết có phải đúng không ?

— Ở đâu ?

— Ở bên chợ. Anh về đây sống với một người đàn bà.

— Ai ? Ở đâu đó ?

Chị Lệ không đáp ngược mắt ngó tôi một hồi rồi ngó vào khung hình đã bị gỡ trống. Tôi nghe xây xẩm đất rúng dưới chân, một thoáng mau, và kêu lên :

— Anh Hiệp.

(còn nữa)

THANH-TÂM-TUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN THỜI MỚI :

VỌC NƯỚC GIỖN TRẮNG

của SƠN NAM — 40đ.

DÃ CÓ BÁN :

NGỒI LẠI BÊN CẦU

Truyện TRẦN PHONG GIAO

GIAO ĐIỂM XUẤT BẢN

Nhà xuất bản **SÁNG TẠO**

đã cho phát hành

quyển ba KHU RỪNG LAU

TÌNH YÊU THÁNH HÓA

(gồm **VỖ BỜ** và **QUỖNH HƯƠNG**)

Lá thư Ba - lê

... Bây giờ nói chuyện như chị hứa đây. Lê à! Có người nói: Phải đi đây đi đó mới mở tầm con mắt ra. Còn như là nhà văn thì có thêm « chất liệu ». Chị tưởng đó chỉ là một cách nói thôi. Chị chỉ thấy tại đây người nào cũng có vẻ vội vàng hấp tấp, gót giày khua vang dồn dập y như tiếng búa của thợ rèn đập sắt trên đe, phải liên tục chớ ngừng thì sắt nguội đi vậy đó; nhất là vào giờ tan sở, đóng cửa hiệu, em phải chạy chứ nếu em đi thì đứng hòng có một chỗ đứng trên tàu điện ngầm. Vào ăn trong « xeo vẹt vít » (self service) một thứ hiệu ăn bình dân, thực khách phải tự dọn lấy — em nên nhanh chân, nếu chậm thì em phải đứng đợi có khi thất ruột đi kia. Văn minh tiến bộ quá cho nên cầu thang máy khắp nơi, song bước lên cầu thang máy mà họ cũng đi chứ không đứng đợi nó lên nữa. Ngoài đường họ đi như chạy: các cô không ngó tới ngó lui làm duyên làm dáng chi cả. Đi tàu hả? phải bước mau lấy vé, xách lệ ra sân, nhảy lên kèo nó chạy không có huyết còi đầu dấy nhá! Hết tiền muốn ăn « xăng huyết » chứ không vô hiệu ư? lại chạy gấp không thì họ mua ráo đó! Bộ tướng cỡ em coi chừng họ lấn cho mà nghệt thờ. Nhưng em đừng vội chán, chị xin kể tiếp đây: Tất cả nhịp sống luôn luôn sôi sục, quay cuồng đó như ngừng lại khi em theo chân chị xuống gầm cầu sông Xen để thấy tận mắt lớp thanh niên nam nữ tin đồ của chủ nghĩa «buông thả» sống ra sao.

Gió mát rợi từ sông quạt vào họ, mặt trời chiếu vào những đôi mắt lơ dờ vì khói thuốc, họ nằm dài sưởi nắng y như loài mèo lười biếng ban ngày! Con trai thì tóc dài phủ vai, con gái thì có người tóc cụt ngắn làm chị cứ lăm hoạ: khi chưa

nhìn tận mắt. Họ gác chân lên nhau, có người trông mắt dữ phát sợ; họ chần cả lối đi và nếu không "thu hết nghị lực vào chân" thì em không dám bước qua họ đâu.

Trước mặt chị một cô bé chừng mười tám tuổi tự nhiên như ở trong phòng riêng, cởi tuốt quần dài vút trên cổ, tháo phăng cúc áo nhưng không tuốt hẳn ra, rồi cứ thế đi đi lại lại nhón nhơ như bướm lướt. Một cô mặc váy xám, áo sọc đỏ chạy lảng quăng hôn anh này một cái, anh kia một cái Phải nhận rằng cô này dễ nhận ra là gái hơn cả, không phải vì cô hôn con trai, mà vì cô mặc váy. Phía bờ cỏ sát ven nước, một cô nữa ngồi để đùi cho thẳng con trai bằng cô gối ngủ. Còn cô thì hút thuốc phi khói ra đặng mũi, thỉnh thoảng chồm ra phía trước ném tàn thuốc ra sông rồi ngửa mặt cho một ông—có đeo hoa tai lủng lẳng (một bên tai thôi) chống can, xách cặp y như giáo sư—hôn. Ông này từ gằm cầu vừa tới đáng điệu kẻ cả ghê! Nằm miệng cái bao để ngủ (sac de couchage) kéo lê đặng sau lưng, mặc cho nó lấm láp đầy đất, bụi, một "triết gia" trẻ tuổi khác đang một mỗi đêm từng bước, lại một gốc cây. Cảnh hấu, gã trẻ hơn đánh trần, ngửa mặt lên ngủ rất ngon. Thấy con ruồi xanh chống can đi dạo trên râu mà không buồn hay. Ùm! Chị giật mình quay lại: cái cô cởi áo đang cùng ông đeo hoa một bên tai bơi lội dưới sông! Trời ơi! Tắm ở sông Xen! Tất cả ống cống ở Balé đều thông ra đó hết! Nước còn tẻ hơn nước bến tàu Saigon ta! Một điều chị cam đoan với em là áo quần của họ chắc họ thay giặt theo chu kỳ của niên lịch hay mặc đến rách bỏ luôn, và ngoài đôi nam nữ kia chắc không ai thêm tắm hết. Đặc biệt nhất là một cô tóc vàng húi cao, quần bó sát người, áo sơ-mi đàn ông dài chấm gối, đầu cứ gục xuống theo nhịp mỗi bước đi, chân không guốc dép, vai nhô lên, hai tay xuôi xì, chăm chú tìm mấy màu thuốc nhặt lên hút. Chợt cô dừng chân, mắt sáng lên, ghé đại vào chỗ ngồi của một người đang thổi sáo, giật cái chai trong xác anh ta đoạn xuôi tay, gục đầu, nhô vai, chăm chăm đi lại đặng máy nước vắn rong róc vào chai, chờ đầy chai, cô lại cúi xuống kê miệng vào máy uống, nước tung tóe ướt ngực, ướt mặt song cô vẫn như không hay biết. Sau cùng xách chai nước đầy, rồi vắn dáng điệu đó, cô về chỗ cũ. Nhưng tới nửa đường thì từ gốc cây một gã râu xồm xông tới đặng chai nước. Họ quần nhau như môn phái Nga mi với Thiếu lâm. Nhưng không sao, em đừng ngại, họ không đánh nhau đâu, đùa đấy thôi. Trời nắng to, trong vạt không một gợn mây mà nước đâu bắn vào mặt chị vậy kia? Ầ! Ra đôi bạn vừa ở sông lên đi ngang chị vung nước đấy! Tựa vào một gốc cây sau lưng chị, một cô áo xanh nhìn cả bọn bằng hai mắt cũng còn xanh, còn sáng với tất cả e dè và thần phục: cô có vẻ vừa thích thú, vừa ngại ngùng của một chú chim non! Trong gằm cầu tối bỗng nhô ra một cô cao

lớn khác. Tay ôm khúc bánh, tay ôm một con chim sẻ, cô ngồi trên bậc thang bước xuống nước, khoan thai rút ruột bánh cho chim ăn. Cô làm việc đó chăm chú như trên đời này chỉ có việc cho chim ăn là việc chính. Móng tay móng chân cô cẩu bần không tả được. Thịnh thoảng cô đặt chim lên đùi, lấy lược ra nghiêng mình, xuống ngắm bóng trên mặt sông, chải mở tóc dài. Cô chùi tay vào áo thật kỹ, đoạn lại ôm chim cho ăn nữa. Thịnh linh cô nằm soãi xuống, nhắm hai mắt lại và gã đàn ông từ đâu hiện đến cúi xuống tận mặt cô làm con chim nhỏ trong tay cô bật kêu lên chim chirp ! Trải rộng tờ báo trên mặt gạch một nhà tri thức kia chăm đọc đến nỗi không thấy rằng cái xắc cút-sa của mình bị tên bên cạnh vừa mở miệng nó ra và cùng với một bạn gái đang cố sức chui vào. Bờ sông trước mặt nước vẫn lơ lửng trôi xuôi theo đoàn tàu du khách. Nếu em đi dài chút nữa, mũi em sẽ chun lại vì mùi hôi thối. Không cần thân, giày em sẽ bần đó, nghe không ? Nhưng nếu em mở mắt to thì em sẽ thấy lắm trò « quá bần » nữa !

Nhưng thôi, không lẽ chị nói toàn chuyện đó ? Còn chuyện hay hơn nữa và đặc biệt hơn nữa là sự cô độc của người già tại Ba-Lê.

Chị không ưa văn minh vật chất của Tây phương, ghét bọn «buông thả» sống lầy lất trong sự lười biếng, vô trách nhiệm bao nhiêu thì chị thương xót người già cũng ngang như vậy. Phải thấy họ tuổi tác chất nặng oằn lưng, nét thời gian ghi

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

dậm lên mặt mà vẫn phải chống gậy chen dưới hầm tàu điện, bước lên mỗi bậc thang lại ngừng mà thở dốc ; phải thấy họ run run chen vào « xeo xẹt vít » với bọn trẻ vật trâu cũng ngã, em mới thấm thía nỗi cô độc của người già ! Riêng phần chị, chị không cố ý mà chân chùn lại, tim như ngừng đi một nhịp ! mỗi lần thấy họ ngồi lặng trong công viên âu yếm chú mèo hay chó, thỉnh thoảng một đứa trẻ chạy đùa lại gần chỗ họ, hay một đôi trai gái đi ngang mặt họ, chị thấy mắt họ chợt sáng lên, chợt mờ đi như có một cái gì thoáng lướt qua trên mặt họ mà chị chỉ cảm thấy chứ không tả được. Song rồi giây phút đó trôi qua, họ lại bình tĩnh yên phận không một lời ta thán ! Người già ở Balé ! Bọn trẻ đang bận chạy theo thời trang, máy móc hay «buông thả» và thụ hưởng ở gầm cầu, đâu có thì giờ nghĩ đến họ ?

Vốn rất sợ lẩn chen, nên chị cố thu xếp sao để có thể đến kịp trong « xeo xẹt-vít » sớm hơn lệ thường của mọi người. Một hôm, chị vào đó : trước mặt chỉ có hai bà già và sau lưng chỉ có em chị, các bàn ăn vắng ngắt, ba chõng khay ngập đầu, giò bánh mì cao ngồn ngộn. Chị thở mạnh một cái nói với em chị : « Hôm nay tuyệt nhé ! » Chị khoan khoái nghĩ đến chuyêa khỏi phải ăn vội, khỏi bị nóng bức và bưng thức ăn khỏi sợ vướng người khác. Hai bà già thư thả đứng nhìn, ngắm, chọn — Em lạ gì người già ? Bao giờ họ chả chậm chạp có khi lẩn thẩn là khác — bưng đĩa này lên đưa tận mũi người rồi đặt vào chỗ cũ, bưng đĩa khác lên soi tận mắt rồi lại đặt xuống vẫn chưa vừa ý. Chị đứng vào sau lưng họ, một tay vịn cái khay, một tay cho vào trong túi áo khoác khua rộn mấy đồng hào. hờn thả về Saigon xa tắp, trí đang đang nghĩ đến một bát phở bốc khói với một trái ớt xanh...

— Xin mau lên một chút !

Có tiếng cất lên đục đã làm chị gật mình và hai bà già vội vàng luống cuống. Minh trẻ đầy mà khi nào mình vội, bị đục mình cũng còn quýnh thay ! Hai bà già càng vội, cứ chỉ càng chậm thêm.

— Xin tiến lên ! Xin tiến lên !

Giọng nói bây giờ càng gắt gỏng, chanh chua, sát sạt ! Bà kia đục bà nọ bằng một giọng lo ngại : « Thôi ! mau lên không có họ... » và bà liếc về phía chị một cái, chị cố tạo một nụ cười để dãi ra ý nói : « Tôi không vội ». Nhưng tiếng nói lại cất lên, hần học hơn : « Xin vui lòng ! Xin tiến tới ! ». Cái kính chị quắc mắt nhìn vào mặt người nói mấy tiếng đó song cô ta nào có kẻ gì. Cô vẫn lạnh như đá. Chị nói với em chị phía sau : « Tụi khốn kiếp ! Nào có bao nhiêu thực khách cho cam ! » Rồi, Lê ơi, một tiếng «soảng» vang lên, hai bà già lóng cồng vừa ngã xuống sàn, khoai, trứng, đậu văng tung tóe...

Em thân mến ! không ai buồn lại đỡ hai bà già đó hết. Họ lồm cồm ngồi dậy thu nhặt thức ăn, lấm lét, rụt rè như trẻ con phạm lỗi. Chị lại giúp hai bà phủ áo, mang giày, nhặt cốc, mắt chị mờ đi song tai còn nghe văng vẳng cái giọng danh đá của cô giữ két : « Rõ vương chân ! »

Từ đó chị «ừ» luôn cái «xe xẹt-vít» đó, vì ghét cái cô giữ két có giọng nói tai ác ấy. Song tới chỗ nào, ngồi vào bàn ăn, chị cũng thấy lò mờ qua làn khói nét mặt khốn khổ của hai bà già kia và tai chị tuy rộn ràng tiếng muồng, dao va chạm, tiếng cười nói lao xao của đám thực khách, tiếm-thức chị vẫn vang lên mồn một tiếng thúc dục quái ác của cô ta : « Xin vui lòng ! Xin tiến lên ! Xin... »

Lại một hôm nữa — đó là lần thứ nhất chị dùng taxi làm phương tiện di chuyển vì có việc rất gấp — ngồi trong xe đợi qua đường, chị trông thấy từ góc phố một ông lão, tay xách giỏ thức ăn, tay chống gậy, lom khom bước trở tới đúng lúc đèn vừa báo hiệu cho xe chạy. một chiếc xe hai mã lực chồm lên lao vào ông lão, ông ngã quay ra, gậy văng một nơi bánh rơi một góc, mấy củ khoai lấu long lóc trên mặt đường. Vài người kêu lên, có kẻ giơ tay lên trời, nhưng rồi họ vẫn tiếp tục đi, xe tiếp tục chạy, đèn hiệu tiếp tục nhấp nháy không ngừng. Nhìn thoáng qua khung kính, chị thấy gã tài xế cũng vừa bước ra lầu bầu chửi rủa trong lúc ông lão gượng đứng lên. Em chị nhìn chị nói :

— Không đến nỗi nào đâu... cái xe có hai mã lực mà !

Cả đời chị chẳng bao giờ biết chuyện yểu tím, song quang cảnh đó đập vào mắt chị, khiến chị thốt nhiên hoa mắt và thấy mờ mịt, bủn rủn cả người. Chị dựa vào nệm xe nhắm kín hai mắt lại mà vẫn thấy...

Chưa hết đâu, còn có cái buồn cười hơn nữa, một bữa nọ chị đến biên giới nước kia, cảnh sát xét thông hành và hỏi từ đâu đến.

— « Từ Việt-Nam » Chị đáp..

— Việt-Nam ? Tên gì kỳ lạ ! Tôi chưa từng nghe đấy !

Chị bất bình hết sức. Việt Nam mình đang chiến đấu thế đó mà họ không biết thì họ biết cái gì ? Trong lúc chị nghi thầm vậy thì anh ta quay hỏi ông bạn và ông này có về thành thạo hơn :

— Việt Nam mà không biết ! Ngụ ! Việt Nam... Saigon đó !.. Bà Nhu đó ..

— Sai gon ? Bà Nhu ? (Anh ta vỗ vỗ vào đầu rồi bỗng reo lên y như thằng cu của chị được kẹo) A ! Nhớ ra rồi ! Bà Nhu ! (làm như tiếng súng nổ) Păng ! Păng ! Păng ! !! pã...ã...ng !

Anh ta đưa trả thông hành cho chị với nét mặt thực hý hứng !...

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Giải Goncourt



Jacques Forel

Một người trí thức vừa chân bốn mươi, từ bao nhiêu năm vẫn ham thích văn chương, tốn nhiều công phu cho văn chương, nhưng không tìm được cái sở trường của mình ở đâu. Cũng như phần lớn những kẻ sinh văn chương khác, lúc quyết định ra tay sáng tác người này liền nghĩ ngay tới chuyện làm thơ: thơ cũng khác, ít bài được người này chọn đăng ở mấy tờ tạp chí danh tiếng. Rồi phê bình văn chương. Rồi được giao cho điều khiển việc ấn hành tác phẩm của Paul Verlaine trong tủ sách

La Pléiade. Làm nhiều công việc có dính liú tới thi ca, người ấy tưởng mình có khiếu về thơ. Tuy vậy, nhà thơ không tên tuổi phải sinh sống bằng nghề dạy tiếng Anh. Lúc thông thả, lại cũng thử đem James Joyce ra dịch.

Có một việc mà người ấy ậm ừ mãi không thử được, là viết truyện. Nói cho đúng thì hồi còn nhỏ, mới học lớp tám (huitième), có viết lai rai (tuổi thơ và năng khiếu của người ấy cũng không khác của J.P. Sartre trong *Les mots*). Tuy nhiên, lớn lên, tính chuyện viết đứng đắn thì người ấy thấy «kẹt», ngần ngại. Năm này qua năm khác, người ấy không sao quyết định hạ bút được.

Bỗng nhiên cách đây ba năm, người ấy viết bậy lên đầu một trang giấy trắng câu này: «Tôi chưa từng biết mặt cha tôi.» Đó không phải là văn chương gì hết! là chuyện thiệt của người ấy, mở còi cha từ thuở bé, lớn lên bên cạnh mẹ

và bà ngoại. Vậy mà quái lạ, cái câu tầm thường đó như mở ra một lỗ hồng trên bờ đê. Lỗ mở ra, nước tràn ủa, chẳng bao lâu văn mạch lan man, cấu thành một tác phẩm dày trên sáu trăm trang. Sách đặt tên là *L'Adoration*. Tác giả là Jacques Borel.

Ấy là câu chuyện về giải Goncourt năm nay. *L'Adoration* là tiểu thuyết đó chăng? là tự truyện chăng? là tưởng tượng? là sự thực chăng? Nói thế nào cũng được. *L'Adoration* là truyện, nhưng là truyện về cuộc đời của chính tác giả. Cuộc đời không phải do tác giả thuật lại, mà là do tác giả... tìm ra! Thực vậy, J. Borel viết tiểu thuyết để tìm lại cuộc đời của chính mình.

Có người bảo trường hợp này cũng giống như trường hợp Marcel Proust «đi tìm thời gian đã mất», đi tìm cái đi vắng trong cuộc đời mình. J. Borel cãi lại: cuộc tìm kiếm của M. Proust không phiêu lưu bằng của ông ta.

Khi M. Proust viết tới đoạn ăn bánh quả bàng (madeleine) thì chắc đã biết trước sẽ đi tới đâu; còn J. Borel, trái lại, không hề biết trước chút gì về câu truyện của mình. Câu truyện — tức cuộc đời tác giả — cứ lần lần thành

hình dưới ngòi bút sáng tạo.

Ngoài điểm độc đáo ấy về nội dung, lại còn một điều quan trọng về hình thức. J. Borel thoạt tiên làm thơ, và không bao giờ bỏ mất cốt cách thi sĩ: ngôn ngữ đối với ông ta có một sự hệ trọng đặc biệt. Trước năm mộ của bà cô, ông ngạc nhiên nhận thấy mình không thể nào buồn được, nếu cái buồn không diễn bằng lời! Có tìm lời mô tả cái buồn, nhiên hậu mới buồn được! Ông ta say mê ngôn-ngữ, khoái đọc lớn tiếng những tác phẩm hay để nghe cái hay ấy phát lên thành lời: ông thường đọc oang oang như thể cuốn *Athalie*, cuốn *Guerre et Paix*, và cả cuốn... *l'Adoration* nữa! Thực vậy, cuốn *l'Adoration* ông ta đọc lớn cho vợ thường thức. (Nhất-Linh khuyên đừng nên rung đùi đọc văn mình viết để khỏi bị mê hoặc vì những câu văn «kêu»).

J. Borel như thế cho nên nhận định về câu văn trong *l'Adoration* ông bảo nó đầy tiết điệu nhịp nhàng... «một cách tự nhiên» (instinctivement rythme).

Giải Goncourt năm nay được đa số các phê bình gia hài lòng, chịu là chọn đúng tác phẩm có giá trị.

Giải Renaudot

Trái lại, giải Renaudot hình như có gáy ra ít nhiều thắc mắc.

Tác giả Renaudot năm nay thua tác giả Goncourt mười tuổi; tác phẩm cũ



Georges Pérec

Goncourt năm trăm trang. Vậy mà cao vọng của hội đồng Renaudot là muốn sửa chữa các sai lầm, là đề bỏ khuyết sự lệch lạc của hội đồng Goncourt!

Năm nay, không mấy người đồng ý rằng cuốn *Les choses* của Georges Pérec có thể sánh kịp *l'Adoration* của J. Borel. Nguyên do của sự chọn lựa? Có kẻ nghĩ ngờ nhà phê bình Maurice Nadeau.

Nguyên trước đây Maurice Nadeau điều khiển tủ sách *Les lettres nouvelles* của nhà xuất bản Julliard. Sách in ra bán không chạy, nhà xuất bản mất đi mỗi năm vào khoảng 200.000 francs. Cuối cùng nhà Julliard bãi bỏ loại *Les lettres nouvelles*, ly khai với M. Nadeau, cho rằng ông này chọn sách kém.

Thái độ phũ phàng của nhà xuất bản làm cho giới phê bình xúc động dữ.

Thế rồi M. Nadeau lại có chân trong hội đồng tuyển trạch giải Renaudot. Ông gặp lại cuốn *Les choses* là tác phẩm

au chót in ra trong tủ sách *Lettres nouvelles* do ông chủ trương. Cuộc trùng phùng phải chăng đã gây cho ông nhiều bồi hồi xúc cảm? Phải chăng ông muốn chứng minh với ông chủ Julliard nói riêng và với tất cả thiên hạ nói chung rằng M. Nadeau không phải là tay xo ng chỉ toàn chọn những bản thảo vớ vẩn, không ăn khách? Chỉ biết *Les choses* được giải, năm nay sẽ đem lại cho nhà Julliard một món tiền lợi ít nhất 300.000 francs.

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa nhận được:

— Truyện hay trong nước

tuyển tập truyện quốc tế, và do Trầng-Thiên, dịch Thời-Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 96 trang gồm 5 truyện của Kô-săng-Cô, Pin-ni-ac. I. ô-âng-drit, Môravie và Kápka. Giá 34đ

— Địa linh hơn kiệt tỉnh Kiến Hòa (Bến Tre) của Huỳnh-Minh, do soạn giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 260 trang, thuộc loại sách sưu-khảo địa-lý, lịch-sử, danh-nhân, đạo-giáo và giai-thoại có nhiều hình ảnh — Giá 60đ

— Thiên Nga truyện dài của Minh-Đức, Hoài-Trình, thuộc tủ sách « Những tác-phẩm hay », do tác-giả gửi tặng. Sách dày 232 trang, bản đặc-biệt, không đề giá

Les choses là chuyện một đôi nam nữ thanh niên, lớp mới lớn lên trong cuộc chiến tranh Pháp Algérie, nạn nhân của cuộc chiến tranh xấu xa ấy. Từ mặt trận trở về niềm thất vọng ê chề trong tâm hồn họ thềm thường ao ước những cảnh sống xa hoa của bọn giàu có quanh mình. «Họ yêu sự giàu sang trước khi yêu cuộc sống.» Chính tác giả *Les choses* cũng thốt lên một danh ngôn: «Hãy tưởng tượng giùm tôi một căn phòng với đầy đủ với mọi thứ xa hoa!» Lời thật ngắn ngủi, nhưng cái giọng nghẹn ngào «nói lên» thật nhiều ý nghĩa.

Có người hỏi giải thưởng Renaudot đối với ông thế nào? G. Pérec đáp liền rằng nó trả lời đúng ngay sự mơ ước của ông: tiền bạc giàu có, một gian phòng bày biện sang trọng.

Người ta nhận xét: ông có vẻ ham các tiện nghi quá đáng. Ông trả lời: đó chỉ là một phương diện của tâm hồn mình. Lại hỏi phương diện khác của nó như thế nào. Ông lại cho biết ấy là một thái độ hoàn toàn lạnh nhạt bất cần, đối với tiền của cùng những tiện nghi! Phương diện ấy sẽ là đề tài

của tác-phẩm sắp viết.

Phải chịu rằng ít người có được một tâm hồn với hai phương diện lý thú như của ông G. Pérec. Không biết phương diện thứ hai có sẽ cung cấp cho văn chương được một tác phẩm xuất sắc như phương diện thứ nhất chăng?

XII — 1965
TRĂNG THIÊN

— Giải Fémina 1965 được trao cho Robert Pinget về cuốn tiểu thuyết «*Quelqu'un*» của ông (do Editions de Minuit xuất bản).

— Giải Médicis 1965 được trao cho René-Victor Pilhes về cuốn tiểu thuyết «*La Rhubarbe*» của ông (do Le Seuil xuất bản).

— Giải Interallié 1965 được trao cho Alain Bosquet về cuốn «*Qui vive*» của ông.

Ba giải trên đây sẽ được trình bày tường tận trong số BK. TD. sắp tới đây.

Gia-Định Báo,
tờ báo đầu tiên của Việt-Nam.

Nhân dịp kỉ niệm «100 năm báo chí Việt-Nam», Hội đồng báo chí có tổ chức nhiều buổi nói chuyện liên quan đến báo

chí nước nhà. Ông Phạm-Việt-Tuyên, chủ nhiệm nhật báo *Tự do* và chủ tịch của Hội đồng báo chí mở đầu các cuộc

diễn thuyết với đề tài :

«*Gia Định báo, tờ báo đầu tiên của Việt Nam*»

Đã chức tại trường Quốc Gia âm nhạc và Kịch nghệ, sáng chủ nhật 28-11-1965.

oOo

Nghị định ngày 1-4-1865 khai sinh tờ báo đầu tiên của khóa ta ra. Nó hằng tuần, và sống khá lâu, 32 năm, từ 1865 đến 1897. Một người Pháp trông nom nó ông Ernest Poiteux với sự cộng tác của một số thông ngôn. Nó khô khan như một tờ công báo. Đến năm 1869, nhà cầm quyền Pháp mới giao nó cho Trương Vĩnh-Kí. Và từ đó bộ mặt nó đổi khác phần nào. Có Huỳnh-Tịnh-Cửa, Trương-Minh-Ký và Tôn-Thọ-Trường phụ lực. Và ngoài việc thông tin cho nhà đương cuộc, *Gia Định báo* còn là một cơ quan cổ động cho chữ quốc-ngữ.

Diễn giả giới thiệu hình thức, rồi nội dung tờ báo ra đời đúng trăm năm. Báo gồm bốn phần : *Công vụ*, *Ngoài công vụ*, *Thư vụ* và *Tạp vụ*.

Phần *công vụ* đăng những dụ, những nghị định của nhà cầm quyền Pháp, thỉnh thoảng, có những tin về tình hình canh nông, thương mại của một vùng, một tỉnh nào, cùng tin chiến sự. Người ta cũng thường gặp bài tường thuật những phiên họp của Hội đồng Quản hạt.

Những tin tức, những việc « ngoài Chính phủ » thuộc đề vào phần *Ngoài công vụ*, như tin một đê đúc đồng lúa (tức đồng *louis*) giả bị bắt quả tang ở Mi-tho.

Phần *Thư vụ* có giá trị về tài liệu. Vệ sinh thường thức, khoa học phổ thông, du kí, thơ, chuyên cổ tích, chính phần này cho ta thấy Thế-Tài Trương Minh-Kí đã đi trước Nguyễn văn-vinh trong việc dịch thuật truyện ngụ ngôn bằng thơ.

Lời rao vặt và quảng cáo hợp thành phần *Tạp vụ*,

Mỗi lần giới thiệu phần nào, diễn giả, đều có trích đọc những ví dụ điển hình khiến người nghe biết được sơ qua cách hành văn và cảm nghĩ của tiền nhân, ở cuối thế kỷ XIX.

Trước khi kết thúc buổi nói chuyện, diễn giả có nêu ra mấy nhận xét :

Người ta thường chê *Gia Định báo* là tờ báo của Pháp, nhưng xem lại, thì những tờ báo đầu tiên ở nước ta, đều do người Pháp sáng lập. Là tờ báo đầu tiên, thế nào nó cũng có nhiều khiếm khuyết, nhưng nó lại là một phương tiện giúp dân ta tiến bộ, nó đưa cơ hội cho người dân nhìn ra bốn biển năm châu; và tuy về mặt văn chương, nó còn vụng về như bước đi của trẻ thơ, nhưng nó cũng chứa một phần tinh hoa của dân tộc. Và nếu đứng về phương diện báo chí mà xét, thì tờ báo đầu tiên của nước ta đã rút được một số kinh nghiệm của báo chí quốc tế, như có đầy đủ tiết mục.

Và hôm nay, nhắc nhở đến *Gia Định báo*, là nhắc nhở đến công lao — chẳng phải công lao riêng cho tờ báo đầu tiên này —, mà công lao chung của những tờ báo đã ra đời sau đó.

Đề-nghị một đường hướng sáng-tác văn-nghệ phục-vụ Thanh-Thiếu-Nhi

Buổi thuyết trình thứ tư này (6-12-65) của Hội bảo vệ tinh thần thanh thiếu nhi, do ông Bùi Thanh-Tứ đảm nhiệm. Ông là một nhà giáo và một nhà văn rất sốt sắng với tuổi trẻ.

Sự quan trọng của vấn đề được ông phân tách trong ba mục: Nhu cầu văn nghệ của thanh thiếu nhi, Văn nghệ đóng vai trò chủ yếu trong giáo dục. Sáng tác văn nghệ phục vụ thanh thiếu nhi là vấn đề khó khăn và to lớn. Ông có mượn lời của Lương Khải Siêu để tóm lại mục thứ ba này: *«Muốn làm mới xã hội thì phải làm mới con người, muốn làm mới con người thì phải làm mới tình cảm con người, muốn làm mới tình cảm con người thì phải làm mới văn nghệ»*.

Rồi ông soát lại quá trình văn nghệ phục vụ Thanh Thiếu Nhi, từ văn chương bình dân, qua sách báo dành cho tuổi trẻ thời tiền chiến đến những sáng tác văn nghệ dành cho Thanh Thiếu Nhi ngày nay. Ông có nhắc đến đôi nhóm nhà văn, nhà giáo, nhạc sĩ đã cố công giáo dục, giải trí Thanh Thiếu Nhi hiện tại bằng những tờ báo, những loại sách, những bản nhạc tốt lành.

Nhưng tại sao những nhóm người thiện chí này lại thất bại? (sống không

thu hoặc sống mòn mỏi)

Thuyết trình viên cho rằng; «Trước hết các loại sách báo của chúng ta tuy có nội dung đúng đắn nhưng dễ tài của chúng ta lại khô khan, không sát với tâm lí của tuổi trẻ. hình thức lại quá thô sơ, không hấp dẫn, tỉ như viên thuốc bõ nhưng rất đắng khiến cho các em không ưa thích. Thứ nữa là chúng ta tuy có thiện chí, có quyết tâm, nhưng lại rời rạc lẻ tẻ, do đó việc làm có tánh chất mò mẫm, thiếu sáng tạo và nhất là tài chánh không đủ chịu đựng lâu dài. Ngoài ra, chúng lại không được sự ủng hộ rộng rãi của các bậc phụ huynh, của các trường học, khiến cho sự phát hành bị đình đốn.

Sau đó, ông đề nghị mấy tiên chuẩn này sau khi bày tỏ ý kiến mình: văn nghệ phục vụ Thanh Thiếu Nhi phải nhằm mục đích đào tạo những công dân tốt cho xã hội, và việc sáng tác văn nghệ phải vừa có tánh chất xây dựng vừa có tánh chất tranh đấu

**1. Xây dựng tình cảm và đạo đức chân chính:*

— Văn nghệ không thể chỉ mang tánh chất đạo đức khô khan mà phải đủ sức gây ch các em sự xúc cảm trong tâm hồn, để có những hành động hợp với đạo đức, với lẽ phải

2. *Xây dựng lí tưởng cao đẹp:*

— phần đông Thanh thiếu nhi không rõ mình đi học để làm gì; văn nghệ phải làm cho các em thấy tình trạng của mình (chậm tiến), của dân mình (nghèo khổ) để gây cho các em lí tưởng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ dân tộc.

3. *Xây dựng lòng yêu chuộng khoa học về quan niệm đường dẫn về thẳm mi:*

— thiếu hướng dẫn, các em ọi những truyện quái đản, hoang đường, «chường» đầu độc, và các em quan niệm sai về thẳm mi (nói tiếng lóng, chữi thề, ăn mặc mặc lối lằng); văn nghệ có trách nhiệm làm cho các em hiểu rằng khoa học là phương tiện cốt yếu để con người tiến bộ, rằng cái đẹp thực sự chính là sự tự nhiên, sự giản dị thích hợp với cái bản chất dân tộc.

Phần kết, thuyết trình viên đưa ra bốn đề nghị để thực hiện phần lí thuyết:

1. Hội đồng bảo vệ Thanh Thiếu Nhi

cần thành lập một tiểu ban nghiên cứu phê bình sáng tác phẩm dành cho Thanh Thiếu Nhi để tiến tới việc đề nghị với chánh quyền giao cho Hội đồng quyền ấn loát phẩm Thanh Thiếu Nhi.

2. Kêu gọi các nhà văn nghệ các nhà giáo tổ hợp thành những nhóm nghiên cứu sáng tác cho Thanh Thiếu Nhi.

3. Kêu gọi các nhà xuất bản góp sức đề văn nghệ phẩm Thanh Thiếu Nhi có nhiều, đẹp và rẻ.

4. Tổ chức các cuộc thi văn nghệ như làm thơ, viết truyện, vẽ tranh để động viên thanh thiếu nhi sáng tác.

Nhà văn Bình-Nguyễn-Lộc điều khiển cuộc thảo luận. Chủ tọa đoàn gồm có nhà giáo, nhà văn, nhà báo, nhà xuất bản từng hoạt động cho tuổi trẻ. Cho nên cuộc trao đổi ý kiến linh động và hào hứng.

VỀ LIÊN TIẾP TỪ NAY ĐẾN TẾT
NHIỀU SÁCH HAY GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ I. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách:

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về: Chính-trị, Triết-học, Văn-học, Khoa-học, Nghệ-thuật v. v...

ĐÍNH CHÍNH VỀ BÀI CỦA Ô. TẠ TRỌNG HIỆP

(Xin xem từ B.K.T.Đ. số 213)

Nơi cần chỉnh	Thoại BK	Thoại cải chính
BK 207		
A/-7 — trang 21	trong khi kính thi	trong kính thi
B/2 7	không kém đều chép (đảo lộn hai chữ)	không kém đều chép (đảo chữ Cf, đem đặt liền trước Hứa Duy Quát ; đảo mặt chữ cột-vấn của thi , đem đặt liền sau chữ thi)
c (4) dòng 5		
đồng 7 — trang 22 :	Thượng-hải 1955, 11	Thượng-hải 1955, 11
A/3 11	sửa lẫn ra lại sửa cổ-nhân	sửa lẫn ra lại sửa văn cổ-nhân
cuối 16		(thêm dấu hỏi vì câu này là cột-vấn)
B/6	mà ai hiệu-dính	mà ai hiệu-đính
8	(sót 16 chữ sau chữ tiến hành và trước chữ chừng)	tiến-hành xa hơn nữa, phân-tích tài-liệu mà đoán-dịnh được thoại nào gần nguyên-văn (hừng nào
.10 — trang 24	của các-giã	của tác-giã
A/11	Ngân nhờ	Ngân, nhờ
B/5 c (1)	ta có thể thêm (năm chết của Vương Niệm Tôn bị in mờ)	ta có thêm 1832
— trang 25 :	Thông-giám Hồ-chú biểu-vi	Thông-giám Hồ-chú biểu-vi
A/-5 — trang 26 :	gọi gọi là	gọi là
A/23	(con số 474 bị đặt nhầm dòng)	(đem 434 đặt lên đầu dòng 22, trước ti-la)
B/7 15	Có bản nôm giã-đề	Có khi bản nôm giã-đề
—5 — trang 27 :	bận với bận	bận với bận
A/19	đề muộn)	đề muộn)
B/2 — trang 28 :	động-từ như	động-từ),
A/6	Nguyễn Hiến Lê nào	Nguyễn Hiến Lê, nào
18 -7 -6	chứng-cứ y tổng-hợp lý-do hiệu-dính và hẳn ta	chứng-cứ, tồn -hợp lý-do hiệu-đính và hẳn là
B/16 — trang 29 :	thóp ấy , đáng gọi	thóp ấy (ở vế 2 ^o 4), đáng gọi
A/-10 và -9	một sơ-suất	một sơ-suất
-6 -2	vế 174, 364 (d / r) 308	vế 174, 179, 364 (d / r). 308
B/2 — trang 30 :	ở vế 661 ông HXH	ở vế 661, ông HXH
A/13 17	một loại nôm quý rực-tiếp	một thoại nôm quý trực tiếp
c (1) dòng 6	(số vế mang chữ quỳnh-đào bị in mờ)	quỳnh-đào (vế 15)
B/4	nhiều chỗ khó	nhiều chỗ khó

BK 208

— trang 22 :
A/15
A : điển non Thần

A/-1
B/16
— trang 23 :
A/6

-17

B/14
— trang 24 :
A/-15
— trang 25 :
A/7 và 8

18

B/8

15

24

-9

— trang 26 :

A/5

15

91

-5

B/13

B/18

21

23

-10

-2

— trang 27 :

B/ đoạn 2

B/-1

— trang 28 :

A/1

A/2

3

9

B/-9

— trang 29 :

A/3

A/6 và 7

21

-6

có thể là năm

Quân-trung đối.
và lâu không chớp.

trở chốn liên

(về 392-393) trong thơ

/Sinh thì

ví miệng người đẹp với nụ hoa
hở
nảy lại có một nghĩa
ý-nghĩa
vỡ g-lự
sang thu). Ngàn sương
trong. **Chiêu-hồn-ca**

hết thu này xuân khác
ý cả về là
đào bông hoa
trong các chú-thích 36 và 260)

mai chín
mặt giai-kỳ
trong **Chú-lễ**
Nếu tôi không gán sai
Cưới gả
Riêu

Khuôn, khùng, vành, vòng
tài sắc trong khuôn

(thừa hai chữ **khuôn trời**)
khí hồng).
chuồn trời
Đầy-dun báo nước
đề thơ chính vị

cánh mây
"à thổi :
mặt liếc
Đ. o điển **nhấn cá**

có thể chỉ là năm

(**Phụ-chú** : gốc điển khởi từ lời của Từ Thị viết trong thư dâng lên Tần Thủy-hoàng, trong **Sử-kí** của Tư-mã Thiên quyển 6, **Tần Thủy-hoàng bản-kí**. Xem thêm **idem**, quyển 8 **Phong-thiên-thư**).
Quân-trung đối về 7.
và lâu không chớp».

trở chốn tiên

(trước câu **Sao** hay **trắng**, phải có dấu chấm ngắt câu trước)
(về 192-93 trong thơ...)

/Sinh thì

ví miệng người đẹp với nụ hoa,
ví miệng cười với hoa nở
nảy lại có một phần-nghĩa
ý-nghĩa
lỡ g-lự
sang thu./ Ngàn sương
trong **Chiêu-hồn-ca**

hết thu này sang xuân khác
ý cả về là
đào bông hoa
trong các chú-thích 36 và 260 của
bản BC/HXH).

mai chín
mặt giai-kỳ
trong **Chu-lễ**
Nếu tôi không gán sai
cưới gả
Kiêu

Khuôn, khùng, vành, vòng
tài sắc vào trong khuôn

chỉ hồng./
khuôn trời
Đầy-dun báo nước
đề thơ, chính vị

cánh mây
"à thổi :
mặt liếc
(Sau chữ **Đào**, phải chấm câu,
rồi xuống hai dòng, và viết
hoa chữ đ của **Điền**, vì đây là
một điệu khác)